

VẤN ĐỀ

NGUYỄN SỸ TẾ
VIỆT NAM TRONG TRẬN ĐỔ THẾ GIỚI

LỮ HỒ
VĂN HÓA VÀ VĂN NGHỆ

NGUYỄN THỊ THỤY VŨ
CHÂN TRỜI XA LẠ

NGUYỄN THỊ HOÀNG
MIỀN TRÚ ẨN

TRẦN DẠ TỪ
YÊU EM, YÊU LOÀI NGƯỜI

TÚY HỒNG
NHỮNG SỢI SẮC KHÔNG

NGUYỄN XUÂN HOÀNG
HANG ĐỘNG TUỔI THƠ

Số 17 * tháng 12-1968 * giá 40đ

nguyệt san VĂN ĐỀ số 17



Paris * 04.2025

Bìa : nguyệt san Vấn Đề
Nguồn: Thư viện Tiểu Lùn

nguyệt san VĂN ĐỀ **số 17**

Nguyệt san Văn Đề
Số 17 tháng 12-1968

Nguyệt san VẤN ĐỀ
số 17 * Tháng 12-1968



trong số này :

- | | |
|---------------------------------|------------|
| 1. Nguyễn Sỹ Tế | 10 |
| Việt Nam trong trận đồ thế giới | |
| 2. Lữ Hồ | 38 |
| Văn hóa và văn nghệ | |
| 3. Nguyễn Thị Thụy Vũ | 62 |
| Chân trời xa lạ | |
| 4. Thế Vũ | 100 |
| Nỗi hoài nghi mới | |

- 5. Dino Buzzati** **118**
Những mô đất trong vườn * Nguyễn Thu
Hồng dịch
- 6. Phạm Thiên Thư** **134**
Chiếc tù và giữa chợ ; Bầy thú buồn phiền
- 7. Nguyễn Thị Hoàng** **165**
Miền trú ẩn
- 8. Trần Dạ Từ** **196**
Yêu em, yêu loài người
- 9. Túy Hồng** **217**
Những sợi sắc không
- 10. Nguyễn Xuân Hoàng** **241**
Hang động tuổi thơ, mưa trên căn gác
gỗ.



Nguyệt san Chính trị * Kinh
tế * Xã hội * Văn hóa

* Chủ nhiệm sáng lập : ông Vũ Công
Trực.

* Chủ biên : ông Vũ Khắc Khoan.

* Thư ký tòa soạn : ông Mai Thảo.

* Thư từ, bản thảo : ông Vũ Khắc
Khoan.

* Ngân phiếu : bà Bùi Thị Hòa Khanh.

* Địa chỉ mới của Tòa soạn : 222
Trương Minh Giảng, SAIGON.

Ấn quán : Đại học Vạn Hạnh - Đ.T.
: 25 946

Nguyễn Sỹ Tế

Việt Nam trong trận đồ thế giới

Dầu nhận định tầm quan trọng của những yếu tố quốc nội đến đâu chẳng nữa, người ta vẫn thấy rằng cuộc tranh chấp ở Việt Nam hiện nay có một mối liên hệ mật thiết đến khá nhiều quyền lợi quốc tế phức tạp, trong khuôn khổ của một điều mà người ta nhằm tiến tới, đều mệnh danh là « sự quân bình thế giới ».

Ở miền Nam, người ta đã phàn nàn nhiều về sắc thái Mỹ hóa của cuộc chiến tranh mà người ta đang tìm cách Việt

hóa trở lại vì lý do này hay vì lý do khác. Ở miền Bắc, sau nhiều năm bít dấu cái thực chất quốc tế của cuộc tranh chấp, người ta đã bắt đầu chính thức sử dụng những ngôn từ có thể làm nản lòng những người đã vô tình hay hữu ý hợp tác với họ : phe xã hội chủ nghĩa – cộng sản miền Nam sản miền Bắc cộng sản quốc tế ... cộng.

Cả đến vấn đề dân tộc tự quyết và vấn đề nhất thống xứ sở này, nếu một mai có được giải quyết, thì cũng là tùy thuộc một phần lớn vào cuộc vận hành của thế giới trong những năm sắp tới. Cộng sản miền Bắc đã bắt đầu bỏ rơi vấn đề thống nhất Bắc Nam mà cách đây mấy năm họ còn gia sức hô hào. Và nguyên tắc dân tộc tự quyết mà người ta muốn đưa ra để giải quyết nền chính trị tương lai của miền Nam, nếu thành vấn đề sẽ

còn được bàn cãi và mặc cả ráo riết chẳng những giữa hai miền Nam Bắc Việt Nam mà còn giữa hai phe dân chủ và xã hội.

Nay thử đặt vấn đề Việt Nam trong khuôn khổ của hai trận tuyến nói trên để ước đoán một sắc diện tương lai, sắc diện quốc tế, của cuộc tranh chấp ở nước nhà.

✱

Nói đến quyền lãnh đạo ở phía bên kia chiến tuyến, không một ai phủ nhận vai trò của Nga Sô và Trung cộng. Trước kia, người ta nói tới cái thế kẹt của Bắc Việt giữa hai ảnh hưởng ngược chiều của hai nước khổng lồ đó. Ít lâu nay, vì những khó khăn nội bộ, vì chưa dám xô đẩy Nga sô lạc vào đường chiến tuyến Tây phương bắt tay với Mỹ chia cắt Trung

hoa lục địa (một giả thuyết khó có thể xảy ra nhưng không phải là không thể xảy ra trong hiện tình tâm địa và quyền lợi quốc tế), Trung cộng đã có phần chịu lép vế ít nhiều về “ảnh hưởng tác động” đối với nước láng giềng nhỏ bé của họ là Bắc Việt. Báo chí Tây phương mới đây nói tới một thái độ tạm thời hòa hoãn của Bắc Kinh đối với một số lân bang của họ, Việt Nam cũng như Căm-bốt. Như vậy, hiện nay chính sách của miền Bắc là nằm trong đường sức của chính sách Nga sô.

Xét đến vai trò của Nga sô đối với Bắc Việt người ta lại nhận ngay thấy nạn khủng hoảng lãnh đạo ở chính điện Kremlin. Cuộc khủng hoảng này vốn đã xảy ra từ sau thời Staline, càng trở nên sâu rộng sau thời Kroutchev. Chính sách xét lại của Nga sô mà Trung cộng không

ngót đả kích một cách thậm tệ từ nhiều năm nay, thực ra cũng chỉ là một thứ chủ nghĩa xét lại nửa vời đã gây nên rất nhiều phản kháng của các giới thanh niên, văn gia, khoa học gia, chuyên viên kinh tế kình chống nhau với phe quân sự trong chính nước Nga, điển hình là bản Tham luận của Shakharov hồi tháng 6 năm nay (1968).

Kịp đến khi Nga xô đem quân của Minh ước Varsovie vào ngăn chặn phong trào cải cách ở Tiệp Khắc thì cuộc khủng hoảng, lãnh đạo của phe xã hội chủ nghĩa đã bước vào giai đoạn trầm trọng thực sự. Trong nước Nga, sự chống đối đã thể hiện thành hành động hãn hoi, điển hình là vụ tập hợp và toan tính biểu tình của hơn một giới dân chúng tại Công trường đỏ. Ở ngoài nước, sự chống đối đường lối của Nga nơi các cộng đảng thế

giới còn lại mạnh mẽ hơn nữa : hầu hết các cộng đảng Tây Âu, nhiều cộng đảng khác như Albanie, Nam tư, Nhật bản...

Nhiều cuộc hội nghị lớn, nhỏ đã liên tiếp diễn ra trong ba tháng nay (kể từ vụ Nga can thiệp ở Tiệp ngày 20-8) hầu mong hàn gắn những rạn nứt trong hàng ngũ cộng sản nhưng kết quả vẫn chưa đi tới đâu. Trước hết, đó là những vụ tiếp xúc tay đôi ở Mạc Tư Khoa giữa các nhà lãnh đạo điện Kremlin với nhiều lãnh tụ cộng đảng thế giới với những tin tức và công bố nghèo nàn nói lên chính cái lỏng lẻo của những cuộc tiếp xúc đó. Đó là cuộc hội nghị lần thứ năm của cộng đảng Ba Lan ở Varsovie – một kỳ hội nghị mà ý nghĩa quốc tế đã lẫn át ý nghĩa địa phương. Hơn 30 cộng đảng anh em tham dự với những thành phần phái đoàn cực kỳ chênh lệch nhau

về ngôi thứ. Nga sô đã cử hẳn một phái đoàn thượng đỉnh gồm cả Kossiguine lẫn Brejnev sang tham dự những mong biện minh cho việc can thiệp của họ vào Tiệp Khắc và đặt để đường lối của họ cho những cộng đảng khác trong tương lai. Kết quả của hội nghị vẫn tầm thường : Chỉ có các lãnh tụ Đông Đức và một phần lãnh tụ Ba Lan là ủng hộ Nga ; những nước còn lại trong Minh Ước Varsovie có đem quân vào Tiệp đến đây cũng trở thành tiêu cực, không còn nhiệt tình với Nga như trong bước đầu. Sau cùng, đó là cuộc hội nghị của hơn 60 cộng đảng thế giới họp ở Budapest ngày 18-11 mới đây để sửa soạn cho Hội nghị Thượng đỉnh các cộng đảng thế giới lẽ ra phải họp ngày 25-11 ở Mạc Tư Khoa và đã bị hoãn lại một lần trong kỳ Hội nghị sửa soạn trước cũng họp ở Budapest. Kết quả của Hội nghị sửa soạn lần

này là hoãn Hội nghị Thượng đỉnh tới tháng 5 sang năm và mở một hội nghị sửa soạn khác nữa vào tháng 3 năm tới ở Mạc Tư Khoa. Dẫu câu chuyện cũng không xa là bao lâu, dư luận chung, trong cũng như ngoài hàng ngũ cộng sản, vẫn là một dư luận nghi ngờ đối với kết quả của Hội nghị dự tính. Một điều đặc biệt bên lề cuộc hội nghị sửa soạn vừa rồi ở Budapest đó là mối lo ngại minh thị của Janos Kadar, con người Hung gia Lợi mà Kremlin đưa lên cầm quyền cách đây 12 năm sau vụ nổi dậy của quốc gia đó : lo ngại về những khó khăn mà ông ta cùng với các đồng chí thân cận sẽ gặp phải trong một phong trào đòi cải cách vừa mới manh nha ở Hung mà chính ông ta cũng muốn thỏa mãn một phần nào. Tương lai chắc còn có những vụ Hung 56, Tiệp 68.

Một mối bận tâm lớn lao khác của Nga sô là việc đối phó với Trung cộng – một đối phó khó khăn nguy hiểm vì đặt trên bình diện chính trị nhiều hơn là quân sự. Cuộc xích mích giữa hai quốc gia cộng sản lớn này quả thật đã trở thành xung đột thật sự, sau những vụ công kích nhau về ý thức hệ và những vụ triệt hạ ảnh hưởng của nhau ở nhiều nơi trên thế giới từ Nam Mỹ qua Phi châu đến Á châu. Bình thường Nga sô dè dặt và kín đáo trong việc chống đối Trung Cộng. Qua năm nay thì giới lãnh đạo ở Mạc Tư Khoa đồng tình với số trí thức Nga sô đã minh thị lên án các nhà lãnh đạo Bắc Kinh là theo phiêu lưu chủ nghĩa, mạo hiểm chủ nghĩa. Và trong kỳ hội nghị cộng đảng Ba Lan mới đây, Brejnev không ngại ngần gọi đường lối Trung Cộng là “tân chủ nghĩa xét lại” lạc hướng và đáng nên lên án đối với thứ

chủ nghĩa xét lại chính thống của Nga xô. Thế là cái nền tảng chính thống bị tước đoạt trở lại từ Hoa sang Nga, mặc dầu đó chỉ là một vấn đề ngôn từ mà thôi.

Kỳ thực, vẫn có một khó khăn căn bản cho Nga xô trong việc đối xử với Trung cộng. Nếu như trên phương diện quân sự và kinh tế, Nga xô có thể đè bẹp Trung cộng nhất là với sự đồng tình hay hợp tác của một số quốc gia nào đó ngược lại, trên phương diện tâm lý xã hội rộng lớn, Trung cộng lại có ưu thế hơn Nga xô.

Trước hết, đó là cái ghét ghen tự nhiên của con người đối với Nga xô trong cái thế siêu cường của nước đó. Sau là, vô tình hay hiểu ý, với phong trào cách mạng văn hóa trên hai năm trời nay nhằm hủy diệt tất cả quá khứ và hiện tại ở nhiều điểm bắt gặp chủ nghĩa siêu hiện

thực và chủ nghĩa thái cổ, Trung cộng lại chiếm được cảm tình của giới trẻ ở nhiều nơi, nhất là ở Tây phương. Sách của Mao được phổ biến ở nhiều nơi, kể cả ở thế giới Ả rập theo Nga. Một bằng chứng là thái độ khó chịu nếu không là minh thị lên án của Nga sô đối với những vụ Thanh niên nổi loạn ở Tây Âu, kể cả vụ biểu tình của 30 vạn người ở Luân Đôn hồi cuối tháng trước. Các nhà xã hội học có thể ghi nhận những nguyên nhân giải thích sự thành công nào đó của phong-trào nổi loạn có tính cách ngoạn mục kể trên : cái vô thức về một thứ thiên đường đánh mất của nhân loại, cái êm đềm của bản năng, vẻ đẹp của nỗi tiếc nhớ thời thái cổ, sự trốn tránh hiện tại và thực tại... H. Macuse nói : cách mạng nào cũng là phiêu lưu và lãng mạn. Vậy thì ít nhất trong một thành phần xã hội nào đó ngày nay, thái độ khôn ngoan, thực

tế lạnh lòng của Nga cũng là không đặc dụng.

Ta chỉ còn việc đặt Bắc Việt vào đường sức khúc khuỷu của Nga sô để nhận định cái sắc thái quốc tế hiện thời của phe chủ nghĩa xã hội trong cuộc tranh chấp ở Việt Nam. Dầu thận trọng đến đâu, người ta vẫn phải nhận rằng ảnh hưởng của Nga sô có tính cách quyết định đối với Bắc Việt. Các nhà bình luận chính trị ở Tây Phương đã phải nói rằng cuộc hội đàm Ba Lê giữa Mỹ và Bắc Việt có hậu trường của nó ở Mạc tư Khoa và Vạn Tượng (chứ không phải ở Varsovie giữa Mỹ và Trung cộng). Người ta còn nhớ một lời tuyên bố mới đây của Brejnev ở Budapest đi ngược chiều với những lời rêu rao của Bắc Việt : trong khi Bắc Việt cho rằng việc Mỹ ngưng oanh tạc toàn diện Bắc Việt là một “thắng lợi to lớn” của họ thì

Nga xô, cho rằng đó là một dấu hiệu tiến bộ của Mỹ để đi tới hòa bình.

Đối với nội phe xã hội, tư thế của Nga xô là như trên. Đối với phe bên này, người ta nhận biết thái độ hòa hoãn rõ rệt của Nga đối với Mỹ. Báo chí Nga xô không còn tham dự một cách tích cực vào cuộc tuyên cử ở Mỹ như dưới thời Kroutchev. Các nhà lãnh đạo ở Mạc tư Khoa muốn duy trì nền giao hảo với Mỹ quốc và thực sự cũng tiên đoán thấy cái cán cân bấp bênh giữa hai ông Nixon và Humphrey trong cuộc tuyên cử. Lúc ông Nixon được đảng Cộng hòa đề cử ra tranh chức tổng thống, báo Nga đã có đăng tiểu sử của ông ta một cách khách quan khác thường lệ. Và ngay bây giờ Nga xô vẫn còn nóng lòng muốn có một hội nghị thượng đỉnh với tổng thống đắc cử. Cuộc can thiệp của Nga xô ở Tiệp mà nhiều

nhà quan sát Tây phương nhận định là theo áp lực của giới quân sự Nga, không phải là không có sự trả giá của Nga sô cho phe dân chủ ở nơi khác.

Có người nói tới một cuộc can thiệp có thể xảy ra của Trung cộng vào câu chuyện Việt Nam ngay trong hàng ngũ phe xã hội. Nhưng đa số các quan sát viên cho rằng vụ can thiệp đó khó có thể xảy ra trong tương lai gần vì nhiều lý lẽ đã trình bày trên kia và vì thực sự cuộc khủng hoảng lãnh đạo ở Bắc Kinh còn trầm trọng gấp bội cuộc khủng hoảng lãnh đạo ở Mạc tư Khoa : Cuộc chính thức hạ bệ Lưu thiếu Kỳ không phải là đã chấm dứt những khó khăn cho phe Mạo Trạch Đông ở Trung Cộng.

Cũng cần nói thêm rằng cái đường sức của Nga sô trên đây trong nét đại cương của nó cũng là hợp với Bắc Việt.

Cái ám ảnh hiểm họa Trung hoa không phải là đã gột rửa được trong một vài chục năm. Hơn nữa, không ai là không có kinh nghiệm về cái tâm địa các nhà lãnh đạo miền Bắc còn thực dụng, hơn cả người Mỹ; người ta không quên cái thái độ thực tế một cách trắng trợn của họ Hồ trong những năm đầu năm chính quyền đối với các nhà lãnh đạo chính trị và tôn giáo đối lập, đối với Trung hoa dân quốc, đối với cả Pháp quốc nữa.

*

Bước qua trận tuyến dân chủ. Do bản chất của phần đất này, những liên minh thường kém chặt chẽ và quyền lợi quốc gia lại có tác dụng mạnh mẽ hơn nữa. Sẽ thừa chẳng khi ta nói rằng vai trò lãnh đạo phía bên này cốt yếu nằm trong

tay người đồng minh to lớn của Việt Nam là Mỹ quốc. Đối chiếu với Nga, Mỹ tương đối rảnh tay hành động hơn đối thủ của họ. Sự tham dự của các nước Úc, Phi, Thái, Đại Hàn. Tân tây Lan... không làm lệch vai trò chủ động của Mỹ. Hơn nữa Mỹ lại không có một đồng-phe đối-thủ, kiểu Trung cộng đối với Nga xô, để tranh dành cái ngôi vị lãnh đạo không mấy hay ho của họ. Và cũng như Nga, cái thế siêu cường của Mỹ cũng là một đối tượng ghét ghen của hơn một quốc gia, dân tộc.

Nói như thế không có nghĩa là Mỹ không có những ràng buộc cũng chỉ vì sự hiện diện thường hằng của phe bên kia, phe xã hội chủ nghĩa. Thường khi trong những quyết định lớn lao có liên hệ đến quốc tế, Mỹ vẫn tham khảo ý kiến của những đồng minh mới và cũ của họ

nhất là của Anh, Pháp, Gia nã đại...

Ta hãy khởi đi từ Mỹ. Nếu Mạc Tư khoa chứng kiến một cuộc khủng hoảng lãnh đạo – một cuộc khủng hoảng mà nhiều quan sát Tây phương cho rằng sẽ chẳng bao lâu nữa dẫn dắt tới một cuộc đổi mới các nhân vật lãnh đạo thì Mỹ cũng đang trải qua một cuộc khủng hoảng tương tự. Cuộc khủng hoảng này đã bùng nổ mãnh liệt vào thời tiền tuyến cử vừa qua và chưa hẳn đã thanh toán xong trong một tương lai gần đây.

Trước ngày tuyển cử, người ta đã ghi nhận khá nhiều biến động : vụ dân da đen với cái chết của Mục sư L. King, vụ chia rẽ trong hàng ngũ đảng Dân chủ, cái chết của R.Kennedy, phong trào phản chiến trong đảng Dân chủ cũng như nơi giới thanh niên và học đường, những khó khăn kinh tế, những hao hụt chi thu

trong quỹ liên bang, cuộc tranh chấp đầy thủ đoạn ác liệt giữa hai đảng Dân chủ và Cộng hòa trong việc chạy đua vào Tòa Bạch Ốc. Cuộc tranh chấp đã tạm thời qua đi với sự đắc thắng của Nixon nhưng chưa hẳn đã chấm dứt. Cuộc thắng phiếu của Cộng Hòa chỉ sát nút đối với Dân chủ về ghế Tổng thống, còn Quốc hội vẫn lại thuộc quyền kiểm soát của Dân chủ. Báo chí Mỹ đã phải nhận định rằng Tổng thống Johnson đã để lại cho Tổng thống đắc cử Nixon một gánh nặng vào bậc nhất trong lịch sử Hiệp chủng quốc Hoa Kỳ. Người ta chưa biết Nixon sẽ xoay sở ra sao và chính sách đoàn kết quốc gia của ông có thành tựu được hay không. Những chính sách tỉ mỉ và dứt khoát của ông về một số vấn đề quốc tế trong đó có vấn đề Việt Nam cũng chưa thấy thành hình hay công bố. Và trong giai đoạn chuyển tiếp chính phủ hiện nay, nhưng

xung đột mới cũ không phải là không có, điển hình là những điều tuyên bố trái ngược nhau cả hai Tổng thống và của những vị phụ tá mới cách đây vài tuần lễ, nhất là về Việt Nam,

Dầu sao, trên những dữ kiện đã có, người ta có thể tiên đoán rằng sẽ có thay đổi nhưng không phải là thay đổi đến nền móng trong chính sách của Mỹ quốc. Người ta đã nhận thấy ngay từ ít lâu nay việc Mỹ quốc xích lại với Tây Âu sau những năm khảng tảng nhất là với Pháp quốc từ sau vụ biến động tháng 5 vừa rồi tại nước đó. Trước kia Tổng thống đắc cử Nixon đã xếp đặt sẵn một mối bang giao tốt đẹp hơn với chính phủ De Gaulle, nay Tổng Thống Johnson cũng long trọng cam kết giúp đỡ Pháp trong chủ trương khắc khổ và trong chính sách không phá giá đồng Phạt-lăng của họ.

Vụ Nga sô can thiệp vào Tiệp khắc hồi tháng 8 lại càng làm cho Mỹ trở lại thân thiện với Tây Âu hơn nữa, giúp họ và đồng minh san bằng một số những bất đồng chính sách. Khối Minh ước Bắc Đại Tây Dương có cơ hội để phục hưng và đoàn kết trở lại trước mối đe dọa của Minh ước Varsovie do Nga sô cầm đầu. Người ta đã nghiêm trọng cảnh cáo Nga sô rằng sẽ không để cho một vụ Tiệp khắc thứ hai xảy ra tại bất luận một nước nào khác ở Âu châu. Nhân quan của Nixon, theo những lời tuyên bố của ông và của những người phụ tá, muốn quay trở về Âu châu hơn là quá chú trọng tới Á châu như trước.

Người ta không được biết những gì đã được cam kết giữa Mỹ và những nước Đồng minh của họ trên chiến trường Việt Nam. Những cuộc tiếp xúc tay đôi

giữa Hoa thịnh đốn và các thủ đô Đồng minh cũng lại chìm lắng hẳn xuống trong những biến cố quốc tế có tính cách sôi động hơn : vụ Nga – Tiệp, cuộc tổng tuyển cử ở Mỹ, cuộc khủng hoảng tiền tệ ở Pháp, vụ xích mích giữa Hoa thịnh đốn và Saigon... Người ta chỉ nhắc nhở rằng Mỹ quốc dự trù nhiều phòng tuyến ngăn chặn sự xâm lăng của Trung Cộng ở Á châu. Mới đây Trung Cộng la hoảng rằng Mỹ đang thiết lập một phòng tuyến thứ hai ở Thái Lan song song với phòng tuyến Việt Nam. Ông Hoàng Cầm Bốt lo sợ cho số phận của ông trước áp lực của phe Xã hội chủ nghĩa cũng vừa tung ra một lời khuyến cáo “Mỹ nên ở lại Á châu, chẳng hạn Thái Lan” và một lời đe dọa “Cầm Bốt sẽ theo phe Cộng sản nếu Mỹ không thôi vì phạm biên giới Cầm Bốt”. Một giả thuyết khác, căn cứ vào việc Nga xô chèn ép Trung cộng ở Nam Dương

cũng như ở nhiều nơi khác đến nay vẫn chưa bị loại trừ đó là giả thuyết Nga có thể đồng tình với Mỹ về việc ngăn chặn ảnh hưởng của Trung cộng ở ngang vĩ tuyến 17 của Việt Nam trong khi chờ đợi một toan tính khác.

Bàn về trận tuyến tự do trong cuộc tranh chấp ở Việt Nam, điều quan trọng vẫn là mối dây liên lệ giữa hai nước Mỹ và Việt Nam cộng hòa. Thế mà mối liên lạc đó thì ít lâu nay quả có lâm vào khủng hoảng. Câu chuyện có một phần gắn bó với chính sách tuyến cử của đảng Dân chủ ở Mỹ và một phần với những lỗi lầm trong chính sách của đồng mình và sự dị biệt về tinh thần và tâm địa giữa hai quốc gia. Thật thế, việc than phiền của Humphrey cho rằng ông đã thất cử một phần vì chính phủ Việt Nam Cộng hòa đã không ủng hộ chính sách (quyết

định ngưng oanh tạc toàn diện Bắc Việt và mở rộng hội nghị Ba Lê) của Tổng Thống Johnson nói lên cái ẩn ý thực sự của bài diễn văn của Thống Thống Hoa Kỳ ngày 31-10-68, năm ngày trước cuộc tuyển cử. Những lỗi lầm trong chính sách đồng minh đã là đề tài phân tích và phê phán của nhiều cơ quan ngôn luận ở Mỹ quốc cũng như ở Việt Nam ; tất nhiên hầu hết nhận định rằng trách nhiệm chẳng phải chỉ ở riêng một phía Việt hay Mỹ. Miền Nam Việt Nam quả đã có nhiều biến động và bất ổn chính từ trong quá khứ, xã hội Việt Nam quả đã có nhiều tệ đoan đến nay chưa tận diệt được nhưng có thể nói V.N. chưa lúc nào phủ nhận sự cần thiết và tầm quan trọng của sự giúp đỡ của Hoa Kỳ. Đảng Dân chủ ở Mỹ quả đã có nhiều chia rẽ trầm trọng, chính sách của chính phủ Hoa Kỳ quả đã có nhiều do dự, quanh co thiếu

mạnh dạn và dứt khoát đối với thế giới, đã có nhiều thận trọng và e ngại thiếu nhất trí và tin tưởng (biện minh hay không biện minh) đối với phe quốc gia Việt Nam trong nhiều năm nay. Sự kiện tâm địa cũng là một yếu tố dự phần tạo nên mối bất hòa nói trên. Người Mỹ quả có tinh thần thực dụng, thái độ nôn nóng chờ kết quả, lối nói trực ngôn làm cho không cứ dân Việt Nam mà còn nhiều dân tộc khác phải nhận định về cái vụng về trong ngôn từ và hành động của ngay cả những chính khách tài ba lỗi lạc nhất. Chỉ đưa ra những lời phê phán thực tại : Tâm hồn đông phương quả là một niềm bí ẩn, người đông phương trọng lễ nghi, trọng cách cho hơn là của cho ; người Việt Nam quả vẫn sống ung dung nổi lên nhiều mâu thuẫn chẳng hạn, lẫn lộn một cách thấp kém để có miếng cơm manh áo, sự an nhàn nhưng vượt quá

một giới hạn nào đó của sự đê hèn thì lại sẵn sàng “tung hê” hết thảy và coi thường luôn cả cuộc sống. Nhà xã hội học nói sao trong chủ trương cảm thông giữa các dân tộc ? Không, biên giới quốc gia vẫn nặng nề hơn biên cương thế hệ không như vài nhà bình luận gia tây phương đã nhận định vội vàng nhận những vụ khuấy động của thanh niên thế giới mùa thu vừa qua. Không ai phủ nhận cảnh chia rẽ nào đó giữa những lực lượng nào đó giữa những lực lượng chính trị, tôn giáo, chính quyền ở miền Nam Việt Nam. Nhưng phản ứng mà tây phương dự tính về phía người Việt Nam có thể sai lầm. Khó có thể có những biểu dương lực lượng hồn nhiên để chống đối nhau vì những có kém quan trọng. Tất cả sẽ diễn ra trong bóng tối nếu có. Trong giờ phút cảm gọi đến thiêng liêng của dân tộc, hầu hết phải run lo trước trách nhiệm nặng

nề đối với lịch sử; và ở hàng ngũ quốc gia, chẳng có ai dám bảo đảm một điều gì từ phía cộng sản cả.

Thực ra, những trình bày trên đây chỉ là bất hòa ở chiều nông. Ở chiều sâu, tinh thần tự do và quyền lợi thực tế của Mỹ quốc vẫn là những điều dẫn dắt hành động của họ : miền Nam nước Việt còn, quyền lợi và danh dự của Mỹ quốc còn. Và lại, chiều hướng của chính sách hai quốc gia Mỹ Việt đã bắt đầu quy tụ trở lại trên những cam kết cũ và những khả năng mới.

✱

Trong hai phần phân tích liên tiếp trên đây, ta đã cố gắng trích xuất với trước giảm cái động cơ quốc tế ở mỗi

bên trận tuyến Việt Nam. Tổng hợp lại, ta có thể ghi nhận rằng cuộc chiến tranh ở Việt Nam chẳng phải chỉ là một cuộc xung đột quân sự giữa hai phe người Việt Nam bất đồng quyền lợi. Nó là một cuộc tranh chấp hằn hoi trên những nền tảng ý thức hệ nghịch hướng ; nó là một thí nghiệm tác tạo và chịu đựng giữa hai phe xã hội và dân chủ trên thế giới với những đường nét quanh co vô thường do những tranh chấp nội bộ ở mỗi phe, do tình hình chính trị và quyền lợi của những đại cường quốc lãnh đạo tạo ra.

Tuy nhiên, đó vẫn chưa phải là tất cả vấn đề Việt Nam. Khía cạnh quốc nội của vấn đề cũng không kém phần quan trọng bởi lẽ Việt Nam không phải là chiến trường độc nhất của cuộc chanh chấp quốc tế nói trên. Và chẳng hệ thống các tương quan vẫn chưa minh xác đầy

đủ. Chẳng hạn, ta còn phải xét đến cái tương quan trời sứt giữa hai thế lực quốc nội xung đột và các tương quan giữa hai phương diện nội ngoại của cuộc chanh chấp. Và trở lại với cái gọi là quân bình thế giới, ta cũng nên nhớ đó là một thứ “quân bình sinh động” của xã hội con người nghĩa là một thứ quân bình đạt được để rồi lại tan đi, phá đi để rồi lại tái lập trong một vận động biện chứng miên miễn và lẽ tiến hóa đương nhiên của những sự kiện thuộc con người. Trong những lộ trình đó, sự tình cờ nhiều khi cũng có một tiếng nói đáng kể. Lịch sử chúng nghiệm vẫn chưa phá vỡ cái chân lý cũ kỹ này “Nguyên nhân nhỏ hậu quả lớn”.

NGUYỄN SỸ TẾ
(27-11-68)

Lữ Hồ

VĂN HÓA VÀ VĂN NGHỆ

Nói văn nghệ là một thành tố của văn hóa, thật đúng. Nhưng đồng hóa văn hóa với văn nghệ là một sai lầm. Trong yếu tính, Văn hóa tập hợp mọi căn bản tinh thần đã được tinh chiết từ sinh hoạt : Cổ tích, phong tục, nghệ thuật, ngôn ngữ v.v... đều là thành tố của văn hóa. Thực tính của văn hóa là di vãng lưu di. Tác phẩm của Nguyễn Du, nhà Văn miếu ở Hà nội, Bảo tàng viện Sài Gòn, Tàng Thơ ở Huế, các giọng hát, điệu hò, các hội ngày xuân ở miền Bắc đều là di tích của một nếp sống tinh

luyện từ dĩ vãng và tồn tại. Dĩ vãng mất hẳn là lịch sử. Chứng tích còn lại là sản phẩm văn hóa. Nói văn hóa là nói giáo dục. Giáo dục là khí cụ truyền thụ sở kiến của dĩ vãng, thật nghiêm vào hiện tại để hướng tới tương lai. Vậy, đặc chất của văn hóa là tinh thần và dĩ vãng. Ta thường nói tới một nền văn hóa cổ với những tàn tích còn di lưu. Nói hoạt động văn hóa bao gồm giáo dục với văn nghệ không được đúng. Nhà giáo dục có thể là một cán bộ văn hóa nhưng chưa phải là nhà văn nghệ. Công trình văn hóa là công trình sưu tập. Công trình văn nghệ là công trình sáng tạo. Một bên gọi lại hương xưa. Một bên phát kiến ra tác phẩm mới. Một con đường lui về quá khứ, kéo níu những gì đã qua. Một bên thở hơi hiện tại để hướng về tương lai. Hai sự thể cùng chung một gốc nhưng lại chẻ làm nhiều hướng.

Đặc chất của văn hóa là dĩ vãng.

Một Nguyễn Tuân viết văn. Nguyễn Tuân làm văn nghệ. Nguyễn Tuân góp phần hữu hiệu vào văn hóa nhưng Nguyễn Tuân là nhà văn nghệ chứ không phải là nhà văn hóa. Một Đào duy Anh viết sách. Đào duy Anh làm văn hóa, Đào duy Anh là nhà văn hóa chứ không thể là văn nghệ. Chính ở đây, cần phân biệt ngay học giả với văn gia. Dù cả hai đều hoạt động bằng ngôn ngữ, văn tự nhưng học giả chú vào biên khảo, tác giả trọng vào sáng tác. Một công trình sáng tác có giá trị được gọi là một nghệ phẩm. Nó chỉ trở nên sản phẩm văn hóa nếu còn tồn tại qua sự đào thải của thời gian. Hai hạng người chuyên làm văn hóa hữu hiệu nhất là : học giả với nhà giáo. Học giả lo sưu tập những gì đã qua. Đã qua là yếu tố quan trọng. Bởi vì, có người làm

tuyển tập “Hai mươi nhà thơ hôm nay” hiểu rộng có thể là làm văn hóa nhưng thực tế vẫn là làm văn nghệ. Thiếu dĩ vãng thì chưa đạt được giá trị văn hóa. Nói rộng ra, nhà văn hóa đặt sinh hoạt trên công trình sáng tạo của người xưa, người khác. Nhà văn hóa lại chú tâm vào việc sưu tầm, thẩm định, kiểm chứng, san định, hệ thống hóa. Rõ hơn nữa, một tác phẩm văn hóa phải thu thập quá trình hoặc chứng tích của một lễ lỗi tinh thần nào đó đã trở nên phổ quát đối với dân tộc, nhân loại. Cũng trong nghĩa đó, người làm văn hóa phải uyên thâm, quảng bác và... có tuổi. Một cậu thợ may có quyền xuất bản một tập thơ để được gọi là thi sĩ, chứ không thể bắt thiên hạ suy tôn mình là nhà văn hóa tí hơn 17 tuổi dù anh đã viết cuốn sách “khảo về lối đấu khẩu của hai họ nhà trai, nhà gái trong một lễ rước dâu ở miền Bắc” ! rất

có giá trị và công phu. Vậy, một tác phẩm văn hóa phải có đủ hai yếu tố thời gian trường cửu và không gian rộng lớn. Phải nói thêm về không gian vì, giả thử bây giờ ta có cuộc trao đổi văn hóa với nước Pháp thì những con người hiện tại Jean Paul Sartre, André Malraux, Bernard Buffet, Alain Delon, hay những tác phẩm *La nausée*, *un certain sourire* có thể vượt trùng dương sang Việt Nam với tư thế là sứ giả, là sự kiện văn hóa Pháp. Ngược lại, Ban kịch của Vũ khắc Khoan, Tranh sơn dầu của Duy Thanh, nhà thơ Thanh tâm Tuyền có thể đi Pháp với tư cách của văn hóa, của văn nghệ. Nhưng trong khuôn khổ của cái bùng binh Sài Gòn, một Duy Thanh, một Vũ khắc. Khoan, một Thanh tâm Tuyền chỉ là những nhà văn nghệ.

Đặc chất của văn hóa là dĩ vãng nhưng phải là một thứ dĩ vãng đã được

nội hóa. Chúng tôi đã có lần phân tích văn hóa dân tộc với văn hóa kỳ thị (coi Vấn Đề số 14) để nói rằng văn hóa Việt Nam không thuần nhất nhưng vẫn có đặc sắc dân tộc. Dù có tiếp nhận văn hóa Trung quốc ta cũng trả cái gì của Lý Bạch cho Lý Bạch mà chỉ ôm ấp cái hơi thở, cái khí phách của Bạch Liên cư sĩ trong giọng ca phẫn uất của Cao bá Quát. Dù cho đạo Phật đã vượt biển, trèo non từ Tây trúc sang đây, Phật giáo Việt nam cũng đã đồng hóa và sáng tạo trong tinh thần “dung tam tế” của Vạn Hạnh Thiền sư. Và dù, ông Đắc Lộ đã cho ta chữ quốc ngữ thì chỉ có chữ quốc ngữ mới là sản phẩm văn hóa của ta, còn ông Đắc Lộ thì vẫn là ông Tây của trời Tây. Chỉ những gì được tiếp nhận bằng cách nội hóa, tinh chiết thì mới được gọi là văn hóa Việt Nam. Cũng một lẽ đó các tác phẩm viết bằng tiếng Pháp, tiếng Anh

do người Việt sáng tác không thể gọi là sở hữu văn hóa Việt. Trái lại, tác phẩm Hán văn của các bậc tiên nho, tiên bối đều phải được sát nhập vào văn hóa Việt Nam vì người xưa đã viết theo tâm hồn Việt và được đọc theo giọng Việt. Chúng ta không bao giờ có thể tưởng tượng nổi cái Thư Viện Abraham Lincoln lại là Thư viện quốc gia, hay ngôi chùa Ấn độ ở đường Công Lý là ngôi quốc tự. Do đó, nhà văn hóa phải sùng thượng quốc hồn, quốc túy chứ không phải tiếp nhận nguyên chất ngoại lai. Thời gian trường cửu, không gian việt tuyến, quốc túy, quốc hồn là đặc sắc của văn hóa. Ngày nay theo chiều hướng đại đồng, nhân loại khao khát được giao liên văn hóa nhưng ai cũng đòi hỏi các đặc sắc, các dị biệt chứ không phải tương đồng. Chắc không ai chịu vượt 12.000 cây số từ đông sang tây để coi cái lương, trừ khi người ấy

là ông bầu của gánh hát hay ông trưởng đoàn văn nghệ ngoại giao. Hiểu như vậy rồi, ta thấy ngay tác phẩm văn nghệ chưa vượt khỏi mọi yếu tố thử thách đó.

Bởi những yếu tính trên của văn hóa, con người được gọi là Nhà văn hóa bắt buộc phải có phong thái đặc biệt. Vẫn biết mọi con người đều là những sinh vật văn hóa, mọi sắc thái sinh hoạt có trình độ bền bỉ và cao cả đều được gọi là văn minh nhưng trong con người văn hóa, nhân cách phải biểu lộ một phong thái đặc biệt : Về thân, nhà văn hóa không thể biểu lộ sự cục mịch của anh nông nô hoặc cái phè phỡn của tên trọc phú. Về tâm, nhà văn hóa phải có người xúc cảm thâm trầm mà không sôi nổi, đam mê như nghệ sĩ hay cuồng si như kẻ đa tình. Tình yêu phải hóa thành nhân ái. Cái sắc sảo, tàn nhẫn phải nhường chỗ

cho đôn hậu, khoan dung. Về trí, thủ đoạn, mưu mô phải dẹp tắt nhường chỗ cho thành tâm và khí tiết. Nhà văn hóa phải có khí tiết để khỏi làm nhục cho tinh thần, làm xấu tới cổ nhân. Không ai bắt buộc nhà văn hóa phải có cái vẻ đạo mạo, uy nghi của tên đạo đức giả. Nhà văn hóa có thể ngông như Lý Bạch, say như Lưu Linh, thẳng như Trần Lâm, và bản như Lý Thiết Quả. Cần nhất là phải có sự trong sáng trong tâm hồn. Bình hoa dơ không thể dùng để cắm hoa quý. Làm sao, khi nhìn vào nhà văn hóa, mọi người cảm thấy hứng thú mà không mê say, yêu chuộng mà không sỗ sàng, trầm tĩnh mà không lạnh nhạt. Phong thái ấy, đông hay tây, cổ hay kim cũng đều có. Cho dù nhà văn hóa có bước chân vào chính giới cũng không thể vì địa vị mà hủ hóa, không thể vì uy vũ mà tự khí. Bây giờ, nhắc tới vụ án Nhân văn, ai mà

chẳng ngậm ngùi cho Phan Khôi, Ngô tất Tố... ai mà không oán giận bọn văn nô. Ai cũng than rằng, các nhà văn hóa ít chịu ngồi lại với nhau. Điều đó không đúng. Vì người làm công tác văn hóa nhà nước với nhà văn hóa khác nhau trời vực. Một đảng hoạt động vì danh lợi. Một đảng hoạt động với ý hướng phóng khoáng, thanh cao. Bá Nha đã gặp Tử Kỳ lẽ đâu thiếu tri âm ? Câu sáo ngữ “làm văn hóa mà sai thì hại muôn đời” đã trở thành vọng ngữ. Văn hóa là một loại tín ngưỡng. Giáo chủ là chúng sinh. Kinh sách là tác phẩm lưu truyền. Trong tác phẩm văn hóa, nhòa tính đã thắng giáo điều, kinh viện. Phong thái nhà văn hóa không thể có những nét khúm núm của bọn tiểu nhân, nét kiêu căng của bọn xu thời. Nhà văn hóa phải có vẻ đẹp của một khung trời rộng, mây trắng lững lờ trôi. Không ai có thể quy tụ các nhà văn hóa

bằng danh lợi, uy vũ, bởi họ là kẻ nghèo hèn chẳng dời đổi, giàu sang không hoang phí, đàn áp chẳng sờn lòng. Họ là đàn ong hút lấy tinh hoa của nhân sinh để kết tụ thành chất mật sống. Nhà văn hóa cầm ngòi bút chấm mực đen nhưng lòng phải trắng như trang giấy mới. Quý trọng nhà văn hóa bằng cách giúp họ bảo tồn phẩm cách và giúp cho công việc khảo cứu ; sưu tầm của họ được tiến bộ là phương thế cao đẹp nhất.

Đặc chất của văn nghệ là hiện tại và tương lai

Sưu tập các bài thơ của các thi sĩ Việt Nam vào thế kỷ 18 không phải là làm văn nghệ đã đành, viết cuốn sách khảo về nguồn cảm hứng rạt rào của Hồ xuân Hương cũng chỉ là hoàn thành một công tác văn hóa. Văn nghệ là sáng tạo. Hẳn cứ gạt bỏ các vấn đề chủ nghĩa, khuynh

hướng, đường lối v.v... hay cứ tạm quên các danh từ cổ điển, lãng mạn, tả thực, siêu thực, tự nhiên, tượng trưng, đa đa, lập thể.... hiện thực xã hội...v.v ra một bên, chỉ nói tới công tác văn nghệ và con người văn nghệ.

Phải nhắc lại : làm văn nghệ là tạo dựng văn hóa. Tạo dựng hiện tại cho dĩ vãng. Sự thể ấy quả không có gì mới lạ. Ở một vài nước cộng sản, văn nghệ được coi là khí cụ của tuyên truyền. Hà nội gọi văn nghệ sĩ là văn công. Vài nước khác lại quy tụ các nhà Văn nghệ vào giáo dục. Tại miền Nam này, văn nghệ lêu bêu giữa bộ Văn hóa với Thông tin. Từ bao lâu, Văn hóa thường bị cưỡng bức và đồng hóa theo giáo dục. Nó chết cứng với sự tan nát của Thư viện, của văn khố, của một đa số nhà văn hóa đói rách, đọa đày. Văn nghệ rất xa giáo dục. Thỉnh thoảng, bộ

Thông tin tặng một giải thưởng, lập một đoàn múa hát để lấy tiếng hay tô điểm cho một gian hàng chợ phiên ở nước ngoài. Văn nghệ chỉ được chú trọng ở bộ mặt phấn son loè loẹt chứ không được bồi dưỡng. Đó là cái dở nhưng cũng biểu lộ được cái hay. Hầu hết các nhà văn nghệ có tâm hồn, nhấn mạnh ở chỗ có tâm hồn đã không chịu làm văn nô, văn công. Không chịu làm thì đói. Đói thì đổ xô vào ngành dạy học. Mà nghề dạy học, nghề mô phạm nó giết chết cái phong thái “mây tuôn, nước chảy, gió thoảng, trăng lên” của người văn nghệ.

Mô phạm và văn nghệ

Nhân một cuộc mạn đàm, nhà kịch Vũ khắc Khoan có nói với tôi. Muốn làm văn nghệ thì đừng quá dấn thân vào

nghề dạy học. Nhà văn Mai Thảo : “Một tác phẩm tốt phải chứng tỏ sự thoải mái của tâm hồn”. Tuy là câu chuyện chơi nhưng tôi không khỏi bận tâm suy nghĩ. Nói tới văn nghệ tất phải hình dung sự phóng túng, chân thật, buông thả, thật trái ngược với nghề thầy giáo công thức, mực thước và ... giả tạo. Nhà giáo là “sư phạm giới”, là ông mực sư nửa mùa. Với 15 năm dạy học, xuất từ trường sư phạm tôi có quyền xin phép tự nhận là nhà giáo nhưng chưa bao giờ dám tự nhận là nhà văn. Cái sự nghiệp viết lách mỏng manh của tôi nặng về giáo khoa hơn sáng tác. Không sáng tác thì không thể gọi là văn nghệ được. Trong những năm dài hướng dẫn nghề văn cho lớp trẻ, tôi luôn luôn bị lôi kéo bởi hai xu hướng đối nghịch. Mô phạm và nghệ sĩ. Khát vọng sáng tạo đã trở thành con chim bằng bị nhốt vào lồng mô phạm. Trong giáo giới, hễ nhắc

tối ông Vũ khắc Khoan thì ai cũng phát ngán. Quanh năm đi dạy trẻ. Nghĩ sao nói vậy. Cao hứng thì tối dạy. Say rượu thì ở nhà. Đối với các nhà giáo chân chỉ thì ông Khoan quả là một tay bay bướm, bê bối nữa là khác. Cho nên, ông chủ trường nào đã mời ông cộng tác thì đúng là hạng mắt xanh. Theo tôi, chính nhờ lối hành nghề khoáng đạt đó mà nguồn sáng tạo của ông đã được bảo tồn, di dưỡng. Sau “Thành cát tử Hãn”, ông còn dư công lực để đề luôn “Ngô Nhận” và đang kéo “Những người không chịu chết” trên Vấn Đề. Riêng tôi, tuổi tác thua ông Khoan đến một giáp, bước vào nghề dạy học, nhặt nhanh được năm ba chút tiếng tăm nên tự lấy làm khoái. Và có lúc đã coi nghề dạy học là cái nghiệp dĩ của mình. Nghề dạy học trước tiên là một kế mưu sinh. Một tay cày cho cả nhà mười bốn miệng ăn và đi học. Bao nhiêu thời giờ đều đổ

cả vào việc soạn bài, sửa bài, chạy trường và... ốm. Từ khi tờ Sáng Tạo đóng cửa tôi bỏ luôn nghề viết. Thỉnh thoảng giận đời lại phun một bài lẻ trào phúng cho tờ tuần báo mất dạy nhất nước để xả hơi. Quả nhiên, nhà giáo đã giết chết nhà văn rồi. Hôm nay, ghi lại những ý nghĩ lảm cẩm này, trước để biện hộ cho các đồng nghiệp khoái làm văn, sau là khuyên đàn em có muốn làm văn thì chớ làm nghề dạy học. Ở xứ mình rất ít có nhà văn nhà thơ thuần túy. Tạm dùng chữ thuần túy để chỉ người chỉ Làm và Sống với nghề văn. Nghèo đói và chiến tranh, hầu hết các nhà văn nghệ đều phải có nghề sinh sống riêng. Vũ hoàng Chương, Vũ khắc Khoan, Bàng Bá Lân, Doãn quốc Sỹ, làm nghề dạy học. Thanh Tâm Tuyền, Nhật Tiến và cả nhóm Tiên tuyến vướng vào lính, Đông Hồ, Lãng Nhân làm nhà in, và một số đông phải sống bằng Feuil-

leton của Tuần báo, Nhật báo. Dù vậy, làm nghề gì cũng có thể nuôi cảm hứng được, chứ làm nhà giáo thì hết đường làm văn nghệ. Thật thế, ở quốc gia văn hiến này, muốn làm nhà giáo không phải dễ. Phải chịu khó học lột da đầu cho có mảnh bằng. Phải ăn ở cho tiêm tất. Y phục phải đàng hoàng. Gia đình phải nề nếp. Phải biến mình thành cái máy nói : cái thước đo cái đồng hồ biết suy nghĩ. Đại khái, hằng tỷ chữ “Phải” bao vây lấy cuộc đời nhà giáo. Nó nhuộm đen. Nó trói buộc. Nó thúc bách. Nó nịnh hót làm cho đời sống nhà giáo đôi khi mất hết cả ý nghĩa nhân sinh. Làm một bài thơ tình cảm chân thành thì gặp ngay cái bĩu môi của cô học trò con gái. Làm một bài văn phóng khoáng thì có ngay cú điện thoại của phụ huynh học sinh. Nói một câu tâm lý thì bị vắn ngay ra cái đạo lý để bắt bẻ. Đó là chưa nói tới lối hành văn

câu thúc đẩy cả “thì, mà, là, với, cái, sự” đâm ra lĩnh kỉnh, khô khan. Cả năm có khi chưa đọc được một cuốn sách hay, thế mà cứ chúi mũi vào tập bài bất thành cú... có khi phát điên lên được. Viết văn có thể bất cần độ giả. Ai hiểu thì hiểu. Ai không hiểu thì thôi. Nhà giáo không thể làm thế được. Phải rán gân cổ mà dạy. Tất cả học trò đều phải hiểu được bài. Kể cả những thằng ngu độn nhất. Học trò xuất sắc, ngoan ngoãn càng ngày càng ít. Phụ huynh học sinh biết điều, biết điều, biết lẽ phải càng ngày càng hiếm hơn. Chủ trường coi nhà giáo là thợ nói. Học trò coi thầy giáo là con nợ. Lãnh tiền thì phải cày cho chăm chỉ và đúng kiểu. Học cho nhớ. Nhớ kỹ để đi thi. Thi xong là quên hết. Mãi lo thỏa hiệp với từ chương khoa cử, nhà giáo dần dần hóa thành bọn dối trá, Đã dối trá thì không thể làm văn nghệ được. Nhà giáo phải sống bằng

ý thức. Chỉ có văn nghệ mới đi sâu, mới bộc lộ được vô thức, tiềm thức của con người.

*

Trước đám học trò, mỗi lời nói của ông thầy phải : “như rìu chém xuống đá, như rạ ném xuống đất, như mật rót vào tai”. Không tự tin, không tin vào kiến thức, không tin vào lập luận của mình thì thầy giáo không thể giảng bài. Thầy đã không tin mình thì học trò làm sao tin thầy. Nhưng cái giọng truyền khiến của nhà giáo đã làm hại ông ta. Nói chuyện với vợ con, bạn bè với cái giọng nhát rìu ấy làm cho người ta khó chịu. Dạy học lại hay bình phẩm cái hay, cái dở của học trò nên nhà giáo lại mang tật hay phê bình, chỉ trích rất dễ gây ác cảm với mọi

người. Tự mình câu thúc vào khuôn khổ lâu ngày thành thói quen, nhà giáo tự tạo nên lớp men cổ đóng cứng cuộc đời, cô đọng hết mọi hoài bão. Từ đó, dần dần trở thành tiêu cực đến nỗi ai cũng dọa dẫm, bắt nạt được. Vì sợ mất uy tín, nhà giáo nghiêng rằng nhần nhục đến mức độ hèn nhát. Tự coi đời mình là bức tranh, nhà giáo không dám có một phản ứng nhỏ vì sợ tai tiếng làm hoen ố thanh danh. Tất cả những cảm hứng đáng lẽ phải tràn lan như bể cả, ào ạt như vũ bão, cuồng bạo như giông tố dần dần giải tỏa để trở thành giọt nước nhỏ dưới mái tranh nghèo. Mỗi lần vào lớp nhìn những mái đầu xanh, những đôi mắt sáng, nhà giáo có lương tâm sẽ cảm thấy mình là khúc gỗ mục giữa rừng hoa hàm tiếu. Cô đơn trong thực tại, nhà giáo tìm lối thoát vào lâu đài văn hóa của cổ nhân. Vay mượn cái hào hùng của Nguyễn

công Trứ, khoáng đạt của Cao bá Quát, bay bướm của Chu mạnh Trinh, tình tứ của Dương Khuê, đỉnh đặc của Nguyễn Khuyến, nham nhở của Trần tế Xương, khí tiết của Nguyễn đình Chiểu, dí dỏm của Hồ xuân Hương, trang nghiêm của Thanh Quan ... nhà giáo đã tự gán cho mình những lý tưởng cao siêu, những tư tưởng vĩ đại, những tình cảm dồi dào chính mình chưa từng có. Nhà giáo đôi khi trở thành đạo đức giả. Bao nhiêu là ản ức. Bao nhiêu là hy vọng dở dang. Tất cả chôn sâu vào tiềm thức. Cố gắng chôn sâu vào để tỏ ra mình là đạo mạo, là nghiêm trang, là mẫu mực của thiên hạ. Viết sách giáo khoa để dạy đời là một hành động man trá nhất mà nhà giáo có lương tâm bắt buộc phải chấp nhận.

✱

Đã làm nhà giáo thì không nên làm văn nghệ. Các cụ xưa đã biết tự câu thúc vào tứ thư, ngũ kinh, bắc sử, nam truyện kể cũng hợp lẽ. Trẻ con, cái tuổi đang hình thành sự sống không thể không uốn nắn, không thể không gò bó. Muốn uốn nắn, gò bó thì phải có khuôn mẫu. Nhà giáo là mẫu mực cho học trò noi theo. Cho dù bản tính con người có thiện, có ác, có hồn nhiên như các ông Mạnh, ông Tuân, ông Cáo nói thì sự dạy dỗ vẫn đảm đương nhiệm vụ vẽ lên đấy, bôi lên đấy các nét đẹp hay vết nhơ. Nếu nhập thể hơn, nhà giáo không thể tách rời sự dạy dỗ ra khỏi nhu yếu bảo trì, phát triển con người toàn diện cho gia đình, quốc gia, nhân loại mai sau. Thi hành nhiệm vụ tạm gọi là cao cả đó, nhà giáo thật khó mà phóng túng, khó mà cầu thả. Phải đoạn tuyệt với văn nghệ. Đoạn tuyệt để đóng đúng vai trò trên “sân khấu đời là

một bi kịch cho ai mới nếm, hài kịch cho người biết nghĩ lại mà coi”. Tự mình đã không làm lợi cho người thì cũng không nên gieo hại cho tha nhân. Mục đích của giáo dục không phải là đào tạo nên các thiên tài. Đã là thiên tài thì khỏi cần tới giáo dục. Nhà giáo chỉ đào tạo nhân tài. Nhân tài được un đúc tùy theo nhu cầu của tương lai đất nước, nhân loại. Đời sống của thầy là một bài học sống cho học trò. Người có liêm sỉ không thể bảo học trò chỉ nên làm theo điều ta dạy, chớ làm theo việc ta làm. Chấp nhận nghề dạy học thì chấp nhận luôn cuộc đời không công danh, sự nghiệp của mình. Đó không phải là tiêu cực. Đó là vinh dự, là đạo hạnh cho kẻ biết tri túc, có chung thủy. Giữa lúc này, nghề thầy đang xuống dốc. Nó đổ xuống không phải vì nhà giáo mà do bọn chính khách hết thời, bọn hoạt đầu rút lui về trú ẩn mưu lợi sau

khi đã thất bại chua cay trên đường danh lợi. Đó là bọn nhà giáo giờ thứ hăm lăm. Chúng chỉ mượn có để mưu sinh, để chờ đợi. Đối tượng của chúng không phải là tương lai của con em chúng ta mà con đường danh vọng mịt mù ám ảnh trước mắt. Làm nghề thầy thật cô đơn và túng thiếu. Nhưng hơi ấm của ta nhìn tuổi trẻ đâu có kém vẻ tươi sáng, thâm trầm. Đã vào lớp học thì hãy tạm biệt nàng ly tao.

Văn hóa, Giáo dục, Văn nghệ đều có linh tính riêng. Thà đừng làm. Làm ngược là hại người và tự tạo cho mình hoàn cảnh “thân bại danh liệt”.

Ước mong được già từ giáo dục.

LỮ HỒ

NGUYỄN THỊ THỤY VŨ

CHÂN TRỜI XA LẠ

Nhiều tin bàn tán về Đức. Có người cho rằng nàng lấy Lập và khi nàng có chửa thì hẳn bỏ trốn lên Saigon theo gánh hát cải lương, học ca vọng cổ, rồi được làm kép nhì có triển vọng làm kép chánh. Có người lại đồn rằng Đức năn nỉ Lập nhận làm cha cái bào thai trong bụng, nhưng Lập tàn nhẫn nói rằng đứa con chưa chào đời của Đức không phải là con của chàng. Đây là không khí tỉnh lỵ. Từ khi gặp Đức ở

chỗ hàng bán trái cây tới bây giờ, tôi vẫn chưa đến nhà nàng vì ngại má nàng cho là tôi đến dòm ngó để xác nhận tin đồn.

Bãi trường đã gần hai tháng rồi. Trong số bạn bè thi bằng Thành Chung chỉ có Sáo, Oanh, Tín và Quan thi đậu. Tôi không buồn như những đứa siêng học mà không gặp may. Tôi tự an ủi là mình học thiếu sót nhiều quá, ân hận nổi gì? Vả lại, tôi còn phải đi làm việc, thì giờ của tôi quá eo hẹp. Nhưng đôi lúc, tôi cũng thấy rõ là mình không đẹp, không tài, lại thiếu bằng cấp thì trời ơi, cái “tiểu sử” của mình sao mà trơn lu, thiếu hấp dẫn vậy.

Kim đã về quê sau khi được phóng thích. Nàng cho bà chị trưởng lên nhà trọ tom góp đồ đạc. Sáo cũng về Trà Vinh nghỉ hè. Chúng tôi mỗi đứa một nơi, Quan được đi nghỉ mát ở Ô Cấp hay

Long Hải, phần thưởng của kẻ thi đậu.

Lâu quá, tôi không gặp chúng bạn kể từ khi trường đóng cửa nghỉ hè. Lúc đầu, suốt ngày, ngoài hai bữa cơm, tôi mượn truyện Tàu đọc say sưa. Đột nhiên, tôi bứt rứt và tôi nghĩ rằng mình thử viết lách xem sao. Một ly nước chanh, một xấp giấy, một cây viết đủ giúp tôi tạo nhiều thế giới, trong đó có ái tình, tuổi trẻ. Bối cảnh trong truyện của tôi là một dòng sông, một ngôi trường. Viết xong, tôi quẳng tác phẩm mình qua một bên, không buồn đọc lại, đầu óc tôi xây xẩm. Một ngày đối với tôi dài thườn thượt và ban đêm, tôi lại mất ngủ thường xuyên.

Oanh đã về Sa Đéc. Chỉ còn Đức là người cùng tỉnh với tôi. Tôi lại buồn bực, muốn đi lang thang tìm nhà bọn bạn cũ tán láo. Nắng vừa bớt hanh, tôi đạp xe tới nhà Đức. Cánh cửa bên ngoài khép

hờ hững, tôi dắt xe đạp vào trong và áp mặt vào kẹt cửa. Giàn hoa lý với những chùm hoa vàng nhạt thơm thoảng. Bốn bề nắng gắt. Con chó phèng nằm thiu thiu bên hè.

Tôi gõ nhẹ nhẹ cánh cửa. Tiếng Đức vọng ra:

– Ai đó?

Tôi đẩy cửa bước vào. Đức nằm trên bộ ván gỗ, chống tay ngồi dậy. Tôi đến gần chưa kịp hỏi thì Đức ôm bụng nhăn nhó.

– Đau sao vậy? Bác gái đâu rồi?

Đức lắc đầu:

– Hình như bả ra sau vườn.

Đức quần chiếc mền dần trên bụng, rên khe khẽ. Tôi hỏi dồn:

– Uống thuốc gì chưa?

Vẫn lặng thinh, nàng lắc đầu rồi vụt lẫn ra ván, kêu lên nho nhỏ:

– Chết tao rồi, làm ơn đi kêu má tao dùm.

Tôi hốt hoảng chạy thẳng ra sau nhà. Bà Tư, mẹ của Đức đang ngồi thản nhiên chuốc tàu lá cau khô để bó chổi dưới ánh nắng lổ đổ trên chiếc nón lá bung vành. Tôi lại gần gọi giật:

– Thưa bác, con Đức đau nhiều quá.

Bà Tư há hốc mồm và quăng con dao chành xuống đất, chạy vào nhà. Tôi trở lại đỡ Đức dậy. Mồ hôi nàng ướt cả trán, lạnh ngắt, và hơi thở nàng dồn dập, mệt nhọc.

Hốt hoảng, bà Tư chạy qua hàng

xóm la bài hã:

– Ai cứu dùm con tôi?

Bà Hai Trầu thò đầu ra, hỏi dồn:

– Gì đó chị Tư?

Bà Tư mếu máo:

– Chị qua coi con Út tôi nó gần như ngất mình.

Hàng xóm nghe kêu cứu chạy tới tấp vào nhà. Bà Hai Trầu, trên vai vắt chiếc khăn sọc xanh dương, đến tốc mền ra, rờ vào trán Đức. Bà liền lật đật rút chiếc khăn vắt vai bịt lên đầu, vừa bước ra cửa, còn nói ngoái lại:

– Để tôi đi rước mụ. Thai cô Út sắp ra rồi.

Bà Tư hốt hoảng, cãi

– Con út tôi là gái đồng trinh. Chị đừng có hàm hồ nói bậy nữa.

Bà Hai Trầu nhổ ngum trầu xuống đất, xua tay:

– Cái thai này tuy ba tháng, nhưng nó sắp ra rồi. Nếu không phải thì chị cứ trông quần lên đầu tui như hồi mấy tháng trước chị đã chửi đồng.

Không đợi bà Tư trả lời, bà Hai Trầu lính quỳnh nhảy lên xe xích lô. Bà Tư ngồi khoanh tay, miệng không ngớt niệm Phật. Đức nhảy phóc xuống đất lăn mấy vòng, tóc tai rũ rượi như người điên. Mọi người hướng ra cửa chờ đợi. Tôi đến đỡ nàng dậy. Đức mềm nhũn trong tay tôi. Tôi hoảng hốt trước lời nói cương quyết của bà Hai Trầu và nỗi vô tâm của bà Tư. Chẳng lẽ bà đã từng đẻ hàng chục đứa con mà không có chút kinh nghiệm nào

về sự thai nghén hay sao? Một đứa con gái sống kề cận bà đã bao nhiêu năm, bà lại không rõ được sự thay đổi trên thân thể nó hay sao?

Tiếng rên siết của Đức càng lúc càng gấp rút. Bà Tư hết đứng lại ngồi, tay chân bà hình như thừa thãi. Tôi cũng vậy, chỉ biết bơi dầu lên bụng, trán, màng tang cho Đức. Ngoài sân, nắng chưa tắt, màn trời xanh lơ lồng qua tàng cây trứng cá từng miếng lụn vụn.

Thình lình có tiếng bà Hai Trầu ong óng ngoài cửa:

– Chú cho tui xuống đây.

Tiếng xe xích lô máy hăm ga và đậu trước cửa. Bà Hai Trầu móc tiền trong túi áo dúi vào tay bác phu xe xích lô rồi chạy tuốt vào nhà. Bà mụ tay cầm chiếc giỏ tre lẻo đẻo theo sau.

Bà Hai rút chiếc khăn sọc trên đầu vắt lên vai, và ra lệnh cho mọi người khiêng Đức vào buồng. Bà hỏi bà Tư:

– Chị đứng xơ rớ ở đây làm gì. Đi vô bếp nấu cho tôi mấy ấm nước sôi.

Trước khi nhảy vào buồng, bà Hai Trầu xua tôi:

– Ra lệ đi em. Học trò đừng vô chỗ đàn bà để rồi u mê học hành không được.

Tôi bước lệ ra ngoài. Cửa buồng đóng âm lại. Tôi bước lại ngồi trên ghế trường kỷ lắng nghe từng tiếng kêu khóc rí rỉ của Đức bên trong. Tôi sợ chuyện đẻ dái, thai nghén lắm. Xem hát bội, tôi rầu gặp màn các bà hoàng hậu hoặc vợ trung thần vừa chạy giặc vừa chuyển bụng. Tôi ghét nhất là đi coi hát cải lương gặp con đào chánh đang có nghén, phải nịt bụng

để đóng tuồng. Hát bội không bao giờ có màn phá thai. Chuyện này thường gặp ở trong tiểu thuyết đăng trên báo, làm cho tôi thấy rõ cái thân phận bi đát của đàn bà hơn.

Bà Tư bước lại bên cạnh tôi, tay vịn lên thành ghế, miệng không ngớt câu nguyện. Tim tôi chùng xuống từng lúc qua những tiếng hét của Đức.

Bà Hai Trầu nói vọng ra:

– Nếu lỡ thì để mà đẻ, chứ cô Út phá như vậy, lỡ nó phá lại thì chết chớ sống sao nổi?

Tôi nhìn sang bà Tư. Bà không ngớt van vái:

– Lạy Trời, lạy Phật phò hộ cho con tui tai qua nạn khỏi, tui sẽ ăn chay một tháng

Tiếng ré của Đức vang ra:

– Chết! Chết tôi, thím Hai ơi, đau quá.

Bà Tư nhồm dậy, định tông cửa chạy vào nhưng bà dừng lại, hai đầu gối không muốn vững. Tiếng la của Đức vut im bật. Tôi cũng bớt lo âu. Đáng lý chiều này, tôi sẽ được đi tìm không khí thoải mái bên những đứa bạn cũ. Những mẩu chuyện bao đồng sẽ làm cho tâm hồn tôi thơ thới trong vài giờ. Thật không ngờ tôi tới đây, rồi tự ý chia xẻ đau buồn của nhà Đức và đẩy tôi vào làm một nhân chứng bất thần của vở kịch bi hài.

Từ ngày đan díu với Lập, Đức không còn hục hặc với tôi nữa. Nàng đã độc chiếm chàng vì chàng vừa bị một cô nhân tình trước bỏ rơi. Lập bị chạm tự ái và chàng quơ nhầu Đức, cô gái mà ngày

xưa chàng đã cho đó là một mẫu người đánh đá, chua ngoa. Bây giờ, Lập bỏ đi khi Đức mang thai, và nàng muốn phi tang chứng tích mối tình đối trá đó. Tự nhiên tôi hết tin tưởng những anh chàng có đôi chút tài mọn và có tướng mạo dễ nhìn. Tôi vụt giật mình. Nếu ngày trước tôi lụp chụp đan díu với Lập, tôi có lâm vào hoàn cảnh bất hạnh như Đức không? Một kẻ dữ dằn, hỗn láo, chì đá như Đức thật ra chỉ là một kẻ yếu đuối, không né tránh được sự lôi cuốn của cảm giác.

Trời đã xế chiều. Nắng thấp sáng trên chót các nóc trầu ngoài sân. Cánh cửa buồng vụt mở, bà Hai Trầu bước ra, ném trên bộ ván gỗ miếng vải niền ba khoanh dây chì kết chắc làm ba đoạn:

– Xong rồi, chị Tư. Cô mụ Chín nói là cô Út uống thuốc phá thai và niền bụng bằng cái nịt này. Bào thai bị bóp nghẹt và

chết trong bụng. Đó, chị thấy chưa? Hồi xưa chị cứ chửi tui và đòi trông quần lên đầu cả dòng họ tui.

Bà Tư nháy xuống đất hai tay xá dài, miệng mếu máo khóc:

– Chị Hai ơi! Ơn chị cứu con tui, tui sẽ nhớ tới chết. Tui xin lỗi chị vì tui không biết con tui hư. Ở ngoài, người ta biết hết tội chớ tui tối ngày chỉ lủi thủi ở sau vườn. Trời ơi, con tui làm xấu hổ tui. Phen này tới phiên tui đội quần thiên hạ.

Bà Hai Trầu thấy bà Tư khóc lóc thê thảm quá, liền an ủi:

– Thôi chị, chuyện đó lỡ ra rồi. Tui cũng biết sanh con, ai dễ sanh lòng?

Bà mụ bước ra báo cáo tình trạng sức khỏe của Đức có mời khả quan. Bà nói:

– Xong xuôi rồi, cái thai đó, tui đã gói trong tờ giấy nhựt trình để dưới giường. Bà đem chôn dùm.

Tôi bước vào phòng. Đức nhượng mắt rồi đưa tay ngoắc tôi lại gần. Tôi ngồi bên mép giường, hỏi:

– Mà thấy thế nào?

– Đỡ nhiều rồi nhưng còn bài hoải lắm.

Đức ngẩng nhìn tôi, nước mắt chảy dài hai bên màng tang. Với vẻ mệt nhọc, nàng nói nhỏ:

– Mà đẩy dùm tao cánh cửa sổ, ngộp lắm!

Tôi cãi:

– Gió lắm, cơ thể mà đang yếu mà.

Đức năn nỉ:

– Tao cần thoáng một chút.

Tôi đẩy một cánh cửa. Ánh sáng và gió ulla vào. Đức mỉm cười:

– Chắc mày không ngờ chuyện xảy ra?

Tôi trách:

– Đáng lý mày nên thú thiệt với bác việc này. Người già có kinh nghiệm, bà sẽ giải quyết cho mọi việc êm xuôi.

Nụ cười Đức vẫn đậu trên môi tái nhợt, pha một chút cay đắng. Mặt nàng không còn vẻ ngạo mạn, đánh đá. Tôi mong từ đây về sau, nàng dịu dàng, dễ mến hơn. Biết đâu sự thất bại, sự bất hạnh ở đời sẽ giúp con người thay đổi mau chóng?

Đức lắc tay tôi:

– Tao đã cố ý phá cho rồi và công việc tưởng đâu êm xuôi. Nói cho má tao biết thì bả chẳng giúp tao được việc gì mà còn làm rắc rối lên. Mà mày chưa biết cái tánh của bà già tao.

Tôi hỏi

– Mày uống thứ gì để phá “nó”?

– Tao nghe đồn đâm rau răm uống với rượu. Uống cả rễ rau răm mà chẳng ăn chung gì.

Ngừng một lúc, Đức tiếp:

– Người thì bày biểu uống ô-kim thế nào nó cũng ra. Tao uống hết năm viên và đâu cũng vào đó. Kẻ khác lại nói đến công hiệu trực thai của đợt trúc đâm nhỏ trộn với nước cơm vo. Tao làm đủ thứ để phi tang...

Tôi ngắt lời:

– Mày ẩu lắm. Coi chết như trò chơi.

Tôi lấy chai dầu Nhị Thiên Đường xúc lên màng tang của Đức và cảm thấy mắt mình cay cay trước những giọt nước mắt của nàng rớt trên gối.

Đức nghẹn lời rồi cố gắng nói:

– Từ đây tới tối chắc cả tỉnh biết tao có chữa hoang. Tao khó lòng ở đây lắm, Liễu à.

Tôi cản:

– Việc gì rồi nó cũng qua. Chớ cái lì lợm trịch thượng của mày để đâu? Cho thiên hạ bàn tán nhiều lắm là ba tháng. Mỗi mồm mỗi lưỡi là họ thôi chớ gì.

Tôi kéo chiếc mền len màu hồng nhạt đắp tận cổ nàng rồi cáo biệt.

Đèn đường rực lên từ mỗi cột dây thép. Tôi lao đao trong cảm giác buồn nôn. Khứu giác tôi vừa nhả ra mùi tanh tươi của máu, mùi dầu nóng và mùi rượu khử trùng. Hình ảnh rầu rĩ của bà Tư đan lộn với nét mặt xanh xao thảm hại của Đức làm tôi mệt mỏi, chán nản. Rồi đó, nét mặt lém lỉnh cùng với lời ca diu dặt của Lập trong đêm trăng nọ lung linh nhảy múa qua đầu óc tôi. Tôi đánh thót như mình vừa bước hụt chân.

Saigon, ngày

Liều thân mến,

Tao nói với mày là tao phải đi khỏi cái tỉnh Vĩnh Long này. Tao không chì đá như mày tưởng, tao chịu đựng không bền trước những cái nhìn soi bói của bè bạn,

người quen. Tao làm lỡ, nhưng tao không phải đi thỏa như thiên hạ tưởng.

Liều ơi! Đàn bà phạm tội vì trót yêu một người rồi giết một mầm sống trong bụng, phải trả một giá quá đắt... dấu cho nước sông Cổ Chiên cũng chưa rửa sạch hết nhục nhã. Phải nuốt nước mắt, phải bịt mặt mà đi chỗ khác, để mai kia một nọ còn có cơ hội lấy chồng. Ở đây, chỉ tổ làm gương xấu cho gái nhà lành. Tao phải đi, dấu có vào nơi cùng cốc thâm sơn cũng cam lòng.

Trước đó tao cũng muốn đi. Nhưng là đi vào hư vô, vào cõi chết. Tao mua sẵn một ống thuốc ngủ, rồi sau đó, tao thêm món gì lập tức ăn món nấy. Liên tiếp bốn ngày, tao ngốn nào là thịt quay, thịt bò nướng chanh, cá chẻm chiên tương, bánh ngọt, xoài tượng, hột vịt lộn. Đến thỏa thuê, chê chán. Quá no nê, con người đậm

ra uể oải, chệnh mảng ngay cả chuyện tự tử. Thật ra, công việc đó đâu có khó khăn gì, chỉ cần một ly nước lạnh để đưa thuốc vào bao tử là xong xuôi, nhưng ống thuốc giấu cất ở tận đáy ruộng nên tao làm biếng lấy ra.

Ngày thứ tư, tao đi uốn tóc, sơn móng tay, và mua bông hường về cắm trong cái lục bình ở phòng ngủ. Tao mặc một bộ “côm-lê” màu gạch tôm, dôi phần thật khéo, thoa son thật tươi, lại xịt dầu thơm Nuit d’Orient trên tóc, để mình được đẹp đẽ trước khi từ giã cõi đời. Nhưng mà trong khi trang điểm, nhìn bóng trong kiếng, tao thấy mình đẹp, chưa đáng chết và oan nghiệt hầy còn dài. Tao bỗng run sợ, vội lấy ống thuốc ngủ liệng vào cầu tiêu... Đó, Liễu thấy chưa? Chết đâu có dễ dàng. Phải can đảm lắm thì việc tự vận mới đặt được kết quả.

Mà thôi, tao đi là ổn thỏa. Đất Sài Gòn mênh mông, có thể vui chôn tống tích, lẫn quá khứ. Lại nữa, tao thù đời, tao cần phải tạo lấy một tương lai.

Tao muốn sau này tao để một lũ con trai để thiên hạ không nhắm ngay cái lầm lẫn của tao, mà tròng vào đời sống của chúng như trường hợp để con gái.

Liều, mày là một đứa khá mặt chai mày đá, không hề dính chính lời dèm siểm. Tao mển mày ở thái độ bình thản đầy kiêu hãnh đó. Nhưng dầu sao đất Vĩnh Long cũng không phải là thế giới của mày. Ở đó, chỉ có cái nhãn hiệu bịp bợm. Mày cũng là một con thú hoang trong tâm hồn. Tao chờ mày ở Sài Gòn, vui buồn, chị em có nhau.

Đi là phải Liều à! Thời thế bây giờ đảo điên lắm. Saigon là chỗ để cho bọn hồ ly

yêu nghiệt đầu đuôi, để chúng có cơ hội tu chỉnh lại cuộc đời. Tao hy vọng lắm, ngay khi viết bức thư này, tao đã tìm lại được sự bông bột đối với cuộc đời như những năm xưa, năm xưa.

Thật sự, tao sợ miệng đời lắm. Tao hèn nhát, quay mặt với sự thật, nhưng tao không muốn mình bị sự lầm lỗi đầu tiên tàn sát cả một cuộc đời dài. Vĩnh Long không hề dung thứ nhược điểm của ai. Người chung quanh rất là một thứ đạo đức cứng ngắt, không thể mở cho kẻ thất bại cô đơn một sinh lộ nào.

Có lý do gì mà mày muốn nấn ná ở đó? Cái chí lớn, mộng tưởng của mày, chắc là tắt ngấm lâu rồi? Cuộc sống ở Vĩnh Long không thể nào thỏa mãn những giấc mơ phiêu lưu mạo hiểm của mày. Vậy mày nên nghe lời tao. Tao cô đơn, tao cần mày. Vậy mày nên tom góp quần áo, vòng

xuyến lên đây, để đi học Anh văn, và anh rể tao sẽ đưa mày làm sở Mỹ, lương mỗi tháng tám ngàn đồng. Nếu mày có miệng lưỡi khá, viết lách trơn xuôi, anh sẽ dành cho mày một chân phóng viên của một tờ nhật báo. Hãy làm thứ chim bói cá, gặp môi là chớp liền. Saigon là một con sông rộng có nhiều môi, một nơi dành cho kẻ thích hoạt động, đó Liễu.

Tao mòn môi chờ mày.

Bạn mày.

HIỆP ĐỨC

Tôi xếp thơ lại bỏ vào cái ví da màu đen, rồi lục đục thu xếp quần áo và những vật dụng cần thiết vào chiếc va-li da cũ màu nâu. Tôi đã cương quyết rời bỏ cái tỉnh lẻ đìu hiu này, nơi đã nhốt

tôi hai mươi năm. Tôi có cảm tưởng như mình là một loại cô hồn thích phá phách, nhưng phải đầu hàng thầy pháp, và bị ông ta nhốt vào một cái tĩn, có dán bùa Lỗ Ban trên nắp.

Tôi loay hoay viết một lá đơn xin thôi việc, nộp vào Ty Tiểu học và không cần đợi giấy phép chấp thuận. Sẵn dịp má tôi về quê ngoại chơi trọn tháng, tôi có ý định liêu một lần. Tôi đi rồi xin phép sau. Nếu xin phép má tôi bỏ việc ngang, để đi đến một xứ lạ, không thân nhân, không công việc bảo đảm cho hai bữa cơm mỗi ngày, chắc chắn không bao giờ má tôi bằng lòng. Má tôi thường nói cái đất Saigon vàng thau lẫn lộn, con gái lục tỉnh lạng quạng lạc lên đó chỉ việc hư thân, và biến thành nàng Kiều lưu lạc chốn Lâm Truy. Tôi cho đó là những lời đe dọa vô căn cứ. Tôi không là loài khỉ, nên khó ai rung

cây nhát được. Tôi đã từng nuôi dưỡng ý tưởng thoát ly khỏi tỉnh này, để tìm một không khí mới. Tôi sẽ rời bỏ ngôi nhà cổ âm thầm với tiếng cắc kè trên đầu kèo, như lời nguyện rửa tương lai từng đêm, với đàn chuột lắt chít chóc dưới đáy tủ nghe nhức nhối, rờn rợn trong tâm não, và tôi sẽ đi trốn mùi ngan ngát của hoa hoàng lan, lẫn hoa dạ lý thơm suốt đêm làm tôi muốn chết ngộp. Tôi ngại nghe tiếng chim heo hét lên buốt óc vào lúc tảng sáng, và tiếng xà lan xinh xịch bên kia sông. Tôi muốn chạy trốn bối cảnh nhàm chán đó, cùng những âm thanh rã rời buồn nản, như cuộc sống tôi hiện tại. Tôi đi đây, ngày mai ra sao cũng mặc. Cứ đi, bỏ lại sau lưng mình cái thành phố nhỏ hẹp, với ánh đèn đường vàng vọt, với những lời dèm pha cho mọi nỗi bất hạnh, với cuộc sống che giấu, đạo đức giả vờ. Tôi vào giường dỗ giấc. Tiếng động

trong nhà lẫn ngoài ngõ rỉ rả lọt vào tai tôi. Nhìn chiếc đồng hồ tay qua ánh đèn ngủ, những con số li ti mờ nhạt, tôi giương mắt to lên hơn. Hơn hai giờ đêm, giấc ngủ gần gũi. Tôi đã bắt đầu say say vì viên thuốc an thần nuốt vào lúc chập choạng tối.

Tôi ngủ lơ mơ bên chiếc băng gôn tài xế, thuốc ngủ còn quyện lại trong cơ thể. Tôi quàng chiếc khăn the màu đỏ túm mái tóc cho khỏi tung gió. Trời còn tối, những vì sao nhấp nháy trên nền trời đen, gió lạnh lòn vào gáy tôi như một bàn tay lạ vuốt lên đó. Chiếc khăn mỏng trùm từ trán qua gáy. Tôi gài nút áo len cuối cùng và nhắm mắt dưới đôi kiếng râm. Đèn trong xe tắt bớt, chỉ chừa lại ngọn đèn lù mù chính giữa. Tôi chập chờn trong giấc ngủ đứt nối. Bỗng tiếng

xe thẳng gấp làm tôi chúm mũi tới trước, và tiếng kêu ới ới của chú lơ xe cất lên:

– Mời bà con cô bác xuống xe qua bắc.

Tôi choàng tỉnh dậy, hai mi mắt cay cay. Tôi bước xuống xe, lao đao trong niềm trống vắng đơn độc. Tôi ra đi không báo trước cho bất cứ đứa bạn nào. Tôi sợ đưa tiễn bịn rịn. Tôi lăm lăm bỏ quê hương đi một mình trên chuyến xe đò vào lúc tờ mờ sáng. Cuộc hành trình này sao mà đơn độc, không một ánh mắt quyến luyến, một bàn tay vẫy giã từ. Tôi vụt thấy mình mâu thuẫn. Bước chầm chậm theo đoàn người đi trước, tôi mệt nhọc chán nản, Tôi muốn quay trở lại thành phố cũ, cái thành phố mà tôi ngấy chán từ lâu, nhưng sao lúc rời bỏ nó, tôi cảm thấy ngậm ngùi luyến tiếc? Chiếc bắc từ từ rời bến, tôi âm thầm từ giã cái

thành phố này, xa dần những hình ảnh quen thuộc, đoạn tuyệt những thú vui của tuổi học trò. Tôi đem theo những gì trong chuyến phiêu lưu vô định đó? Phải chăng chỉ còn là những kỷ niệm thời thơ ấu?

Tiếng rao hàng làm tôi tỉnh một giấc ngủ ngắn. Một ý nghĩ chạm mạnh vào đầu tôi. Mình ra đi thật sao? Chắc gì ra đi là chinh phục được thế gian? Nước mắt tôi vụt ứa ra. Tôi khóc và đầu óc tôi lan man.

Cuộc vui nhộn với lũ bạn thân làm sao giữ chân tôi được? Tối đã cảm thấy nổi chua chát thất vọng từ khi mình khao khát tình yêu, từ khi Kim và Đức gặp chuyện bất hạnh. Sự đùa cợt âm ỉ đối với chúng tôi chỉ là một thái độ giả

tạo khóa lấp cái nham nhở, trống trải của cuộc đời.

Đức đã lên Sài Gòn sau đêm cầu cơ một tuần lễ. Nàng vẫn giữ cái tên Hiệp Đức. Nàng đã dự cuộc thi Hoa Hậu trong một kỳ triển lãm các sản phẩm nội hóa, dự thi tài tử điện ảnh do một hãng phim Tàu trong Chợ Lớn tổ chức. Nàng không được trúng tuyển, nhưng cần gì. Ảnh của nàng cũng đã được xuất hiện trên các tạp chí hoặc trên vài tờ tuần san dành cho phụ nữ. Nghe đồn rằng nàng biết ăn cơm Tây, xử dụng muỗng nĩa rất điêu luyện.

Kim trở lại cái thế giới riêng biệt, bệnh hoạn của nàng, ở đó ngập tràn một màu tím yếm thế, và Kim đắm chìm trong cơn ác mộng, tới chết cũng chưa chịu tỉnh.

Oanh sắp lấy chồng, một giáo viên xuất thân trường Quốc Gia sư phạm; nàng giản dị, không hề nuôi một giấc mộng phiêu lưu hào hứng. Tôi cầu mong cuộc đời Oanh sông sẻ như tâm hồn phẳng lặng của nàng.

Sáo cũng được một người bạn trai òn ã cha mẹ đem trâu cau đến làm lễ hỏi.

Quan và Tín hãy còn tiếp tục đeo đuổi chương trình đệ nhị cấp.

Tôi còn gì nữa mà đóng khung cuộc đời con gái trong cái tỉnh lẻ thiếu tình yêu, vắng bạn bè trang lứa? Tôi nào phải là loài chim bói cá, tôi đã không bắt được những con mồi đúng lúc như khi gặp Nam và gặp Lập. Mơ mộng hoài làm tôi nhức cả đầu, và tôi thấy cứ như vậy, cuộc đời chẳng đi tới đâu.

Tháng rồi, tình cờ tôi gặp một người chị bà con từ Sài Gòn về thăm chòm xóm tỉnh nhà. Chị ăn mặc nhớn nha, trang điểm tỉ mỉ, ăn nói kiêu cách. Tôi hi vọng rằng một khi mình ra đi, sẽ gặp cảnh đất khách hậu đãi kẻ tha phương cầu thực. Phải chăng ngoài tỉnh lỵ này, một cuộc đời tươi sáng thanh thoi sẽ lót dưới chân tôi như lời anh Ân nhập vào cơ? Thú thật tôi khó tin tưởng, ký thác đời mình vào sự huyền bí. Tuy nhiên tôi phải đi. Tôi sắp mòn mỏi, ghệt thở rồi.

Chợt có tiếng gọi sang sảng tên tôi làm tôi giật mình. Tôi quay mặt ra phía sau. Một thanh niên mặc áo thun màu xám bó sát in rõ các bắp thịt căng tròn. Chàng ngồn ngộn sức sống, và nụ cười rất tươi tắn, rất tinh nghịch của chàng làm khuôn mặt của chàng quấy rủ bội phần.

– Anh Lập!

Lập ngồi cách tôi hai cái băng. Tự nhiên hình ảnh Đức quần quai, rên rĩ trong cơn phá thai như hiện ra trước mắt tôi. Phải chăng đó là sự trả giá quá mắc của một cô gái hết lòng yêu dấu người tình? Tôi rửa thắm: “Đồ Sở Khanh!”, rồi tôi tự tạo ngay vẻ mặt lãnh đạm và ngó Lập bằng cặp mắt ghẻ lạnh, nghiêm khắc. Rồi đó, tôi nhìn về phía trước. Xe vẫn chưa chạy. Không khí trong xe càng lúc càng ngột ngạt, oi bức. Tôi bơi lênh bênh trong cơn lơ mơ một lúc lâu.

– Cô Liễu!

Tôi quay lại. Lập đã ngồi sau lưng tôi.

Tôi cau có hỏi:

– Ủa, sao anh được đổi chỗ ngồi?

Lập lại cười lém lỉnh:

– Tôi điều đình giỏi không cô?

Nụ cười đáng ghét, nhưng cũng thật
lôi cuốn. Tôi hừ một tiếng, nhìn về phía
trước.

– Cô Liễu!

Lại kêu nữa. Tôi xẵng giọng:

– Gì vậy?

Lập diêm tĩnh:

– Cô có vẻ ác cảm đối với tôi.

– Sao anh đoán mò kỳ cục vậy

Lập suy nghĩ:

– Tôi cảm thấy như vậy. Chắc là cô
ghét cay ghét đắng sự lầm lỗi đã qua của
tôi chứ gì?

– Mặc mớ gì tới tôi.

Tôi tàn ác:

– Anh lầm rồi. Tôi mệt lắm, tôi xin cắt đứt câu chuyện nơi đây.

Tôi tức tối. Mới xuất hành đã gặp cái tên đểu giả rồi. Không hiểu là điếm hên hay điếm xui đây? Không hiểu từ khi lên Sài Gòn, hắn đã làm vương, làm tướng gì rồi.

Lập im lặng. Xe bắt đầu chạy. Gió mát ùa vào xe, và tôi đỡ bức bối. Lập lại nói:

– Chắc Liễu đã nghe chuyện giữa Đức và tôi?

– Tôi còn thấy Đức trong lúc phá thai hiểm nghèo nữa. Anh thật là...

Tôi phân vân chọn tiếng để nhieć Lập

một cách mát mẻ và cay nghiệt, nhưng tìm mãi không ra. Tôi lại cười gằn:

– Anh giải thích việc anh làm đi.

– Như thế này...

Lập nói gì tôi cũng cố tình không nghe. Tôi tin sao được một thằng Sở Khanh. Tuy nhiên, tôi chú ý mấy câu sau cùng:

– Cuộc sống bùng bít làm cho tôi không nén được thú tính. Tôi thành thật nhận lỗi, nhưng tôi không thể lấy Đức làm vợ được.

Nếu ngồi gần bên cạnh Lập, tôi đã tát vào mặt chàng, cho chàng biết đời một cô con gái không rẻ mạt và chỉ được trả giá bằng một tiếng xin lỗi suông trơn của chàng. Tôi nhìn chàng thù hằn, tức tối. Tuy nhiên, tôi không thể không bị cuốn

hút bởi vẻ mặt tươi sáng của chàng, và đầu óc tôi lộn xộn những cảm nghĩ quàng xiêng. Tôi không quên được điều chua chát này: một quãng đời con gái của tôi đã bị bỏ quên. Trước mặt tôi, có kẻ hiện thân là một thứ ma túy nguy hiểm, đừng nên rớ tới. Nhưng mà tôi sắp đi vào một thành phố xa lạ, chưa có bạn đồng hành.

Lập đưa cho tôi một tấm danh thiếp:

– Liễu cầm lấy. Tôi hi vọng có ngày gặp lại Liễu tại Sài gòn.

Tôi không nhúc nhích. Tấm danh thiếp rơi giữa cặp đùi tôi. Tiếng Lập thông thả, chững chặc:

– Càng giải thích, càng rối rắm, lỗ bịch. Tôi chỉ nhận lỗi thôi.

Tôi cười rử:

– Nhận lỗi bằng cách bỏ mặc Đức một mình đương đầu với tội nhục và dư luận tàn ác sao?

– Tôi chẳng biết làm sao hơn. Lúc đó tôi chưa ra đời, còn lúng túng vụng về trước mọi hoàn cảnh.

Rồi thôi, tôi còn hiểu mình ra sao nữa khi Lập đặt nhẹ bàn tay lên cổ tôi? Tôi muốn phản đối, chửi mắng, nhưng miệng tôi như bị khóa lại. Con gái dễ yếu đuối. Tim tôi muốn bể ra. Quãng đời cô đơn, thiếu thốn tình yêu đôi lứa nhắc nhở tôi... Nước mắt tôi tuôn dầm dề. Đây là một chặng đường mà mình sắp đi. Đây là thử thách đầu tiên. Tôi sợ hãi hất tay Lập qua một bên, song đồng thời tôi cảm thấy hơi ấm từ chỗ đụng chạm lan xuống trái tim và gợn sóng nơi đó.

Mình phải trở về. Nhưng lá thư của Đức còn ở trong bóp tôi. Tôi đã thu xếp mọi việc một cách dứt khoát trong tỉnh nhà rồi, mình không có đường về nữa đâu. Mình sắp bị đưa đẩy, sắp bị thử thách...Tôi phải lau nước mắt, nhìn về con đường trước mặt... Một thành phố xa lạ sắp chào đón tôi...

(Trích trong Thú Hoang)

Nguyễn Thị Thụy Vũ

Thế Vũ

NỖI HOÀI NGHI MỚI

21-08 — Tam quan

Buổi trưa nắng đổ lửa xuống mặt đường nhựa vừa trắng xong. Những ngôi sao chớp lóa trong đôi mắt ngái ngủ và nhọc mệt, mồ hôi bắt đầu bò nhột nhật trong lớp vải dày màu cứt ngựa, trên làn da lưng Toán lính bỏ xuống xe và tản mát vào xóm nhà hai bên lộ. Trên bãi đất trống, giữa những ngôi mộ mọc dày bên nhau vô hàng lối, dãy nhà màu xám mới vẫn còn nét chữ trên mặt tiền : “Trung

học Bán Công Tam Quan”. Tôi đứng dựa bên thành xe cao, móc túi lấy một điều thuốc châm lửa đốt. Gió cuốn phăng đi những làn khói mỏng, và tôi chợt nhớ một cách vội vã chiếc gạt tàn còn bỏ quên trên bàn trong quán cà phê ở căn cứ Trà Quang buổi sáng trước khi lên xe.

Tam Quan đó. Những dấu đạn nhỏ lớn, những hố cá nhân được đào rải rác trong sân trường, trên bãi đất rộng, giữa những ngôi mộ kia. Trên tường những nét chữ cũ mới chen chúc nhau, hình những chiếc máy bay, xe tăng, người lính cầm súng, một vài nét vẽ thân thể đàn bà. Những kỷ niệm một chuyến hành quân Tam Quan và những đả đảo hoan hô... Bức tường quét vôi vàng giờ đã xám mồi. Các cánh cửa đã mất, giờ còn lại căn phòng bỏ ngỏ. Tôi chợt nhớ đến một lần hỏi một đứa bé ở Hoài Ân

tại sao em không đi học và được nghe trả lời : “Bàn ghế và cửa ngõ đều bị đồng bào tản cư chẻ làm củi nấu cơm”... Ở đây bàn ghế vẫn còn, dù xiêu vẹo, dù gãy nát, nhưng dấu mực mới đổ trên mặt bàn chưa khô, một vài mảnh phấn vụn còn lại trên mặt bàn nhà giáo, dù bàn chỉ còn ba chân. Bụi phấn đổ trắng trên nền xi măng cũ tấm bảng đen vẫn còn, nét chữ mới, ngày tháng ghi trên đầu tấm bảng là hôm nay, nét chữ yếu ớt của một người học trò nhỏ nào đó chạy ngòng ngoèo trên mặt đen đã thủng nhiều dấu đạn, những lỗ bể nát bay mất hay những lần vạch hằn sâu... Căn phòng đầy gạch, cát, nền xi măng nhiều lỗ thủng, một vài miếng vỏ đạn, đã cũ nằm lẫn lóc... Mái ngói đen, bể, những miếng ngói khác đe dọa sẽ rơi xuống, những ống ánh sáng to lớn như ống cống trong thành phố chiếu xiên trên nền, trên vách căn phòng...

Làm thế nào để những nhà giáo này còn có thể ngồi lại dạy được trong những căn phòng như thế ? Làm sao những người học trò nhỏ của chúng ta còn có thể im lặng nghe lời giảng từ không khí này, còn có thể nhìn lên bảng đen đọc bài trong khi chung quanh chúng tràn ngập những khẩu biểu viết bằng than đen nguyên rửa nhau và ca tụng nhau ? Họ nghĩ gì ? Có nhà giáo nào ở đây đã bị cắt cổ trước cổng trường chưa ? Có người học trò nào được cấp phát một quả lựu đạn đi chống Mỹ cứu nước chưa ? Tôi chắc họ phải nghĩ rất nhiều về chỗ ngồi của họ và vai trò của họ. Quê hương đó. Trên Việt Nam bây giờ ở đâu cũng thế, có khác nhau là con người chấp nhận hay bỏ đi. Nhưng bỏ đi đâu ? Tìm một thiên đường nào bây giờ nếu chúng ta còn mang tên gọi Việt Nam ?

22-08

Con đường đất cắt ngang giữa khu phố đã mất. Chúng tôi di chuyển trên lối đi đó. Dấu gạch đá của thành phố hai mươi năm xưa giờ vẫn còn trên những bãi đất trống. Bức tường cao hai mươi năm trước vẫn còn đủ chỉ để chia đôi khuôn đất vuông rộng không biết dùng làm gì. Buổi sáng nay tôi về đây lần đầu tiên, thành phố Tam Quan của ngày nào trước cuộc chiến 1945. Bây giờ không còn. Con đường nhựa ngày xưa giờ còn lại dấu sỏi lởm chởm trên mặt, và lục ký ức của một người dân quê nơi này để tìm hiểu nguyên nhân của những tầng lầu hai bên đường đã sụp nát. Bây giờ là dãy nhà lá nhỏ bé hai bên lề, nằm chen lẫn với những bức tường đá xám vêu còn lại. Quá khứ của nó ? – Con đường nhựa, dãy nhà hai ba tầng, bức tường dày và

dài, con sông chảy ra biển qua những vườn dừa xanh liên tiếp nhau, cây cầu nhỏ bắc qua khu chợ tấp nập, nhà bưu điện. – Đây bây giờ là xóm quê hoang vu, đêm nghe súng lớn súng nhỏ và những tràng đạn khạc đi từ đồn lính phía đầu cầu, giọng ngọng nghệu của tên du kích vác loa về gọi hội họp. Ngày ? Ôi những ngày ngắn ngủi sống vội vã, kiếp sống của những con giun con trùn trong lòng đất... Nhưng giữa những sự kiện đó, tôi còn tìm thấy Tam Quan như một sự vươn dậy và chịu đựng khủng khiếp. Người ta sống thế nào ở đây ? Nhìn những người sinh ra và lớn lên ở đây, vào những năm Tam Quan bắt đầu đổ nát, chạy bom đạn, chạy trốn máy bay và đại bác mọc-chê... trở về nhìn lại quê hương nhỏ bé của mình đã bị san phẳng, ở đó người ta bắt đầu nhìn thấy những thùng đạn, những trái mìn những bộ xương người

còn sót lại giữa đồng gạch đổ nát như bãi cát, sống và nhìn bằng nỗi bi đát đó, trong niềm thống khổ nhục nhằn đó... Tam Quan sống lại, rồi lại chiến tranh... Nhưng bây giờ người ta không muốn bỏ đi nữa. Một người dân Tam Quan đã nói với tôi rằng nhất định họ không bỏ đi nữa. Hãy chết trên quê hương mình. Người ta đã bị ràng buộc hoàn toàn vào nơi này. Tam Quan có quá khứ và lịch sử của nó oai hùng. Và có phải người ta vẫn sống dưới bất cứ một thời đại nào bằng quá khứ và kỷ niệm của họ không ?

24-08. — Tân Thạnh:

Đi lang thang dưới những vườn dừa xanh tiếp nối nhau, bên những người dân chài. Một buổi sáng tôi bỏ súng trên bãi cát ra biển ngồi hóng gió lùa vào da,

những sợi tóc bênh bông, nắng dịu mát trải lên mặt phẳng vàng và những gốc phi lao còn lại trên bãi cát đã khô sau trận đánh diễn ra từ bao giờ. Những buổi tối ở đây chúng tôi ngồi lại bên nhau, hút thuốc lá để nghe gió lạnh thổi thối tháo vào đất liền, sóng vỗ về ngoài bãi và hỏa châu soi sáng trên đèo Bình Đê. Tôi muốn viết một lá thư gửi cho Nguyễn ở Tam Kỳ và nhủ nó hãy ở lại với con phố buồn nhục nhằn ở đó, để được sống nhiều hơn là xin thuyền chuyển về thành phố cũ chúng tôi đã sống với nhau ngày trước. Nhưng rồi tôi không viết được. Nỗi trống vắng vô hình dung chen lẫn những ý nghĩ tôi muốn viết lên mặt giấy. Bạn bè, người tình nào ở xa. Có phải đó là những gì cần thiết để lấp đầy khoảng trống của mỗi người không? Nguyễn viết cho tôi về những quả đạn 120 ly rơi trong lòng phố, buổi sáng nào không dám ra

ngoài hiên nhìn lẫn đạn bay vèo trong phố, những đêm nằm nghe đạn bay và mưa phủ rạt rào.... Còn tôi ? Nhiều khi tôi muốn ở lại với chuỗi ngày tháng miệt mài trên từng vùng quê hương lạ, ít ra ở đó tôi còn dám làm một cái gì, tôi còn có thể hút thuốc lá ngon hơn, uống một ly cà phê tuyệt vời hơn chuỗi ngày tháng rã mục trong thành phố bơ vơ giữa chợ người. Tôi muốn viết cho Nguyễn rằng hãy chọn một kiếp sống khắc khổ nhưng có thể khắc phục nỗi cơn rã rời của con người trong thời đại này. Có lẽ Nguyễn sẽ nghe tôi. Đó là một niềm vui. Tôi vẫn sống với những niềm vui nhỏ bé như thế....

25-08 — Bồng Sơn

Buổi sáng đơn vị di chuyển ra sát

quốc lộ để nhận tiếp tế. Tôi theo xe lam về Bồng Sơn để nhìn con đường bụi tung mù đỏ và nhìn con gái có làn da trắng hồng. Ngược chiều về Bồng Sơn là đoàn công-voa chở lính Đồng Minh từ căn cứ Đệ Đức ngược lên hướng Bắc. Tôi chợt nghe một anh lính Mỹ ngheu ngao khi đoàn xe còn cách đèo Bình Đê vài cây số. “I want to return home from field...” Bên kia đèo Bình Đê là khu vực quận Đức Phổ và bên này là Tam Quan. Câu hát chợt làm tôi xót xa. Quê hương ? Quê hương nào ? Và còn quê hương tôi ? Có lẽ anh ta có ý thức phản chiến ? Tôi nghĩ có lẽ chỉ có những người đang ở mặt trận hay trên đường ra mặt trận mới có lý để phản chiến. Nhưng có điều là những người lính Đồng Minh còn có một quê nhà để ước ao được trở về từ mặt trận. Còn chúng tôi, còn chúng ta, những người lính Việt Nam, quê nhà

cùng là mặt trận thì có được trở về hay không nó còn có một nghĩa khác hơn...

29-08. — Lương Thọ

Những cột khói cao bốc lên. Vài tiếng súng nổ rải rác. Một chiếc trực thăng nổ máy ành ạch trở tới trên khu vực. Tất cả đã rồi. Bây giờ trận đánh đã hầu như kết thúc, qua một đêm dài, máy bay, đại bác, những tia đạn lửa xé đêm tối bao la, hỏa châu... Nắng buổi trưa gay gắt đổ trên vai trên mặt trên da... Một loạt súng nổ, sau đó là tiếng những bước chân chạy tràn lên phía trước. Một người mặc bộ đồ trận xám, dơ dáy, lem luốt, tay cất cao chạy tới chuệnh choạng. Tiếng súng ngừng nổ, toán lính gườm súng chờ... Máu chảy thấm đỏ trên vạt áo trước từ ngực xuống, gã kia vẫn cố

gắng chạy tới, tay vẫn giơ cao và người ta tưởng như hấn vẫn cố gắng giơ cao hơn mãi. Trên tay, một tờ giấy trắng bay bay theo cơn gió nhẹ. Bỗng nhiên hấn vấp chân té nhào xuống một giao thông hào chắn ngang, và sau đó, không ai nhìn thấy có một cử động nào chứng tỏ hấn cố gắng đứng dậy. Toán lính tiến lên phía đó. Hấn vẫn còn thở nhè nhẹ, máu tươi trào ra vội vã, và sau khi kéo được xác hấn lên khỏi giao thông hào, người ta nhìn thấy tờ giấy trắng đã thấm đầy máu đỏ. Tờ truyền đơn chiêu hồi...

02-09. — Đại đồng

Bãi cát nằm mút tâm mắt. Một vài góc phi lao và gốc dừa còn lại. Trên bãi cát đó, đằng xa lổm đổm dấu chân của bọn lính đã vượt qua từ sáng sớm,

những đám rêu biển xanh rải rác, những cây dừa con chưa vượt cao, những chiếc xuồng và ghe chài còn lại từ nhiều năm trước... Tôi ngồi lại trên võng mắc giữa hai gốc phi lao nhìn buổi sáng lên. Trên bãi cát giờ chỉ còn năm ba người lính đang nấu nước nóng pha cà phê, một vài chiếc poncho đã định căn làm hai mái từ đêm qua, ngoài bãi xa, những tấm lưng trần đang phơi trong nắng sớm. Sóng vỗ về, như suốt đêm qua đã vỗ về giấc ngủ tôi, giấc ngủ của những người lính kia. Ngày nay, đêm nay, ngày mai... Tôi sẽ đi đâu ? Đêm qua chúng tôi quây quần nhau bên bếp lửa để sưởi ấm cơn mưa hạ buổi chiều đến muộn và hơi lạnh của gió biển mang vào. Bọt sóng trắng dưới ánh trăng non chập chờn, bọt sóng trắng làm tôi nhớ đến những ngày còn Nguyễn còn Phạm... Trong thị trấn miền biển nọ. Bây giờ Phạm đang làm gì trong tu viện,

Nguyễn đang nhớ gì ở Tam Kỳ... Sáng hôm qua đơn vị nhận tiếp tế bằng: trực thăng, chai rượu được hậu cứ gửi ra làm quà... Những đường gân nhíp lặn tẩn, da mặt ẩm hâm hấp và tiếng sóng lao xao ở đâu đó, trong hồn tôi, Tiến, Quang, Kim... Hay ngoài bãi trống vắng? Còn lại gì để chúng tôi có thể nói cho nhau nghe về hôm nay, có phải không, bởi chúng tôi sống tràn trề tự mãn...

Gió bắt đầu thổi thốc tháo vào bãi cát làm bay tung những miếng rêu khô. Quang nói về những trận cát xoáy ở sa mạc Ả Rập trong tác phẩm của A. Camus. Tôi muốn ngồi lại đây lâu hơn, để sống với vùng đất trời này và nhớ về một vùng biển khác nơi tôi đã lớn lên và bỏ đi.

03-09

Ly cà phê tự tay pha lấy trên bãi này, buổi tối gió mang đến lạnh và gợi nhớ. Nhớ gì ? Người tình nào xa, quê hương nào xa.. Tôi và những người bạn ngồi quây quần với nhau bên bếp lửa đun bằng lá phi lao khô góp nhặt được từ chiều. Dĩ nhiên ly cà phê này phải ngon, ngon hơn những ly cà phê mình đã từng uống ở Dung ở Qui nhơn hay Mai ở Nha trang hay ở một nơi nào khác. Một đêm nào tôi và L. cùng đun cà phê ở đâu đó sau khi căng xong lều để ngủ qua đêm, tôi đã nói nếu bây giờ được đột nhiên ngồi tại quán cà phê của Tuyết (giữa đoạn đường Bồng Sơn – Sa Huỳnh, hay là giữa đường một cuộc hành quân) uống một ly cà phê thật bình thản, nhìn Tuyết một cách thật bình thản, nhưng thật đắm đuối, thật say mê, thật yêu dấu... xong rồi cũng

thật bình thản mang ba lô lên vai ra đi...
Đó, tự do của chúng tôi đó, được nhớ và
được ước mơ !

06-09. — Mỹ An :

Người mẹ bế đứa con ỏng bụng lem
luốt lục tìm trong ký ức để nhớ đến ngày
người chồng đã bỏ nhà theo du kích
quân. Những người mẹ đang ngồi trước
mặt tôi đây để tự lột trần hành động của
người chồng đã bỏ đi, những bộ đồ đen
bẩn, khuôn mặt nhợt nhạt, giọng run
run và nước mắt nhỏ xuống má chưa
tàn phai hẳn nhan sắc cũ ngày nào, đứa
bé khóc, chúng tôi nhìn nhau và tự hỏi
chúng tôi còn phải làm gì, ngoài khẩu
súng và những viên đạn vô tri. Cụ già
nói về đứa con ngoài bốn mươi tuổi làm
văn công cho địch vừa bị bắn ngã đêm

qua khi lần tìm về nhà thăm bố mẹ già và những đứa con khôn lớn. Xác anh vẫn còn bên bờ đâm, viên đạn xuyên qua cổ, dòng máu thấm đen, đứa con lớn nhất chín tuổi vẫn còn ngơ ngác trong tiếng gào thét của người vợ bất hạnh. Đám ruộng những hàng mạ non cổ xanh trở lại từ màu vàng héo hon sau nhiều tháng không mưa. Người tù binh ngơ ngác nhìn đám lính đang lục soát căn hầm vừa bị phát giác... Tôi nhận ra trong thời gian đã qua, mình nghĩ đến cả phê thuốc lá quá nhiều. Nhưng còn làm gì được nữa không ? Những con mắt, những cái nhìn cách ngăn và những lời nói dồn ép người nghe vào nỗi hoài nghi mới. Tôi chưa xót nghĩ đến ngôn ngữ không làm con người cảm thông được nhau mà để phủ nhận nhau trong thứ chiến tranh dã mục trước lý tưởng và con người.

08-09 : Căn cứ Đệ Đức

Mọi người vẫn còn ở lại đó, trừ tôi. Trở về lại căn cứ này, ngày mai sẽ trở về Trà Quang, rồi làm gì nữa ? Tôi không biết. Có lẽ tôi nên thay câu hỏi tôi còn làm gì được nữa không bằng tôi có đang làm gì không. Tiến ở lại, Quang ở lại. Tôi biết họ cũng muốn làm cách mạng, nhưng chỉ vì họ không chống chọi nổi với cơn bệnh rả rời chán chường, thể thôi. Mưa vẫn rơi bên ngoài, mùa mưa đã đến, những trận chiến lớn sẽ xảy ra. Liệu họ có còn lại không sau mùa mưa để nghe chính họ thất vọng thêm một lần, mục rã thêm một lần và ước mơ xa thêm một khoảng cách?

THẾ VŨ

Dino Buzzati

NHỮNG MÔ ĐẤT TRONG VƯỜN

Dino Buzzati là một trong những nhà văn nổi tiếng nhất của nước Ý ngày nay, trên 60 tuổi và hiện sống ở Milan. Ông bắt đầu viết văn, bước vào nghề làm báo rất sớm, và thành công ngay từ cuốn tiểu thuyết viết hồi còn trẻ tuổi Le Désert des Tartares.

Tác phẩm của ông, trong văn chương cũng như trong hội họa, đều để lộ rõ sự khao khát của ông được hiểu và được lọt vào trong một thế giới hoàn toàn phó thác

cho con người và đi nhanh hơn cả con người. Không chọn lựa, không thể chọn lựa, mà là được chọn lựa. Ta không sống hay làm đầy những biến cố quanh ta mà chính những biến cố nó làm đầy ta và làm ta sống.

Trong *Le Désert des Tartares* cũng như trong *Un Amour*, đề tài của Buzzati vẫn là sự qui phục — vốn ám ảnh ông — nỗi cô đơn tuyệt đối, đời sống được thanh toán theo nghi thức của hư vô và sự chết.

Cuốn sách mới đây của ông, *En moment précis*, là một chuỗi những truyện kể ngắn, trong đó ông tự phát họa những chân dung sâu kín nhất của cuộc đời ông. Những truyện kể ngắn, như những viên sỏi nhỏ trên con đường hành hương về đến con người của mình. Với một giọng văn khôì hài tinh quái, một óc tưởng tượng phi thường, Buzzati dường như đã vượt

qua khỏi sự qui phục cuộc đời, dường như đã chấp thuận tham gia, đã biết yêu — và tự yêu mình. Quá giống như vốc dạn của một bài ngụ ngôn. Nếu con người muốn có đời sống, muốn lắng nghe đời sống, và còn nghe đời sống mãi mãi, mà không tìm hiểu, ấy là bởi chính đời sống đã là một bài ngụ ngôn rồi. Phải chăng đó là bài học trong tác phẩm ông ? Và trong Những Mồ Đất Trong Vườn ?

Mỗi khi đêm xuống, tôi thường hay đi dạo trong vườn. Các bạn đừng tưởng là tôi giàu có. Một khu vườn như khu vườn của tôi, tất cả các bạn ai cũng có được. Và sau này các bạn sẽ hiểu tại sao.

Trong bóng tối, tuy vậy không phải hoàn toàn tối hẳn vì có những ánh đèn dịu tỏa xuống từ những cửa sổ thấp sáng của ngôi nhà, trong bóng tối, tôi đi bách bộ trên bãi cỏ, đế giày tôi có hơi lún trong đám cỏ và, vừa đi như vậy, tôi vừa suy nghĩ, và vừa suy nghĩ tôi ngược mắt lên để nhìn xem trời có trong không, xem có nhiều sao không ; tôi ngắm những vì sao và tự đặt không biết bao nhiêu là câu hỏi. Tuy nhiên, có nhiều đêm tôi lại không đặt câu hỏi, những vì sao ở trên kia, phía trên đầu tôi, hoàn toàn lơ lửng và vô nghĩa đối với tôi.

Hồi tôi còn là một đứa bé, trong lúc đi dạo ban đêm trong vườn, tôi đã có vấp phải một vật gì đó. Vì không thấy được đó là vật gì, tôi quệt một cây diêm. Trên mặt cỏ phẳng lì, lạ lùng thay, tôi thấy có một gò đất nhô lên.

“Chắc là ông làm vườn muốn làm cái gì đây, tôi nghĩ như vậy. Để sáng mai ta hỏi ông ta xem.”

Ngày hôm sau tôi gọi ông làm vườn đến. Ông ta tên Giacomo Tôi bảo ông ta :

– Ông làm cái gì trong vườn vậy ? Trên bãi cỏ có cái gì giống như cái bướu ấy. Tối qua tôi vấp phải, và sáng nay tôi nhận thấy nó khi mặt trời vừa lên. Đó là một cái mô thon dài và hẹp, nó giống như một nắm mộ. Ông có thể cho tôi biết cái gì đó không ?

– Thưa ông không phải nó chỉ giống một nắm mộ mà thôi đâu, ông làm vườn Giacomo bảo. Đó chính là một ngôi mộ thật đấy. Bởi vì, thưa ông, hôm qua, một trong số những người bạn của ông đã qua đời.

Thật đúng như vậy. Người bạn thân nhất của tôi, anh Sandro Bartoli đã chết trên núi, bị bể sọ. Anh ta được hai mươi mốt tuổi.

– Ông muốn nói là người ta chôn bạn tôi ở đây sao ? Tôi hỏi Giacomo.

– Thưa không, ông ta trả lời, ông bạn Bartoli của ông – Ông ta nói như vậy vì ông ta thuộc thế hệ già, và cũng vì thế, ông ta còn cung kính – Ông bạn Bartoli của ông được chôn cất dưới chân ngọn núi mà ông đã biết đó. Nhưng ở đây, trong vườn, mặt bãi cỏ tự nó nhô lên, bởi vì đây là khu vườn của ông, thưa ông, và tất cả những gì xảy đến cho ông trong đời sẽ để lại dấu tích tại đây.

– Thôi, thôi, tôi van ông, đây chỉ là những lối dị đoan phi lý. Tôi bảo ông ta.

– Tôi xin ông làm ơn san bằng mô đất đó cho tôi đi.

– Thưa ông, tôi không làm được, ông ta trả lời, và có hàng ngàn người làm vườn như tôi cũng không thể nào san bằng cái mô đất ấy được.

Sau đó, chúng tôi chẳng làm gì cả và cái mô đất vẫn còn đó; buổi tối, khi đêm xuống, tôi vẫn tiếp tục đi dạo trong vườn, và thỉnh thoảng, tôi cũng vấp phải mô đất, nhưng sự kiện này không xảy ra thường lắm vì khu vườn cũng khá rộng. Đó là một mô đất, rộng chừng bảy mươi phân và dài chừng một thước chín mươi, Cỏ mọc trên đó và có lẽ nó nhô lên khỏi bề mặt bãi cỏ chừng hai lăm phân. Dĩ nhiên là mỗi khi tôi vấp vào nó, tôi phải nghĩ đến anh ta, anh bạn thân đã khuất. Nhưng biết đâu có thể là ngược lại. Có

thể tôi vấp trên mô đất chính vì trong lúc đó tôi đang nghĩ đến bạn tôi. Những chuyện như vậy thật ra khó mà hiểu được, khó mà làm sáng tỏ được.

Tỉ dụ, có thể hai hay ba tháng trôi qua mà, trong bóng tối, tôi không gặp lại mô đất đó khi đi dạo ban đêm. Trong trường hợp này, tôi bỗng nhớ đến anh bạn tôi, tôi dừng chân lại và trong cái tĩnh mịch của đêm tối, tôi hỏi lớn giọng :

– Anh ngủ đấy à?

Nhưng anh ta không trả lời.

Anh ta ngủ thật đấy, nhưng ở xa nơi đây, dưới những ghềnh đá, trong một nghĩa trang nằm trên núi, và, và lần nữa theo năm tháng qua, không còn ai nhớ tới anh ta, không còn ai mang hoa đến cho anh ta nữa.

Tuy nhiên, những năm dài đã trôi qua, và rồi một buổi tối, trong lúc tôi đi dạo, ngay ở góc đối diện trong khu vườn, tôi vấp vào một mô đất khác nữa.

Thiếu chút nữa là tôi té nằm dài. Lúc đó đã quá nửa đêm; mọi người đều đã đi ngủ, nhưng nỗi bứt rứt của tôi lên đến độ tôi phải gọi : « Giacomo !... » để đánh thức ông ta dậy.

Một khung cửa sổ sáng lên, Giacomo nghiêng mình ra ngoài.

– Cái mô đất gì nữa đây ? Tôi la lớn. Ông có đào chỗ này phải không ?

– Thưa ông không ! Nhưng mà vậy là một trong những bạn đồng nghiệp mà ông rất thương đã qua đời, ông ta nói. Ông ấy tên là Cornali.

Nhưng rồi một khoảng thời gian

sau, tôi lại vấp lên mô đất thứ ba và dù lúc đó đêm tối đen, lần này tôi cũng gọi Giacomo đang mãi say ngủ. Bây giờ thì tôi biết chắc cái mô đất đó có nghĩa là gì rồi nhưng tôi chưa nhận được tin buồn, trong ngày hôm đó, và tôi lo lắng muốn biết. Giacomo, lúc nào cũng lạnh lùng, hiện ra nơi cửa sổ.

– Ai vậy ? tôi hỏi. Có một người nào chết phải không ?

– Vâng, thưa ông, ông ta bảo. Ông ấy tên là Giuseppe Patanè.

Và rồi vài năm trôi qua gần như êm lặng, nhưng có một dạo những mô đất trên bãi cỏ trong vườn lại tăng lên gấp bội. Có nhiều cái nhỏ, nhưng cũng có nhiều cái to tướng mà người ta không

thể bước qua được ; và phải leo lên dốc bên này rồi bước xuống dốc bên kia, như đó là một ngọn đồi nhỏ vậy. Lớn như thế chỉ có hai cái cách nhau rất gần và không cần phải hỏi Giacomo việc gì đã xảy ra nữa. Dưới đó, trong hai nắm mồ cao như hai con bò rừng đã chôn chặt những giây phút thân yêu nhất của đời tôi, những giây phút kết thúc một cách tàn nhẫn.

Bởi lẽ đó, cứ mỗi lần, trong bóng tối, tôi vấp vào hai mô đất lớn đó, đủ loại kỷ niệm buồn khổ sống lại trong tôi và tôi đứng đấy, như một đứa trẻ sợ hãi, gọi tên từng người bạn. Tôi gọi Cornali, Patanè, Rebizzi, Lo Longanesi, Mauri, tôi gọi tất cả những người bạn đã cùng lớn lên với tôi, những người đã cùng với tôi làm việc trong suốt những năm dài.

Và rồi, bằng một giọng to hơn : “Negro ! Vergani ! » Y như tôi đang điểm

danh... Nhưng không ai trả lời cả.

Như vậy, dần dần khu vườn của tôi xưa kia vốn bằng phẳng và dễ đi lại, đã trở thành một bãi chiến trường ; nay dĩ nhiên vẫn còn có cỏ, nhưng bãi cỏ lên xuống thành một mê lộ gồm những mô, những bấu, những bờ, những ụ và mỗi mô đất đó tương xứng với một cái tên, mỗi tên lại tương xứng với một người bạn, mỗi người bạn tương xứng với một nắm mồ ở xa và với một khoảng trống trong tôi.

Và rồi, mùa hè năm đó, một mô đất hiện ra cao đến đổi, khi đến thật gần, nhìn ngang qua nó tôi không còn nhìn thấy được những vì sao trên trời nữa. Nó lớn như một con voi như một ngôi nhà nhô lên đó thật là khủng khiếp, vì phải leo trèo thật sự; phải tránh nó và đi vòng qua một bên.

Ngày hôm đó, không có tin buồn nào đưa đến với tôi cả và vì vậy mô đất mới kia trong vườn làm tôi ngạc nhiên lắm. Nhưng, lần này cũng vậy, tôi biết ngay; người bạn thân nhất trong buổi thiếu thời của tôi đã ra đi. Giữa tôi và bạn tôi đã có biết bao là sự thật, chúng tôi đã cùng nhau khám phá ra cuộc đời, sự sống và nhiều điều hay đẹp; cùng nhau, chúng tôi nghiên cứu văn thơ, hội họa, âm nhạc, núi non và dĩ nhiên là muốn chứa đựng cả những tài liệu vô biên đó, mà lại được rút gọn, tổng hợp trong những danh từ văn tắt nhất, cần phải có một trái núi nhỏ thật sự.

Vào lúc đó, tôi phác một động tác phản đối. Không, không thể như vậy được, tôi kinh hoàng tự nhủ như vậy. Và một lần nữa tôi gọi tên các bạn tôi. Cornali, Patanè, Rebizzi, Longanesi, Mauri,

Negro, Vergani, Segàla, Orlandi, Chia-relli, Brambilla Cảm xúc đến độ này, dường như có một hơi thở trong đêm trả lời tôi « ời », tôi thể là có một thứ tiếng nói với tôi « ời » một tiếng nói từ bên kia thế giới vọng lại. Nhưng có thể đó chỉ là tiếng một con chim vì loài chim đêm rất thích khu vườn của tôi.

Giờ đây, tôi van các bạn, các bạn đừng bảo tôi : « Tại sao lại nói đi nói lại những câu chuyện buồn đến vậy ? Đời sống đã quá ngắn ngủi và tự nó đã khó khăn như thế rồi, thật là ngu ngốc khi còn dụng tâm muốn làm cho nó cay đắng thêm như vậy, dù sao đi nữa, những chuyện buồn đó chẳng dính dáng gì đến chúng tôi cả, nó chỉ liên can đến ông, đến mình ông mà thôi. » Tôi xin trả lời các bạn : “Đâu có, tiếc thay ! Nó cũng liên can đến cả các bạn nữa. Tôi biết, nếu nó không

liên can đến cả các bạn thì là hay rồi. Vì thứ câu chuyện những mô đất trên bãi cỏ kia có thể hết đến với mọi người và mỗi người trong chúng ta, tôi xin nói rõ, là chủ nhân của một ngôi vườn trong đó có thể xảy ra những hiện tượng đau đớn này. Đây là một câu chuyện xưa được lặp đi lặp lại từ đầu nhiều thế kỷ và nó sẽ được lặp lại ngay cho các bạn nữa. Và đó không phải là một lối bóng gió văn chương xa xôi, sự vật xưa nay vẫn y như vậy.

Dĩ nhiên tôi tự hỏi trong một khu vườn nào đó, một ngày nọ, chẳng hay sẽ có một mô đất của tôi hiện ra không. Ôi chỉ một cái mô nhỏ thuộc hạng thứ ba thôi, chỉ một gợn đất trên một bãi cỏ mà đến khi mặt trời đứng bóng người ta cũng không thể trông thấy được. Dù sao

đi nữa, rồi cũng có một người trên thế gian này, ít nhất là một người, sẽ vấp vào nó.

Có thể là, vì cái tính dễ ghét của tôi, tôi sẽ chết cô độc, như một con chó ở cuối một hành lang xưa vắng vẻ. Nhưng, thế mà tối hôm đó vẫn sẽ có một người vấp vào cái mô đất con con mọc lên trong khu vườn của y và đêm hôm sau y lại cũng vấp phải vào nó và mỗi lần như vậy (xin các bạn tha thứ cho cái ảo tưởng này của tôi), với một ít tiếc rẻ phảng phất, y sẽ nghĩ đến một kẻ nào đó tên là Dino Buzzati.

NGUYỄN THU HỒNG dịch

Phạm Thiên Thư

CHIẾC TÙ VÀ GIỮA CHỢ

Khi trái mặt trời ngouì lửa, từ chiếc tháp canh đất đỏ đỏ nát của một khu đồn xưa trên chỏm núi Chi Ngải, rụng xuống bãi cỏ hoang và hoa dại phía sau trụ cây số rêu mốc 125. Khiến đàn chim nâu lách chích xao xác vù bay, cất mình lượn đôi vòng trên mấy nóc rạ xám của khu chợ Điểm Tổng, rồi trao xuống mất hút trong đám cỏ xanh ven sông; nơi ngã ba con đường liên tỉnh hiu quạnh, với tấm biển gỗ mục đỏ xiêu, nét chữ lò mờ, chỉ một ngã đường về phố Bến Tắm, một ngã xuôi tỉnh lỵ Đông Triều. Ngọn gió

vào thu mang đôi hạt mưa bụi và chút rét buốt từ dây Chòi Hồ thâm nghiêm bí mật trở về ; kéo dài khúc hát gọi nghe của bọn trẻ mục trên đường về Đại Tân, xuống tận khu nông trại Anh Định, cách vài cây số đường ruộng, nơi thôn xóm có đám mây trắng quấn ngang thân cau, và vi vút cánh diều mình bạc chênh vênh ngoài cổng. Chiếc bóng cuối cùng của cô Hoàn với gánh hàng xén trên vai, đôi bồ chập chờn, đu đưa theo bước đi trên bờ cỏ khô về trại, như một cánh vạc về muộn khuất dần trong bóng tối. Đêm bắt đầu. Mấy túp lều rạ chung quanh khu quán chợ gió hú của bọn lưu dân dựng lên, đã lác đác lửa đèn. Tiếng tù và âm u rờn rợn, rúc lên gọi rần từng hồi, từng hồi rồi im lặng bí mật trên khoảng đồng trống. Bọn trẻ con bỗng bế nhau ; chạy lả tả luôn qua những chiếc cột quán chợ không kheo, lao xao chế nhạo mục đàn bà

với chiếc còi sừng trâu trên tay từ dưới ruộng trở về.

– Eo ơi! Con rắn ở trong túi áo kia kìa. Bê ơi! Nó thò đầu ra đấy đấy !

– Ê ! Ê ! Mụ Tài Ngàn cười khàn khàn ! Mụ Tài Ngàn cười khàn khàn...

Tiếng vỗ tay dồn dập của bọn trẻ sau mỗi nhịp hát gây chút sinh động giữa khu quán chợ nơi đông không mông quạnh nầy. Đột nhiên, mụ đàn bà dừng lại đưa chiếc tù và sừng trâu lên môi thổi tu tu. Bọn trẻ nhốn nháo chạy dạt tán loạn. Tiếng ồn bên ngoài khiến chị Đông Châu bỏ nồi cơm đang sôi trong bếp ra cửa đứng. Một tay cầm đôi đũa chống nạnh, thấy bóng dáng con Đụp bế thằng cu trong bọn trẻ đuổi theo mụ Tài Ngàn, chị cất tiếng gọi :

– Bớ Đụp...! Cha bố con voi giấy mày không bế em về nốc cơm ; còn đợi đến bao giờ !

Tiếng trẻ con xôn xao nhỏ dần ở cuối dãy. Tiếng chó sủa thúng thảng. Con Đụp thấy mẹ chống nạnh nhìn lừ lừ ngoài cửa, len lén lách mình vào. Chị Đồng Châu giáng ngay cho một đôi đũa vào giữa trán. Đụp bế em chạy ùa vào trong nhà, lủi xuống bếp mất dạng.

Bọn lưu dân chừng năm sáu gia đình ở quanh khu chợ này. Phần nhiều là bọn người tha phương cầu thực, từ những vùng rừng thiêng nước độc trở về. Họ kiếm cơm qua ngày bằng những nghề đan rổ rá – lò rèn – đóng cối xay và đi rừng...

Họ có thói quen gọi tên nhau bằng cách lấy tên nơi rừng núi mà họ đã sống,

như cha mẹ con Đụp trước đây sống ở Đồng Châu thì gọi là anh chị Đồng Châu. Như gia đình bác Mai Sửu, cụ Yên Mô, cụ Tài Ngàn chẳng hạn. Họ là dân miền ngược, chẳng quê hương, vườn ruộng nên dựng lều trú ngụ nơi đây ; tìm sự sống cho qua ngày đoạn tháng. Những túp nhà vách rạ lụp sụp như cuộc sống chủ nhân của nó, mỗi chiều càng trở nên trầm lặng, u tối trong tiếng gió núi và và luồn qua mấy gian chợ thấp trơ vơ, chập chờn con đóm lập lòe chất sáng lân tinh ma quái. Tiếng moóc-chê bắn đi từ lô cốt Đại Tân. Tiếng nổ ì ầm từ một khu núi xa nào bên kia con đường 18 vọng về. Đời sống của họ co ro, thu lại trong mỗi túp rạ như những phần mộ vô hàng.

Từ ngày sự sinh hoạt ở đây có thêm bóng dáng cụ, mỗi chiều lại thêm tiếng bày trẻ lao xao, chuỗi âm ba u ẩn yêu

tà từ chiếc còi sừng của mục trong mỗi phiên chợ quê xao xác. Chẳng hiểu mục đã theo loài chim núi nào lạc về khu chợ này, cùng với con rắn tinh khôn đó. Vào sáng chợ phiên, một nhóm dân quê đang mua bán ồn ào. Bỗng hồi tù và rúc lên lúc đầu chậm chậm, rồi vút lên chập chờn, hiu hắt, chột đổ xuống khàn khàn tắc nghẹn. Mọi người ngơ ngác nhìn nhau. Một đám đông đã thành hình ngay trên mảnh đất trống đầu chợ, dưới gốc cây đa cụt. Mục ngồi trên bọc quần áo rách, với chiếc quang nhỏ chống mấy chiếc nôi đất lỏng chỏng đặt bên ; Đôi mắt thú rừng đại nghịch, mục rứt cổ, rúc chiếc còi sừng. Từ đầu chiếc tù và, con rắn lục bằng ngón tay út chui ra ngoe nguẩy, khúc múa kỳ thú bắt đầu. Con vật uốn chung quanh chiếc còi đen như một đai cẩm ngọc. Nó nghển cổ, thập thò chiếc lưỡi tím dài như lá cỏ lan. Đôi mắt hạt

huyền tí hon ngơ ngác. Rồi cuộn thân như những vòng thùng màu lục. Cổ cất cao, chiếc đầu lắc lư qua lại, khi già nửa chiều dài con vật vươn lên không trung, nó banh cổ phun phè phè, rồi chui thụt vào trong lòng chiếc còi sừng, chuỗi thanh âm đục như nước suối cũng vừa dứt mạch : Mụ ngồi ôm quả đầu thở dốc. Nắm tóc bạc rối tung với vòng khăn tang cũ nhỏ. Khuôn mặt trơ xương lấm chấm mồ hôi. Đám đông dân ra, một vài người cúi xuống, vớt những đồng bạc vào trong chiếc bị cói rách nát đặt trên cỏ. Mụ ngồi rũ liệt với chiếc tù và một bên. Trông xa như một nắm vải xanh vá đụp đấp trên cổ xương khô.

Từ đó trong mỗi phiên chợ mùa thu, thỉnh thoảng một chuỗi tù và rúc lên vang vọng. Những hành khách trên chuyến xe chợ xộc xạch Phả Lại – Đông

Triều ; đáp dù xuống tiểu tiện, ghé coi khúc múa rần, rồi lại vội vã chạy lên xe, sau hồi còi giục. Chiếc xe chợ lại tiếp tục, cuốn bụi đi như một con lắc mắt hút giữa rừng.

Chồng chị Đồng Châu, những lần vượt đường vào rừng cấm kiếm nứa trở về. Anh nói có lần đã gặp mụ lang thang trong thung lũng phố núi Tài Ngàn. Từ đó bọn lưu dân và kẻ chợ ở đây gọi tên mụ Tài Ngàn.

Dù dư luận quanh mụ rất nhiều theo óc mê tín, sức tưởng tượng và lời bịa đặt của mọi người. Có kẻ cho rằng mụ nuôi ma xó. Mụ biết phép phù thủy. Mụ câm. Mụ điếc v.v... và có cả trăm thứ quái gở khác. Nhưng mụ vẫn sống ù lì. Chả ai nói với mụ mà mụ cũng chẳng nói với ai. Mụ giận, mụ buồn... mụ cũng chỉ biết đưa tù và lên miệng thổi một chuỗi, rồi

cười khàn khàn bỏ đi về chiếc quán chợ đồ xiêu đánh giấc ngủ.

Hình ảnh mù đã được đem về mô tả mãi tận những thôn xóm hẻo lánh cách mấy chục cây số chung quanh. Mù Tài Ngàn, âm thanh ấy đã trở nên một thứ hiện tượng trong trăm ngàn thứ hiện tượng nhiều thần tính của chiếc óc đêm tối chất phác chung quanh. Khúc ru răn của mù trở nên một thứ giải trí có pha chút kính cẩn dị đoan, đặc biệt nhất của vùng này. Sức hấp dẫn của nó thật kỳ lạ. Khiến những bậc kỳ lão tám chín mươi tuổi còn đòi con cháu cõng đi vài chục cây số để xem một lần bằng được. Có người lại tin rằng nếu con răn mà quay về phía ai, thè lưỡi phun, người đó sẽ gặp nhiều may mắn. Chính điều dị đoan đó đã đưa đến cái chết của mù. Vào một buổi chợ, cô Hoàn, người con gái bán

hàng xen duy nhất để răng trắng, và biết chút ít tiếng Pháp của khu chợ này, rất được bọn lính Tây trên đồn nể vì, mến chuộng. Cô vừa gánh đôi bồ hàng đến đầu chợ thì gặp mẹ đang kéo khúc còi ru răn. Con linh vật ngẩn đầu lắc lư, nhìn cô le lưỡi. Cô đã cười mỉm mừng thầm, có lẽ con vật sắp phun. Nhưng rồi nó ngoe nguẩy nhìn sang phía vợ Diễm ; người bạn chợ và cũng là đối thủ của cô, đang vênh vác đứng bên cạnh ! Nó thè lưỡi phun phè phè. Cô lấy làm tức con vật, quấy hàng vào chợ. Quả nhiên suốt buổi, hàng cô vắng khách. Bọn lính Tây mua hàng quen của cô đi hành quân vắng. Bọn lính ta tụ lại gian quán vợ Diễm mua hàng. Vì bọn partisan này thường thấy hàng cô được nhiều quan Tây chú ý, nên ít dám bén mảng. Tất cả dồn về gian hàng vợ chồng Diễm. Cô bực mình ; châm cuộn giấy đốt vía đến ba bốn lần.

Nhưng có lẽ vừa rắn độc hơn, nên chỉ vài người hỏi mua, trả không thành giá rồi lại bỏ đi tìm hàng khác. Quán chợ về trưa thừa người dân, tiếng nói cười đặc ý của vợ chồng Diễm, vừa ca tụng con rắn khôn ngoan, vừa có ý xỏ xiên đối thủ.

Cô Hoàn bực mình thở dài phèo phèo, đứng lên quầy bỏ hàng trở về. Sáng hôm sau, tên trưởng đồn Đại Tân, một trong những khách hàng ngoại quốc của cô ghé thăm hỏi. Bao nhiêu tức bực hôm qua cô đã dồn lên đầu con rắn lục. Anh bạn này vốn giống người tự mệnh danh là đi khai hóa thuộc địa. Có bốn phen dẹp bỏ những tập tục man di của dân bản xứ. Hơn nữa, vốn là con dân nước văn minh, có huyết thống sẵn sàng quì dưới chân người đẹp. Lão bèn gãi bộ râu ngô xồm xoàm, vẫy tay gọi mấy chú ngụỵ binh bông súng đi theo, tiến về phía đám

đông bao quanh mù Tàì Ngàn đầu chợ. Những người dân quê đứng xem, thấy vậy lảng xa chuẩn mất. Mù thụt cổ còn trôi khúc tù và, thoang thoảng âm hưởng não nuột. Lão tiến lại đá chiếc tù và một cái, cây còi sừng bật ra khỏi miệng mù với một chút máu đỏ, lăn xuống nền đất. Con rắn xanh văng ra ngoài đám cỏ khô. Lão lên đạn quạt một băng. Con vật quằn quại nát bấy. Mù Tàì Ngàn chồm lên với đôi nhành tay xương định giăng lấy súng lão râu xồm. Một ngụy bình thân tín theo sau, tiến lên thúc cho mù một báng súng vào cạnh sườn. Mù đổ xuống bên chiếc bị rách nằm thở thoi thóp. Tên đồn trưởng bề vệ cùng bọn thủ hạ bỏ đi như một gã samurai hành hiệp. Nòng súng còn khét khói bay.

Cô Hoàn quả nhiên hôm đó bán đắt thực. Chờ cho lão khách Tây rời khỏi đầu

chợ trở lên đường về đồn. Cô cùng mọi người chạy xúm lại, đứng tần ngần trước cổ xương da còn thoi thóp của mụ, với chiếc bị rách, chiếc tù và nằm trơ trọi. Cô Hoàn vội chùi nước mắt, móc túi ném vào bị một trăm rồi quay đi mau.

Vài người vục mụ vào căn quán đồ cuối chợ. Mụ vẫn thở khò khè. Chiều hôm đó, chị Đồng Châu, nấu bát cháo trắng cho con Đụp đem sang, nó đặt trên đầu chiếc ổ rơm ẩm mục. Mụ vẫn nằm mê thiếp, sau ba ngày chẳng ai thăm hỏi gì. Vào một trưa gió bỗng đổ lạnh. Chị Đồng Châu thương tình đem tấm bao gai rách sang định đắp cho mụ. Vừa khom mình chui vào lều, chị phải bịt mũi trở ra, ngồi oẹ mưa liên miên. Mụ chết từ bao giờ và đã có hơi.

Bọn lưu dân tụ lại bàn tán xôn xao. Gã Tư Cóc vác chiếc mai xuống phía

ruộng bên cạnh, hì hục đào địa huyết. Bọn người còn lại kiếm được manh chiếu rách, trải trên hai chiếc lạt tre tươi đặt song song. Rồi dùng cào, lăn chiếc xác mụ vào chiếu, bó kín lại. Mắt mụ trắng dã. Mở trũng trũng, không một ai dám vuốt. Bọn đàn ông làm hai chiếc đai chảo luồn qua, rồi xỏ đòn tre vào cho hai người bịt mũi khiêng đi, Công việc thật vội vã, họ cố làm cho xong trước đêm tối. Chị Đồng Châu vội luộc con trứng, đặt trên bát cơm nguội với hai chiếc dưa bông cắm song song, Vừa mang ra đến nơi, thì nắm mộ đã đắp xong. Chị đặt bát cơm trên nắm cỏ mới. Đứng khấn vái rì rầm, cầu vong hồn mụ phù hộ cho mọi người còn lại được buôn may bán đắt... chị thất thểu trở về, đôi mắt đỏ hoe.

Bọn lưu dân nổi lửa đốt túp lều của mụ. Một quẹt lửa bật lên. Chiếc lều rạ

cháy vùi. Mọi người đứng hơ chân tay, cào cuốc, cho hết hơi hướng. Một lúc chỉ còn đồng than hồng, chiếc túi quần áo của mẹ còn ngùn lửa nghi ngút.

Vợ Tư Cóc là một tay ưa ngồi lê mách lẻo. Tối đó bế con sang cụ Chín Mùa thì thêu. Vợ Tư Cóc cho rằng chị Đồng Châu là người giả nhân giả nghĩa mượn cơ mang chẵn sang để lần tiền của mẹ Tài Ngàn. Ít nhất cũng được trên ngàn bạc. Cụ Chín Mùa chếp miệng :

– Hơn ngàn một bát cơm con trứng cũng còn rẻ !

Vợ Tư Cóc cong cớn :

– Đâu có thiệt ! Lúc tối con Đụp lần xuống nâng bát cơm ăn rồi !

Vào một trưa ngày cuối tuần của tháng giáp tết, có một người đàn ông sang trọng, tay xách hoa-ly. Thắt cà vạt đỏ. Đội mũ nỉ lịch. Đạp xe chợ Phả Lại – Đông Triều, dừng lại khu chợ Diêm Tống. Ông gặp thằng Cu kéo chiếc tù và sừng trâu đi lằm chằm trước nhà. Thấy chị Đồng Châu, ông ngã mũ chào, xin hỏi thăm về một người. Thấy khách sang trọng, chắc làm quan lớn. Chị mời khách vào ngồi trên chiếc phản giữa nhà. Chị ôm thằng Cu vào lòng, ngồi bệt xuống nền đất góc cửa. Người đàn ông cho biết ông đi tìm người mẹ lưu lạc đã lâu. Từ ngày ông bị Tây bắt trong thung lũng Mai Sầu từ một trận càn quét. Cha ông bị đạn chết. Em gái ông cũng bị Tây hiếp bỏ mình. Sau nhờ ông có môn thuốc chữa nọc rắn gia truyền, nên đã cứu thoát một thiếu úy người Pháp. Vị quan này đã can thiệp cho ông được thả ra sau hai năm tù. Bây

giờ ông giúp việc cho tòa Quận Trưởng, ông đã bỏ công đi tìm kiếm người mẹ khắp nơi. Mẹ ông cũng biết nghề lấy nọc rắn. Ông hỏi thăm xem quanh vùng này có ai làm nghề ấy không.

Chị hơi nghi, nhưng nghe hình dáng người đàn bà ông tả, hơn hẳn mẹ Tài Ngân. Chả nhẽ một người sang trọng thế kia lại có người mẹ điên khùng như mẹ Tài Ngân sao ? Nhỡ nói ra không phải người ta bắt tội chết ! Nên chị lại thôi.

Người khách ngồi chờ đợi xe một lúc. Khi tiếng xe chợ ù ì từ khúc rẽ xa. Ông đứng dậy cảm ơn, móc bóp cho thằng Cu trăm bạc, chị nhất định không lấy, người đàn ông đội mũ, bỏ ra, giơ tay chặn xe xuôi Đông Triều. Chị Đồng Châu bỗng con theo ra cửa, chị nhìn nắm cổ mộ mẹ Tài Ngân chột rúng động tâm thần, lại nhìn người đàn ông, im lặng sợ sệt !

Chiếc xe từ từ dừng lại. Người lơ một tay đánh đu mình ra khỏi cửa :

– Đi đâu Thầy Hai ?

Người đàn ông quay lại gật đầu chào chị lần cuối. Nét mặt đăm đăm, nói nhỏ :

– Tôi biết tìm mẹ tôi ở đâu bây giờ !?

Rồi khom người chui hẳn vào lòng xe. Tiếng cửa đóng mạnh, chiếc xe ì ì lao đi. Chị Đồng Châu nhìn theo đám bụi mù mất hút giữa lòng cồn cây mùa đông trở vờ.

BẦY THÚ BUỒN PHIÊN

 hương tỳ tay trên ô cửa sổ gỗ mục, nhìn xuôi xuống bãi núi mây trắng phía Tây. Nơi từ đó, nàng có thể nhìn ngắm mảnh mặt trời cuối ngày ngועi lửa đằng sau tàn thông xanh. Bãi cát bình yên với những nội cỏ dạ biếc, nơi trú ngụ đêm tối của bầy chim di đáp xuống xao xác mỗi chiều.

Phương muốn dời chiếc bàn viết về phía ô cửa này, để nàng có thể mang mây trắng vào nội dung những đoạn tác phiêu bổng của nàng. Nhưng Phương lại không muốn đổi chỗ pho cẩm tượng đá cổ nơi đó. Cánh tay tượng giơ lên, cầm

ngọn đèn bão lồng kính vuông, như một xác ướp từ hư vô cổ tích, quờ quạng tìm về trong đêm tối trần gian. Rồi nàng quyết định chuyển dịch giường ngủ từ góc phía trái ra giữa gian phòng, đối mặt với ô cửa mỗi một. Như vậy, nàng có thể không dùng đến chiếc đồng hồ với những tiếng động tuần tự buồn nản trên tường. Phương đi ngủ khi ngọn sao hồ thủy khuất hẳn vào cảnh ngọc lan bên ngoài, và thức giấc cùng với tiếng hót bầy tiểu tước xôn xao thành cửa. Mảnh trăng lúc đó như một cánh chim heo hút đậu xuống cuối bãi phía Tây ngun ngút sương mù.

Từ ngày Phương về đây ở lại với người cô, nàng cũng không thể tham dự thay đổi phần nào trong đời sống và kỷ niệm âm lặng của bà. Kể từ người chồng mất tích cùng với con tàu cá không về vào

những đêm cuối tuần. Người cô nàng, tâm trạng trở nên một thứ u ẩn bí mật của một loại đá bên ven biển. Những đêm nửa khuya, khi con Vàng tru lên hồi dài, bà xách lồng đèn bão dừng lại thăm thì trên những bậc đá thềm. Chập chờn như bóng dáng thần thoại của một phù thủy xa xưa với những khúc thần chú ngắn ngủi :

– Mình về đấy ư mình... Cởi tấm áo sương muối ra ! Cơn lạnh thật tội nghiệp. Cha bố con Vàng mày sữa chỉ mà ma quái yêu tà thế. Mày sữa trắng phải không ! Mày sữa sao phải không ! Nhất định bà sẽ hóa kiếp con, giải phóng con vào đêm mai ! cho mày đi theo mặt trăng hay những chùm sao cũng được. Lại gần em chút nữa đi mình ! Mình mang theo cánh bướm về đấy không? Và cả bầu trắng sao nữa.

Cuối cùng tiếng rú lê thê làm vang động vút bay cánh chim núi hung hãn. Ngọn đèn vàng lặn xuống trên những bậc đá khô, và tiếng cửa nâu đóng mạnh. Những đoạn khúc thần tích của tay thấp ẩn trước bấy âm bình nổi loạn chập chùng. Phương đã thuộc tâm từng cung bậc đó, rồi nàng quen đi như những tiếng động của chim, của thú, của cỏ hoa trang trại ven biển này.

Buổi tối xuống thật chậm. Tiếng gió rít lên từ những tầng thông cổ như sự cay nghiệt ray rứt của rừng. Tiếng người cô huyền náo ở cuối vườn với bấy chuột bạch. Bà cầm ngọn cỏ khô thọc qua ô lưới sắt han.

– Ôi ! Cái đồ tồi. Đồ bú vợ tranh con. Bà vạc cái mặt chú ra mới được ! Nó phải nuôi cả năm con, còn sữa đâu mà bú nghe. Chồng với chả chồng ! Đồ chuột

nhất. Đồ vô liêm sĩ. Ê ! Bêu bêu bú vợ ...

Bà luồn ngón cỏ trắng bông theo con chuột khoang về cuối chuồng. Chuột có vẻ biết liêm sĩ thật, nên nằm im giấu mặt vào ngọn rau khô. Phương nhìn theo cười buồn. Bà quay lại với ngón cỏ khô trên môi :

– Ôi ! Cháu ơi, cái đồ chuột thật vô tích sự nhỉ ? Chỉ biết ăn, chả biết nhân luân gì hết ! Dạy con đánh vòng tơ cũng không. Gặp miêu là lẩn biệt vào góc tối trước hết. Còn cái con mèo này thì lắm thủ đoạn thâm độc làm sao. Nó vờ ngủ thiếp đi ngay bên ngoài chuồng chuột. Bầy nhỏ nghe ngóng lúc lâu, thấy yên, vừa ló ra gần tấm lưới rách, là con khốn này chụp liền.

Bà ngưng nói, ngồi ghé xuống đồng đá mốc. Quơ con Chỉ Bư trắng nhỏ

đang quần dưới chân bà vào tay. Cầm đu đưa hai chân trước con mèo như bắt đầu một bản luân vũ :

– Mày ác lắm con ơi! Bà sẽ đeo cho mày đôi bao tay đặc biệt. Như vậy là hết vô suốt đời ! Bà nếu cần, vẫn có thể đeo cho mày tấm mặt nạ, để làm một thứ hiệp sĩ gia súc, hoặc cà hản cái nanh gớm ghiếc này đi ! Cho con ăn cháo luôn. Đồ thủ thuật nham hiểm.

Rồi bà vạt con miêu xuống mặt cỏ non, lấy ngọn cỏ quật tới tấp lên mông đít con vật, những hình phạt giả tưởng. Con Chỉ Bư vùng thoát khỏi tay bà, rồi cong đuôi leo vút lên thân cau cuối sân. Bà đứng dậy, phúi quần áo và trở vào nhà, cười nói một mình.

✱

Phương nằm nghiêng, nhìn trên khung cửa sương đục. Từng tảng mây ẩm nước chuyển bay, thấp thoáng trên những ngọn thông cao, con chim sâu mầu lục vụt bay xuống cành ngọc lan, bên những búp hoa ngà, sương dài lã lã đang. Tiếng hót như một sợi mưa lạnh. Phương lơ đãng mỉm cười. Chim ơi ! Hãy đậu xuống trên thành cửa. Cho ta một dịp gặp lại. Ta sẽ hóa thân làm con sâu tội nghiệp cho em dùng bữa sáng nay. Cái tên chim sâu chẳng gợi cảm chút nào. Cả một tác phẩm diệu tuyệt kia, chẳng lẽ được gọi tên một cách hèn mọn vậy sao ! Ta cho em tên khác nhé ! Thôi, chim cầm vũ đi. Sao em nhìn ta ngơ ngác thế nhỉ ? Chả nhẽ hình thù ta quái dị lắm sao ! Ta quái vật lắm sao ! Cánh chim lao đi như một mũi tên bọc gấm mất hút. Phương

trở dậy. chiếc khay nhỏ bữa sáng bé Mơ đã mang vào, đặt trên bàn viết từ bao giờ. Một ngày đều đặn, âm u trên nét môi cổ tượng bắt đầu nổi mắ. Phương nghĩ đến những lần xách hoa-ly chuyển dịch về tỉnh. Những cỗ xe chợ cùng sương biển ngun ngút sớm mai. Nàng thu nhỏ trong vòng tay lưu ấm người tình. Bây giờ tất cả đã giấu mặt trong quên lãng. Chờn vờn những bóng dáng thân thuộc. Phương buông xuôi vị kỷ, chạy trốn thứ giá trị tầm thường. Dừng lại cùng hố thăm tuyệt đối trước mặt. Nàng khép tấm cửa mây trắng lại. Gục đầu trên nhành tay tượng đá. Những chuyến xe đã đi rồi và tất cả đã mất hút mịt mù.

Tiếng lao xao của bọn trẻ dưới kè đá, chung quanh chiếc xác ngựa trôi, nằm bình thản trên bãi biển cát mịn. Chiếc

thây đã thối nát. Những cánh âu biển xoáy lại trên nền trời xám, như một con ốc cuộn lá trên không trung. Những đợt sóng ầm ì tấp tức. Sự bất mãn của biển nhả dài bọt trắng như con bệnh động kinh hành hạ hình hài.

Những người dân lưới buộc chiếc thây ngựa trong những sợi thùng nâu. Tiếng dô ta từng đợt nhích dần tử thi xuống huyết đất ven núi. Khúc hát kéo xác ồ ề trong mỗi nhịp chuyển dịch. Biển đã hoàn trả rác rưởi từ đất về cho đất, và trở lại vóc dáng cảm ngọc thiên thâu.

Người cô ngồi ôm đầu tóc rũ trên một trụ đá đầu dốc, trong những hình ảnh sinh hoạt đặc thù của trang trại. Cả ba người âm thầm sống trọn vẹn sự cam lạng của mình với bấy vật : Con mèo Chi Bưu, con Vàng sữa trắng, và gia đình chuột bạch của anh chồng xấu thói. Biển

cả đã mang sự trầm tĩnh bí mật đến với trang trại. Đôi lần những người bạn trở lại tìm thăm bà cô. Vài lời an ủi vô nghĩa, và lắc đầu chép miệng như một thói quen khi trở về. Phương nhớ lại một đoạn trong lá thư của con bạn gửi thăm : “mặt trời đã mỗi một sao ? Hoàng tử nào đã mang đến trang trại biên địa cảm bông hoa quý đó nhỉ ?”

Người nữ tu đã làm trọn vẹn cuộc chuyển hóa tâm thức chăng ? Đại Học của mình có cả một Thiên Uyển trên đầu bọn sinh viên lao xao. Những núi lửa con gái sắp đến ngay hoạt động nổ tung cả ! Hai cõi giới tịnh động mâu thuẫn tít mù.... Phương mỉm cười nàg nhìn xuống hai bàn tay những chỉ đậm nghiệp dĩ. Mười ngón nhỏ từng bao tổ bập bùng với cuộc đời. Mảnh mặt trời tang chế sau khi đã đốt cháy mấy nội có ngàn, để rồi vĩnh

viễn tịch mặc trong một trang trại lưng núi. Nàng cười vỡ tiếng trên những tàng cây đựng gió vi vu. Tiếng cười tự khiến nàng mọc ốc cùng mình, như nghe tiếng tru còn Vàng nửa tối.

Tiếng đập của mạnh tay, dồn dập. Giấc ngủ thấm thuốc về sáng khiến Phương có thính quan như tiếng vỗ cánh của một loài chim. Một tiếng xô mạnh trên cánh cửa nhỏ ; Pho cảm tượng đổ gục. Phương choàng dậy. Ngành tay tượng đá gãy lìa. Ngọn lửa vàng lu trong ngọn đèn bão phụt lên trước khi tắt im.

Nàng ôm ghì cánh tay đá vỡ vào lòng với cảm giác châu thân đau buốt, trong tiếng bé Mơ nghẹn ngào, thở dốc hỗn hển :

– Bà chết bên cổ xương ngựa rồi cô ơi !

Cảm giác chột tăng cường độ hóa thạch thân thể. “Như thế sao ? Với trường hợp một cổ xương ngựa !”

Bước chân cô cháu bên trên mặt đất bập bùng. Hai xác ướp chuyển dịch vất vưởng xuống từng bậc đá, với tâm trạng : Phương rêu biến vật vờ.

Ngay lối đầu con dốc, chiếc xe gỗ nằm nghiêng. Cổ xương ngựa trắng mốc đổ tung. Người cô gục xuống với tấm da cũ kéo trước ngực. Mười ngón tay xanh bấu chặt xuống đất trong nỗ lực cuối cùng. Tấm áo nỉ đêm ướt dầm sương trắng. Đôi mắt sâu nhắm liền. Viên môi thâm bậm lại. Khuôn mặt tím xanh. Thót

xe gỗ mục. Những đốt xương ngựa, và
ngày tháng buồn phiền đã đổ xuống sau
lưng tất cả.

PHẠM THIÊN THƯ

Nguyễn Thị Hoàng

MIỀN TRÚ ẨN

Như thế là ba tuần lễ rồi. Ba tuần lễ hay hai mươi mốt ngày cũng thế. Nhưng Quyên lại thấy hai cách tính đó làm quãng thời gian đằng đằng có vẻ khác nhau. Một đằng ngắn ngủi, dễ dàng trôi chảy. Và một đằng thì thăm thẳm, chập chùng, trắc trở. Đến nỗi suốt ngày hôm nay Quyên đã đếm đi đếm lại số ngày biết bao nhiêu lần vẫn tưởng như lăm lăm. Bây giờ thì mọi điều đều có thể là lăm lăm. Quyên bắt đầu nghi ngờ

mình, những tính toán, suy nghĩ nếu có, và tất cả những hoạt động thường xuyên của giác quan quen thuộc. Có lẽ người ta nói đúng. Mình bệnh thật sự. Mình chẳng là mình nữa. Và mình cũng đã nghĩ oan cho chị Phúc, chị ấy chỉ vì thương và lo lắng cho mình nên mới thu xếp cho mình được vào điều trị ở đây. Đó là những phút trong sáng và tỉnh táo nhất Quyên nghĩ ra như vậy, và cố bám víu vào những lý lẽ mơ hồ của mình, để hé lên một nụ cười, khờ dại và ngẩn ngơ, đủ cho những người tình cờ đi qua ngoài khung cửa nhỏ có chấn song sắt dày tình cờ bắt gặp và bước nhanh hơn như chạy trốn một con quái vật rình mồi.

Vào buổi chiều cơn mưa bỗng bất ngờ tới, mang theo những ngọn gió ẩm ướt cong cành cây lá ngọn bên song cửa, và Quyên đã tắm đắm mặt mày

trong cơn mưa để ngửa cổ nhìn lên hồi hộp chờ cành cây rơi xuống. Nghe rõ cả tiếng kêu răng rắc đe dọa giữa khoảng cây và cành tiếp nối. Những đợt lá xanh non dập vùi lịm ngắt giữa những lát mưa hững hờ chém xuống liên hồi. Bọn lá còn tươi rủ nhau lia cành nằm im dưới cỏ. Còn lá vàng lá nâu tới tấp bay đi. Cành trơ những đốt xương trắng bỏ ngổ một khoảng trời buồn thiu trống lổ đục mờ. Mây nổi như khói thổi cơn chiều chập chờn bay qua từng tầng lớn trên đó. Rồi cơn mưa dứt. Và Quyên choàng tay ra ngoài song cửa, ấp lấy cành lá xác xơ còn lạnh lùng ở lại với mình. Và nghĩ ngày mai vẫn còn có thể tiếp tục đếm bước chân qua cửa ngày, rồi của tháng. Đã ba tuần nay Quyên đếm ngày vào mỗi buổi mai, bằng cách ngắt từng chiếc lá bỏ vào trong hộp sắt đậy kín, chiếc hộp sắt - đồ đặc độc nhất từ bên ngoài chị

Phúc ngày đầu tiên cho mang theo để dành đựng thức ăn khô. Nhưng không có ai cho thức ăn, chị Phúc cũng chẳng thấy vào, chiếc hộp trống không từ đó và Quyên dùng làm nơi an toàn để cất giấu tháng ngày. Hai mươi mốt chiếc lá đã vàng, khô cứng. Và những chiếc ngày đầu bây giờ biến thành màu nâu nhợt nhạt, co quắp, cong veo, đến nỗi mỗi lần đếm lại, Quyên phải rón rén từng ngón tay run, sợ một hơi thổi mạnh cũng đủ làm lá khô rách nát, thời gian vỡ tan và chút liên lạc cuối cùng giữa mình với trí nhớ cũng đứt lìa vĩnh viễn.

Trí nhớ. Người ta bảo là Quyên mất một phần trí nhớ. Điều đó quan hệ gì. Mất tất cả càng hay. Nhưng thật ra Quyên không biết rõ mình thật mất trí nhớ hay không. Nhưng những hình ảnh đã qua

chồng chất trong tâm tưởng thì không cỗi nguồn, chẳng tận cùng, bỗng bênh khi tỏ khi mờ, khi sáng tỏ như buổi mai, khi ngập chìm như bóng tối, và nét này nối kết với hình kia, chồng chất, điệp trùng, huyền ảo, rồi bỗng dừng lại im lìm, đứt đoạn, tắt ngấm. Quyên không biết gì về mình nữa cả. Phần còn lại cho những ngày bí bùng giam hãm này là nỗi mong mỏi, cuối cùng và độc nhất, được đi khỏi căn phòng đóng kín này, đến đâu cũng được, hỏa ngục hay tù đày, dơ bẩn hay tối tăm, gì cũng được miễn là khỏi nơi này. Điều mong mỏi chưa bao giờ nói ra, chưa một người nào hay biết. Nhưng hình như Quyên chỉ cảm thấy lơ mờ trong những phút giây người ta gọi là mất trí đã tình cờ phát lộ ra. Và còn nữa. Nhưng hoang mang giăng mắc về những ngày ở đó, căn nhà dựa lưng vào núi nhìn đầm ra khơi, những ngày mỗi khi lơ mờ

nhớ lại, Quyên ngần ngợ tự hỏi của mình hay của ai, đã trải qua đời này. hay một kiếp nào xưa xa lãng lác. Hay chỉ là một giấc chiêm bao nào đó, một đêm dài ngủ vùi nào đó. Bởi thật ra, điều đúng hơn hết có lẽ là không có gì cả. Không ngày tháng không nơi chốn không liên hệ không trí nhớ không gì gì cả. Với Quyên thì thường như thế. Và điều đó thật rõ ràng khi nhìn thấy hai con mắt đe dọa và căm hờn của chị Phúc. Vậy mà bây giờ Quyên vẫn mong chờ chị Phúc tới như chờ nắng mỗi buổi sáng mai thấp sáng tàn lá cây cửa sổ ngậm ngùi.

Bên ngoài, tiếng kiếng lanh canh báo giờ vào thăm, và cùng lúc, những nhân viên nhà thương thay áo ra về, đổi phiên trực hay kiểm điểm sổ sách, mang thức ăn và thuốc men buổi chiều. cho bệnh nhân những phòng thượng hạng.

Quyên nhìn đăm đăm ra cửa và đưa tay dụi mắt. Chị Phúc đó. Chị nói chừng vài tuần sẽ tới thăm mà đến hôm nay mới thấy mặt. Quyên nhận ra chị nhờ khuôn mặt tròn ngăm đen và hai con mắt sâu sắc lẹm dao cau, đôi lông mày cong kẻ khéo thành hai lưỡi kiếm treo chéo trên vành trán tròn kín lơ thơ những vầng tóc mai vướng rối. Còn thì chị khác cả. Từ áo quần, tóc tai, dáng dấp. Như một khoản tiền lớn nào đó đập lên toàn thể người chị và biến đổi đi hết hình dung, cốt cách. Chị lộng lẫy sang trọng, nhưng vì vậy, chỉ bộc lộ thêm vẻ tàn nhẫn và nham hiểm của người chị. Nhưng Quyên không cần chị ấy thế nào. Miễn là chị đến, chút liên lạc cuối cùng và độc nhất của Quyên với ngoài đời. Và không chừng chị cũng mang theo một

đổi thay nào đó Quyên đang mong chờ mòn mỏi.

Quyên đánh đu người lên khung cửa vẫy tay rồi rít gọi chị Phúc chị Phúc ơi chị Phúc. Chị ngoe nguẩy như con gà mái mới sả lúa con đàu, đứng dừng lại rồi trợn mắt ngó Quyên. Nhìn chăm chăm một lúc rồi chị lùi lại một bước :

– Mày điên thật rồi mà Quyên.

Tự nhiên Quyên nịnh bừa một câu:

– Dạ, em thấy chị, em mừng quá hóa điên.

Người đàn bà bữu môi :

– Không phải là thấy tao mày mới bớt điên đi ấy à.

Và chị nhỏ giọng :

– Nếu vậy tao không tới nữa.

Quyên nháy tịt xuống đất :

– Lạy chị, chị cho em ra.

– Quyên gì tao, bác sĩ bảo còn điều trị lâu lắm.

– Chị gặp bác sĩ rồi sao.

– Thì gặp để hỏi thăm bệnh tình mày mà,

– Em bệnh thật à.

– Ủ, nặng lắm. Đến hết tháng mà không lành thì sẽ cho qua trại bên kia và sau đó không chừng xuống Biên Hòa.

– Biên Hòa là gì chị ?

– Thì xuống nhà thương điên, ở xuống dưỡng trị viện lớn nhất đó. Đó dành cho bệnh nặng và chữa lâu dài.

Quyên bấu mười ngón tay run vào song cửa, tưởng chừng những đốt sắt mềm nhũn đi :

– Em lạy chị, chị cho em ra, chị cho em về, chị bắt làm bất cứ gì cũng được, nhưng đừng ở đây, đừng đi Biên Hòa.

– Đừng có gào to, người ta tưởng mày nổi cơn lại lừa vào trại bên kia ngay đó.

Hai con mắt Quyên khờ dại lảo liên nhìn quanh quất rồi giọng nói nhỏ xuống van lơn.

– Chị cho em về với. Gần một tháng rồi, chỉ còn chín ngày nữa là chán, em cũng cứ như thế này thôi nếu còn ở đây, và người ta sẽ đem đi nhốt ở Biên Hòa, sẽ...

Người đàn bà ném giỏ cầm tay xuống đất :

– Ai cho mày biết còn chín ngày thì đầy tháng.

– Em tính.

– Lịch đâu.

– Em đếm, bằng cách này này.

Quyên hấp tấp chạy vào phòng lấy cái hộp sắt mở bung ra trước mặt người đàn bà và mừng rỡ chờ một lời khen ngợi. Nhưng người đàn bà vung tay, chộp lấy cái hộp sắt kéo ra ngoài song cửa, trút bung tất cả những lá vàng lá xanh xuống đất và ném vào bãi cỏ đầy rác bên kia lối đi.

Quyên nhảy chồm lên, hai tay chơi với giăng ra ngoài song cửa :

– Chị trả cái hộp lại đây, trả cái hộp lại đây.

Người đàn bà áp mặt vào tận mặt Quyên :

– Mà có muốn chóng về không.

– Lạy chị, chị biết là em muốn về, em muốn sống em sợ chỗ này lắm rồi, em điên thật đi mất.

– Điên lại còn sợ điên. Nhưng mà này, muốn được về thì nghe tao, đừng tỏ cho người ta biết là mày tỉnh. Càng làm ra bộ điệu, người ta càng chữa, càng mau được về, mày hiểu tao nói không.

Quyên nhắm mắt nghĩ ngợi. Nhưng chỉ nghe lời chị Phúc có vẻ xuôi tai, ngoài ra không thể phán đoán gì hơn. Dù sao thì Quyên tin lời nói đó. Và chỉ còn cách đó để được nuôi chút hy vọng cuối, để

được lòng chị Phúc, và được trở về.

– Mày không được đếm ngày nữa, nghe chưa, điên mà ai lại đi tính ngày tính tháng.

– Chị đừng lo, rồi em sẽ điên thật và người ta sẽ chữa để cho chóng được về. Chị Phúc à, em hứa là khi về nhà, chị bảo gì em cũng làm theo hết, và không bao giờ còn ra ngồi bên đường ray xe lửa nữa, không bao giờ chờ tàu đi qua nữa. Em hứa.

Người đàn bà có vẻ bằng lòng, đưa tay lên vuốt tóc rồi nhặt cái giỏ lên lấy cho Quyên mấy trái cam. Thấy ngón tay lấp lánh hạt xoàn của người đàn bà, Quyên lại muốn nịnh :

– Chiếc nhẫn của chị đẹp quá. Chắc là đắt tiền lắm. Chị cho em cam à.

Nhưng không có dao lấy gì cắt. Chị có dao không, cho em mượn đi.

Người đàn bà lật đật cầm kỹ cái giỏ trong tay :

– Người ta không cho mày dùng dao đầu, lột lấy cam mà ăn.

Quyên cười ngu ngơ :

– Không sao, em ăn luôn cả vỏ cũng được, miễn là chị xin cho em về nhà.

Người đàn bà cười nham hiểm trước khi quay đi :

– Phải rồi, mày ăn luôn cả vỏ cam càng tốt, không nên ăn ruột cam, nhưng chờ có ai vào thăm bệnh hãy ăn kiểu đó.

Người đàn bà xoay lưng, Quyên còn chuôi cánh tay ra song cửa sắt vẫy theo rồi tí.

– Chị Phúc ơi, chị cho em về nhà, em không ra đường rầy xe lửa, không chờ tàu đi qua nữa đâu nghe chị.

Tàu đi qua. Tiếng nói nó vang lên trong căn phòng yên lặng tối mờ, chờ trí nhớ mịt mù khói sương nó về với những ngày thên thang cũ. Và Quyên nhớ, nhớ quất quay...

Chuyến tàu suốt từ Nam về Trung ít khi dừng lại ở miền ga nhỏ bé đìu hiu đó. Lâu lắm mới vội vàng trút xuống một vài người khách. Nhưng khách cũng không bao giờ vào tận trong ga, chỉ ghé đến cái quán nước độc nhất gần đường rầy, uống một trái dừa, hỏi mua một hộp diêm hay một thứ quà héo khô nào đó rồi vội vàng đi thẳng ra bãi biển. Đó là những người khách đường xa tới chưa quen cách cuộc giao thông của vùng này. Ngoài ra những người lân cận đến ngắm cảnh, nghỉ mát,

tắm biển thì đi bằng xe hơi, đậu dọc theo bờ biển cong tận dưới kia bãi thùy dương trắng xóa cát dài,

Nhưng Quyên thì không thích gì những chiếc xe đủ màu thường tấp nập về đi những ngày chủ nhật đẹp trời ngoài bờ biển. Xe chỉ dành cho một số người nào đó định sẵn, những cuộc đi chơi riêng tư, ích kỷ. Con tàu thì rộng rãi, vô tư và bao giờ cũng có vẻ mời mọc và chấp nhận tất cả mọi hạng người, vào bất cứ giờ giấc nào miễn là có một ít tiền, một cơ hội để ra đi. Thật dễ dàng và cũng vô cùng khó khăn. Cho nên Quyên chỉ nhìn theo những hàng toa dài xình xịch hàng ngày về đậu trước nhà bên kia bờ dương liễu thưa, cho đến khi những hộp sắt biết đi bò chậm chạp dần và khuất hẳn bên kia quãng đèo cong cao vọi vọi, bỏ lại vòm trời xanh ngắt với những vùng khói đen

ấm áp, tiếng còi đồng vọng nao nức khắp miền núi biển tịch liêu cô cút, chìm lấp mất cả tiếng chim ưng lạc đàn gọi gió chiều hôm. Ngày nào cũng vào giờ đó, buổi chiều mặt trời chéch sau lưng núi Quyên ra ngồi trên chiếc ghế cây ngoài sân đất trắng trước nhà và nhìn đoàn tàu rùng rùng chạy qua với những khung cửa đen nhỏ nhắn hình vung, những đám người và cánh tay lơ nhố, những tảng áo màu phơ phất, những tiếng nói cười lao xao lẫn với tiếng chạy xình xịch của bánh tàu lăn xuống đường sắt. Cứ thế từ mười mấy năm nay. Quyên được đi học một thời gian quá ngắn ở trường trung học N. Hòa. Mỗi ngày hai buổi về đi, cũng bằng chuyến tàu đó, với cái vé sáu đồng quen thuộc không đủ để cảm nhận gì hơn là những cơn buồn ngủ vật vờ trong khoang tàu lắc lư đều nhịp, những cơn đói và nổi mệt mỏi qua suốt những, chặng đường

bụi bặm. Nhưng đến khi thôi học, phải ở nhà hàng ngày ngồi nằm vào ra quanh quán trong vòng sân nhỏ bé, cái nhà tranh trống lốc vắng hoe, Quyên mới thấy nhớ và tiếc những chuyến đi không bao giờ còn nữa. Nỗi tiếc nhớ thành một khát khao tuyệt vọng, và Quyên đã từng năn nỉ xin chị Phúc cho theo cùng ra buôn bán ở N.T. Nhưng chị chỉ hằn học chối từ và nhiều khi còn mắng gắt. Quyên không hiểu vì sao bị nghỉ học, vì sao chị không cho theo cùng về buôn bán ở N.T. vì sao suốt đời không bao giờ thấy một người nào vắng lai thân thuộc ngoài chị Phúc, người độc nhất ruột thịt, thứ ruột thịt mơ hồ không nguồn gốc và Quyên cũng không đủ tâm trí, lý do và thời gian để tìm hiểu. Cho đến một ngày có người khách lạ, một ông già đến ở lại một ngày và nói chuyện gì to nhỏ với chị Phúc. Họ nói gì về đất đai nhà cửa của ai đó ở N.T.

Thỉnh thoảng trong câu chuyện lại nghe nhắc đến tên Quyên. Thế thôi. Và người đàn ông nói, Quyên nhớ rõ mà không thể hiểu được gì, không được đâu, trừ khi con Quyên nó chết, hoặc nhẹ hơn, mắc một chứng bệnh gì nặng mà mày phải đứng ra cấp dưỡng nuôi nấng nó thì mới có quên hưởng, bác chỉ biết vậy, mày lo mà thu xếp lấy. Từ đó, thái độ chị Phúc đối với Quyên càng ngày càng đổi khác, áp bức vừa cay nghiệt hơn, gay gắt và bất công hơn. Nhưng chị muốn nung nấu tất cả những mầm mống phản hận thù hận bẩm sinh trong máu huyết Quyên từ khi lạc lỏng rơi vào đời sống không biết gì cội rễ mình. Và cũng từ đó, Quyên mê nhìn con tàu qua, mơ những chuyến đi, đến nổi, có một lần, trong đêm sương, Quyên mở cửa liếp, lén ra ngoài, lén mò qua bên kia đường, áp mình xuống con đường sắt, nghe hơi lạnh lắm vào thịt da

mát rượi. Từ đó đêm đêm Quyên lại lần mò ra nằm đường sắt, cho đến khi chị Phúc biết được, sáng hôm sau, lôi xích Quyên vào tỉnh N.T, không phải cho tập tành. buôn bán, mà cho đến nhà thương. Họ hỏi han Quyên những câu khó hiểu, lạ lùng. Họ gài máy điện gì quanh đầu. Họ thử máu. Họ hành hạ đủ cách, bằng khám nghiệm, thuốc men,. hàng tuần như thế. Và cuối cùng, không hiểu một hai gì hết, Quyên theo chị Phúc đến xã. Ở đó người ta bắt Quyên ký một tờ giấy gì đó. Và lấy dấu tay. Họ làm gì mặc, Quyên không cần biết. Chỉ có con tàu khói bay đầy trời ám ảnh mà thôi. Cho nên Quyên sống người vì mừng rỡ khi nghe chị Phúc vui vẻ nói.

– Em thích đi trên chuyến tàu đó, phải không. Rồi chị sẽ đưa em đi, không phải ra Trung đầu, nghĩa là không phải đi

qua trên ngọn đèo đỏ đầu, nhưng ngược đường lại, vào Nam, vào Nam vui lắm, có mừng không.

Những kế tiếp, Quyên thấy chị Phúc sắm sửa nhiều thứ, không biết do tiền nào. Nhưng Quyên chỉ cần nghe chị nói sắm sửa để đưa mình vào Nam, đưa mình đi xa, là đủ sung sướng và yên lòng.

Đi. Vậy là thoát, Không còn những ngày đăng đẳng nghe vượn hú chim kêu từ sau núi rừng trùng điệp bủa vây, không còn nghe tiếng sóng biển nhịp đều điệp khúc mỗi mòn vẹt lên từ bãi vắng. Không còn vào ra thơ thẩn một mình, nhìn nắng lên nắng xuống trong khoảng sân quanh hiu trống lốc. Không phải nhìn ra cái quán tranh lụp xụp treo những chùm bánh kẹo bọc trong giấy bóng mốt meo, những trái chuối úng buộc dây lủng lẳng đầu một sà ngang bản

thủ, những trái bưởi héo hon, những trái dừa khô quăn. Và sẽ không bao giờ phải nhìn như kẻ hấp hối nhìn sự sống đi qua, con tàu dài chạy băng băng qua đường sắt hun hút dài mời mọc đó.

Ngày gần đi, người khách già lại tới. Và Quyên loáng thoáng nghe câu chuyện giữa khách và bà chị.

– Nhớ là tao không có nhúng tay trong vụ này, không lại mang tiếng tổn đức.

– Chỉ một chuyến đi là xong hết. Sau đó đầu vào đẩy lại cho nó về, nhưng bác có lãnh nuôi nó không.

– Nuôi thì nuôi, này, nhưng mà nó có điên thật không?

– Nó rõ ràng nhiều triệu chứng lắm, bác coi, ban đêm dám mở cửa ra nằm

đường sắt, vùng này thỉnh thoảng cọp núi vẫn xuống, và trộm cắp, nó không sợ. Hôm nọ một bọn cướp chặn xe trên đèo C. Nó không điên cũng khùng. Lúc nào cũng thân thần thờ thờ lảm nhảm gì đâu.

– Tội nghiệp, nó cô độc quá, mày lại tàn tệ với nó.

– Nhưng mà lấy được của cải, tôi mới lo cho nó chứ, còn chờ nó lớn lên, biết bao giờ, lỡ nó bệnh nặng.

– Mày nói sao nghe cũng được cả. Thôi, tùy đó, nhưng nó điên thiệt tao hối hận lắm.

Điên. Mình có điên không. Quyên tự hỏi, và chẳng biết trả lời thế nào. Vì Quyên có biết thế nào là điên. Cần gì, điên cũng được, nhưng sắp sửa đi. Đi.

Miễn ra khỏi eo biển chân đèo này, rồi gì cũng được.

Này, cô kia, dậy đi. Tiếng một người nào gọi lớn ngoài cửa và Quyên ngóc đầu nhìn ra, nhòm dậy. Nắng thắp sáng cả vùng cây xanh ngoài cửa sổ. Cả đêm thức và ngủ chập chờn, trí nhớ và mộng mê lẫn lộn. Người y tá hé cánh cửa cẩn thận như vào chuồng thú gọi Quyên. Quyên chồm dậy đi theo người y tá. Nhớ lại lời chị Phúc hôm qua, Quyên nhăn nhó cười, và bỗng nhiên, không biết thật hay giả, Quyên hức lên khóc khô, không một giọt nước mắt. Người y tá ra dấu cho hai người đàn ông đi cạnh, cầm hai tay Quyên dẫn vào dãy nhà khám bệnh.

Căn phòng này Quyên đã vào ra nhiều lần. Nhưng hôm nay có cái gì khác. Không biết vì sao Quyên cảm thấy thế. Vẫn những bãi nước miếng bữa bãi

trên nền xi măng. Những miếng bông tẩm thuốc đỏ lăn lóc. Những mẫu giấy loại, những vết chân lấm lem, mùi thuốc hăng hắc, những tiếng ho khan, khạc nhổ, nói cười, thỉnh thoảng một tiếng khóc, một tiếng hét. Nhưng tất cả không làm Quyên rung mình nín thở như lần trước nữa. Bởi có cái gì khác, chắc chắn, nhưng không tỏ từ phương hướng nào. Và Quyên chờ đợi, lắng nghe lính cảm mình trôi lên như một khúc nhạc thầm vọng qua tưởng nhớ mờ lung. Người y tá dẫn Quyên ngồi vào hàng ghế những bệnh nhân chờ khám. Ở đây lẫn lộn cả bệnh đàn ông và đàn bà. Họ giương con mắt lạc thần ngơ ngác nhìn nhau, như nhận ra nhau, và cùng lúc chợt thấy lạ lùng xa cách, họ quay mặt đi nơi khác, mỉm cười với khoảng không.

Nhưng có hai con mắt trên khuôn

mặt xanh xao ở hàng ghế bên kia nhìn sang Quyên sững sờ không chớp. Hai con mắt nói thứ tiếng cảm vang dội của kẻ ở ngoài kia biên cương đời sống. Quyên mỉm cười. Hai con mắt vẫn không chớp trên đôi môi nhợt nhạt mỉm cười đáp lại.

Bên ngoài nắng bỗng reo vang trong bóng cây xanh. Quyên. nghe rõ bước đi lao xao của gió sớm tới gần khung cửa rộng và bỗng dừng nhớ căn phòng bệnh lạnh lẽo của mình, chiếc sạp gỗ vừa đủ nghiêng lưng những chấn song lạnh lẽo, tàn cây lung lay dịu dàng dưới cửa bụi ngùi. Nhớ và muốn trở về níu tay trong khoảng giam cầm quen thuộc đó.

Người bên kia bỗng đứng lên. Bây giờ Quyên nhận ra. Hẳn là một người con trai hay đàn ông, còn trẻ. Và khuôn mặt ủ dột vẫn thoáng vẻ tươi vui, thanh thản trong mòn mỏi, dịu dàng trong

phần uất, một trạng thái mâu thuẫn đối nghịch nào đang diễn ra bên trong một đời sống tối tăm tù ngục. Tối tăm tù ngục nhưng lại bông bênh phù du, và tự do, như con tàu đi qua eo biển chiều nào thổi khói lên trên trời. Khuôn mặt nhắc nhở những bóng người thoáng qua từ khung cửa tàu, những bàn tay vẫy vờ, những tiếng gọi kêu nồng nhiệt và căm lạng của một đời thênh thang trôi nổi. Quyên chưa nhìn thấy một khuôn mặt nào hết. Đây là khuôn mặt đầu tiên. Là khuôn mặt cuối cùng. Người kia vào phòng khám và đi trở ra giữa hai cánh tay lực lưỡng của gã đàn ông. Tiếng người y tá sang sang, bác sĩ bảo đưa vào phòng riêng, bệnh nặng. Khi đi ngang qua chỗ Quyên ngồi, bỗng dừng hần đứng lại, như một con ngựa chứng. Hần gạt hai cánh tay kìm giữ ra và bình tĩnh nói, để yên tôi một phút, một phút thôi.

Rồi hấn đứng thẳng trước mặt Quyên Hai con mắt hấn rớt vào hai mắt Quyên những tia nắng dịu dàng của ngày đầu thu trong vắt. Tia nắng nhóm thành đốm lửa nhỏ. Đốm lửa bay qua tóc tai mặt mũi áo quần Quyên. Và Quyên nghe mình cháy rực như ngọn đuốc ngấm. Rồi, bất ngờ như cái đuôi của một con rắn chết, hấn giang bàn tay ra đặt lên vai Quyên run trong mê sảng đầu đời một khoảnh khắc một muôn trùng một trời biển thời gian xôn xao. Bàn tay bầu chặt lấy vai Quyên như lưỡi câu khổng lồ móc vào bụng cá. Rồi bàn tay bỏ ra khỏi vai Quyên, buông thõng xuống. Hấn cúi đầu bước theo hai người đàn ông. Xung quanh, tiếng nói cười lao xao không dứt về cảnh tượng đột ngột vừa rồi. Thật là đồ điên, người y tá lắm bầm.

Nhưng Quyên không nghe gì hết,

mê mãi dại khờ nhìn theo người đi khuất. Cuối hành lang, hắn dừng lại trong vũng nắng vàng chói. Từ xa, Quyên vẫn như trông rõ hai hàng mi hắn, như hai mái rèm che im mát cho miền hanh hao gió cát nóng bỏng này. Và trong hai con mắt trong ngần thoáng qua lần cuối, Quyên còn nhìn thấy khoảng trời xanh trên vùng biển rộng, sườn cong xanh mát của núi cao, giải đất hồng trên kia lưng đèo quanh co mất hút của một thời gian quá khứ ngậm ngùi. Rồi hắn còn mỉm cười, bình tĩnh và dừng dừng mỉm cười theo bước chân nặng nề của những người y tá im lìm về căn phòng bí bùng nào đó.

Buổi chiều chị Phúc lại đến. Cánh cửa mở rộng với khuôn mặt tươi cười tiễn đưa của cô y tá, cô về được rồi. Chị Phúc cũng dịu dàng vui vẻ, mọi chuyện

xong cả, em về với chị, không ngờ mọi chuyện xong sớm hơn dự định như vậy. Thôi về, em.

Quyên nhìn lên tán lá cây đã chìm màu trong buổi chiều xuống vội. Con đường ra cổng nhà thương vội vội như dẫn về trăm nẻo quanh hiu. Đằng sau, bệnh viện đã lên đèn. Những âm thanh quen thuộc vang vang gần gũi. Tiếng kiu kịt của xe đổ rác. Tiếng lanh canh của chén đĩa giờ cơm. Tiếng loảng xoảng của những hộp sắt đựng thuốc. Mùi lá khô đốt lên mỗi chiều nắng tắt. Mùi thuốc men, bông băng, và thứ hương thơm nồng nồng không tên của nhiều chất vị đặc biệt nhà thương trộn lẫn.

Và đằng sau ấy, nơi một dây nhà nào đó, sau một cánh cửa sắt, sau một bức tường dày, sau một nụ cười lạnh, sau một cặp mắt trong...

Quyên sờ tay lên khoảng vai thon mình và lắng nghe. Nắng thôi reo trong cây. Gió thổi bay trong lá. Những âm thanh nào còn vang vọng lao xao khắp miền thần trí ngây ngất tỉnh mê. Những ngón tay run bám vào song cửa, những ngón tay run bám vào bến bờ tìm thấy yên vui đầm ấm không ngờ một mình chẳng ai hay biết từ đây, Quyên la lên thất thanh, không không tôi không về không bao giờ về đâu.

NGUYỄN THỊ HOÀNG

Trần Dạ Từ

YÊU EM YÊU LOÀI NGƯỜI

Tôi phải viết một bài thơ dài

Bằng chính đời tôi

Để yêu em, yêu loài người

Và tri ân sự sống

Một bài thơ mở đầu và kết thúc

Bằng lời ngợi ca

Khối lửa tan vỡ của càn khôn sau
những triệu triệu năm giang hồ

Đã nguội dần thành trái đất tươi tắn

Và khối lửa nô nức của lòng ta sau
những mùa phiêu lưu

Đã nguội dần thành trái tươi đầm
thắm

Lửa đã nguội, thời va chạm điên rồ
đã qua

Hỡi cỏ

Hãy mọc tràn lan trên mặt đất

Mọc lặng lẽ giữa ngày, mọc huyền
náo trong đêm

đều đặn, bền bỉ và trùm khắp

Như tấm mền êm ái em tung ra

đắp trọn cả người anh bỗng bênh
giữa cơn mê về sáng

Lửa đã nguội, thời va chạm diên rồ
đã qua

Hỡi con thơ

Hãy tung tăng nô dốn trên cùng khắp

Những gân guốc khổ đau chẳng chịt
thể xác ta ngày nào

Như cây cối hồi sinh

Đang nở hoa thơm, đang đơm bóng
mát

Lửa đã nguội, thời va chạm diên rồ
đã qua

Những hành tinh nhíp nhàng quay
Nhíp nhàng chào đón chú bé sao
xanh lơ
vừa xuất hiện cuối trời
Nhíp nhàng đưa đám cô sao sa vàng
vỗ
vừa rơi vào vô tận
Và nhíp nhàng nhẩy múa
Bên giòng ngân hà vẫn chan hòa ánh
sáng.

Em yêu, hãy thức giấc

Mùa xuân đã trở lại

Mùa xuân đã trở lại

Bên gốc cây rêu mốc thừa tình tự
Trên ngã ba bờ vơ thời hẹn hò
Trong thành phố mênh mông ngày
chúng ta mới lớn
Mùa xuân đã trở lại
Vẫn mùa xuân cũ kỹ như đời ta
như chân tay ta, thể xác ta
như giường chiếu mừng mền như
tất cả

Nhưng, em yêu
Đừng quên
Đừng quên loài chim trốn rét hàng
năm vẫn bay về
đàn chim cũ, bầu trời cũ

nhưng mỗi cánh bé bỏng trong bầu
chim

đều hoàn toàn mới lạ

Con chim nhỏ tan bầu

Đang bình yên rửa cánh

Và em yêu đừng ngủ

Hãy vì ta

Đợi chờ

Vì ta

Đêm xuân nào cũng là đêm-thú
nhất.

Từ bao giờ, trăng đã lộng lẫy trên
trời cao

Đêm đông phương, cơn gió nam
ngây ngất

Và từ bao giờ

Một cơn dơi mù lòa

đùa giỡn lẻ loi trên các mái nhà yên
lặng xám

Này, chú dơi tinh quái, sứ giả của kẻ
tai ác nào

Sao khua mãi đôi cánh chập chờn

Gửi mãi vào đêm thanh của lòng ta

Những tín hiệu lặng lẽ, bất tận

Thôi ta nhận ra rồi

Đây là vắng trắng cũ cơn gió cũ

Những kẻ từng thân thiết một thời

Từng kêu réo ta nơi ngọn đồi xanh
ngắt.

Từng reo mừng ta nơi ghềnh đá ho-
ang vu

Từng quần quít ta trong vườn cây
rực rỡ

Và từng đi cùng ta, nôn nao hớn hờ

Những đêm nào menh mông thời
trai trẻ

Thời trai trẻ đã qua rồi, phải chăng

Nhưng hồi vắng trắng,

mừng thay cho em còn tươi sáng

Và hơi gió, mừng thay cho bạn còn

mạnh mẽ

Mừng thay cho ta chưa què quặt mù
lòa

Cũng mừng thay cho chúng ta

Còn nhận ra nhau

Giữa bao nhiêu đổi thay của đời
sống.

Em yêu, tha lỗi cho anh

Anh lỡ yêu em yêu loài người bằng
lời lẽ yếu đuối

Em yêu, tha lỗi anh

Hãy cho anh nói lại

Lời ngợi ca mới mẻ

Anh phải nói lại lời ngợi ca mới mẽ

Lời ngợi ca mạnh mẽ như gió, anh
bạn anh thời thơ ấu

vẫn không ngừng mạnh mẽ

Anh phải nói lại

Lời ngợi ca tươi sáng như trăng, cô
bạn anh thời thơ ấu

vẫn không ngừng tươi sáng

Hỡi cô trăng chú gió, cô chú đừng
giận tôi một phút mềm lòng

Cô chú cho tôi, chờ tôi, mạnh mẽ
tươi sáng với

Chúng ta phải mạnh mẽ tươi sáng

Vì mỗi chúng ta đều thương yêu

Chú gió, sứ mạng chú là thổi mát lục
địa

Một lục địa lở quăn queo khô héo vì
nóng nảy bồn chồn

Chú phải thổi mạnh mẽ

Cô trăng, sứ mạng cô là soi sáng đêm

Những đêm đêm liên tiếp đời ta,
thành phố ta, quê hương ta

Lỡ tối đen vì giận hờn trần trọc

Cô tươi sáng soi nhé

Còn tôi, cùng với cô chú, sứ mạng
tôi, thi sỹ

Tôi phải làm thơ như tri ân

Tôi phải làm thơ như ngợi ca

Tri ân ngợi ca sứ mạng riêng sứ mạng
chung mỗi chúng ta đều có

Phải không cô trắng, phải không chú
gió

Phải chăng em bé bỏng vì được nuôi
nấng bằng thơ anh

loại thực phẩm hèn mọn

Anh phải mãi làm thơ để nuôi em bé
bổng

Anh phải mãi làm thơ vì sứ mạng
anh

Sứ mạng thi sỹ

Sứ mạng tiên tri

Sứ mạng bên bờ

Sứ mạng sáng tạo hy vọng và đợi chờ

Một bình-minh-sáng-thế kỷ

Cô trăng chú gió, cô chú thấy chưa

Phải cho tôi mạnh mẽ, phải cùng tôi
mạnh mẽ

Cô trăng chú gió, cô chú thấy chưa

Thời trai trẻ mênh mông không thể
qua rồi

Thời trai trẻ mênh mông phải ở lại
cùng tôi

Ở lại cùng ta, cũng chúng ta

Cùng ông xếp ga râu dài đến rốn vẫn
bên bờ đợi chờ

Ngày xe lửa được phì phò chạy lại
đường Saigon Hà Nội

Chuyến xe lửa đầu tiên

Trên cầu Long Biên

Chuyến xe lửa bình yên

Chuyến xe lửa mạnh mẽ

Chuyến xe lửa trai trẻ

Chuyến xe lửa chạy tươi vui trong
một bình-minh-sáng-thế-kỷ

Chạy tươi vui cùng cỏ non lặng lẽ

Thời trai trẻ mênh mông, hãy ở lại
cùng ta

Ở lại cùng lão bà đang trệu trạo nhai
trầu

Vẫn bên bỉ chờ đợi

Ngày con cháu hoàn tất bằng năm
mộ thân yêu trong quê hương

Cô trắng chú gió, cô chú thấy chưa

Em yêu thấy chưa

Năm mộ lão bà, thế hệ chúng ta phải
hoàn tất

Năm mộ lão bà

Năm mộ tươi vui trong một bình-
minh-sáng-thế-kỷ.

Thời trai trẻ mênh mông hãy ở cùng
ta, cùng tất cả

Ở lại đừng phân biệt

Hồi bà đầm già tóc thưa da mốc đang
dắt con chó nhỏ băng đường Tự Do

Thưa bà, bà Margot, xin bà tha lỗi tôi
chậm đến dắt tay bà qua đường

Bà Margot, không, bà vẫn là cô Mar-
geurit thời xuân sắc

Cô Marguerit ơi

Cô đã đến đây cùng lúc với những kẻ
chính phục lầm lỗi

Những kẻ chinh phục bắn súng thần
công vào cửa bể Thuận An

Để khai trương bài giảng đạo lý trong
thánh đường

Cô Marguerit ơi, cô không biết đó
thôi

Nửa thế kỷ trước đây, ông nội tôi

từng hào hoa phong nhã

Tay cầm giáo Cần Vương, chỉ thể
kháng Pháp

Nhưng lòng riêng vẫn muốn cầm tay
cô đầm nhỏ xinh tươi

Cô Marguerit ơi, bà Margot ơi

Ông tôi chết ở Bãi Sậy, Quảnh Bình,
Yên Bái.

Cha tôi chết ở Bắc Sơn, Đồng Tháp,
Thái Nguyên

Cô Marguerit ơi, bà Margot ơi

Kẻ chinh phục đã ra đi, lầm lỗi đã ra
đi

Nhưng bà đã ở lại quê hương còn
cõi này

Như Mẹ-Đồng-Trình đã cao quý ở
lại

Bà đã chịu đựng cùng chúng tôi bao
nhiều chồng chất khổ đau

Như đức Mẹ Đồng Trinh đã cao quý
chịu đựng

Cô Marguerit ơi, bà Margot ơi, bà
cao quý bao nhiêu

Cao quý như chiếc mũ nan tươi tắn bà
đang đội

Cao quý như chiếc váy ngả màu bà
đang mang

Cao quý như đôi dép con trẻ bà đang
đi

Cao quý như con chó nhỏ đen đuôi bà
đang dắt

Cô Marguerit, bà Margot cao quý,
nhân từ

Chiều hôm nay

Trong giáo đường uy nghi cất ngay
trên hố đạn thần công

Những tín đồ vàng vọt, đồng bào tôi,
đang quì hôn chân mẹ

Bà Margot

Xin bà cho phép tôi giữ bàn tay bà
lâu hơn

Xin bà cho phép tôi hôn bàn tay bà,
bàn chân bà lâu hơn

Đây là nụ hôn của đứa cháu côi cút,
hoang đàng

Đứa cháu của những thế hệ đã liên
tiếp thất bại

Liên tiếp chiến đấu liên tiếp bị tàn
sát

Mà vẫn không hoàn tất nỗi sở nguyện
cầm tay cô đầm nhỏ xinh tươi

Cô Marguerit, bà Margot

Thời trai trẻ ở mãi cùng bà

Như Chúa ở mãi cùng chúng ta

Như Mẹ Đồng Trinh ở mãi cùng
chúng ta

Bà Margot. Cô Marguerit, không,
hãy gọi nồng nàn hơn : Maggie của tôi

Nhận dùm tôi nụ hôn

Nụ hôn nhỏ nhoi nổ bùng bao ẩn ức

Nhận dùm tôi quê hương xứ sở thiếu
máu này

Như chúng ta cùng nhận trái đất
xinh tươi là quê hương

TRẦN DẠ TỪ

Túy Hồng

NHỮNG SỢI SẮC KHÔNG

(tiếp theo)

ỏ May dừng lại, cánh mắt sâu
đáp lên cao trên tầng ba của lầu
Cercle. Dàn hoa tí ngọc thâm tím lại khổ
sở nằm thêm thiếp dưới cơn nóng dữ
hong im chiếc bàn tròn nơi ngời tình tự
của Cỏ May và Trương đạo nào.

Triền nước Hương giang ảo mộng
uyển chuyển bò trên đất thần kinh mang
duyên thơ cho những cuộc hẹn hò chí

thiết, ngày xưa. Cỏ May và Trương cùng day mặt nhìn ra đó nhăm nháp với nhau những giọt cà phê rạo rức, những ly nước dừa dào dạt mê thương. Anh Trương anh Trương em sắp đi lên chỗ hẹn ngày xưa đây. Không biết anh có ngồi trên đó không? Trời ơi! Bỗng dưng em muốn thấy mặt anh một lần này để xa anh biệt biệt những lần sau. Anh Trương, chắc hẳn anh đang có mặt trên đó, em sẽ đến sau dàn hoa giấy vén lá nhìn anh lần chót.

Cây lệ liễu rủ ròng ròng, Cỏ May đưa tay vịn rồi lạng người lao đao bước thấp bước cao leo lên hết mấy chục bậc thang lâu mài miết đi đến ngòi vào cái bàn kê ở một góc khuất nắng.

Nàng kêu:

– Ông ơi, cho tôi một cái cà phê.

Bàn tay nàng đẩy chiếc thìa đi quanh lòng ly bao nhiêu vòng không thôi. Nước mắt lăn xuống vực sâu cõi lòng. Cái hôn xanh xao như nụ tầm xuân nhỏ nhoi nở bung ra bao ẩn ức. Sao anh vẫn không đến? Nhất định anh không đến rồi, thế mà em đã tin anh sẽ đến. Tự em phỉnh phờ em... Trước gặp gỡ là một ám ảnh và không gặp gỡ là một lửa gát sốt ruột và xót xa. Nặng từng vạt đến bên em, anh không đến với em hay là anh chưa đến hả Trương? Nôn nao quay quắt nhất là thời gian đợi chờ, em rất sợ cái khoảng này, cái khoảng trống vô sắc vô không mà hình như có linh hồn, hình như có lảng vảng bóng ma. Anh quên rồi chiếc guốc đút quai em đến thăm anh một chiều mưa. Anh Trương... em yếu lắm, em không thể chịu đựng nổi trạng thái căng thẳng này, em đứt đôi, em vỡ ra mất. Sau khi đi qua, tình yêu để lại những vết

rỗ trong tim và cày nát tâm tư. Sức khỏe của quả tim như hạt giống chưa ươm, mà sức công phá tình yêu..

Cỏ May bặm môi, chậm nước mắt đang hoàng bước xuống những bậc thang, nàng leo lên xe xích lô ngồi ngả phịch. Đến nhà, nàng vào thẳng phòng trút bỏ áo dài nằm lăn ra giường, gác tay lên trán.

Cỏ May choáng váng một tay ôm lấy màng tang hai con mắt khổ sở nhìn mặt thời gian trên tay. Hai chiếc kim đồng hồ đã hẹn hò để gặp nhau trên một con số sau cuộc rượt bắt tròn. Tóc tôi đã rụng. quá nhiều rồi, mỗi khi soi gương da đầu trắng bệch lộ liễu dưới kẽ tóc thưa. Thôi cho anh cả đầu tóc đây, cho anh cả hai lít rưỡi máu trong người tôi, cho anh bộ xương, cho anh, cho anh... Tình yêu là một cuộc thăm sát. Thôi thôi không

thèm khát nữa, thôi thôi không còn gì nữa. Tôi chỉ còn ba mươi bảy kí lô. Chao ôi! Nước mắt nước mắt chảy gì mà chảy dữ chảy từ lúc tôi mới sinh ra cho đến khi tôi chết. Đôi mắt tôi là nguồn, lệ chảy từ nguồn đau. Triều thần thức trời lên đè xuống, nín đi, Cỏ May tự dần ép mình lấm lấm; thảng thốt nàng nghe tiếng nói của mẹ: Sao Cỏ May ngày nào cũng không ngồi dậy đi ra ngoài nhà chơi với cha mẹ, chơi với các em mà cứ nằm im ở trong phòng đóng kín cửa hoài vậy? Cỏ May ngồi lên chải tóc rồi ôm đầu nhìn chiếc lược dính một vài tóc rụng. Nguồn sống tiết ra đây hết rồi! Nàng nhìn vào gương, đôi mắt tròn trắng không còn xanh nữa và đôi con ngươi là hai hòn bi màu nâu nhợt. Mảng da mặt trắng tinh như tờ giấy. Hai môi, hai má... thị trường tiếp nhận tình yêu ngày xưa bây giờ đã ê chề... Hai má lạt thách hai môi đang

đăng, những chiếc hôn đã chua rồi... Hai năm thật ngực im lìm. Tôi đang nằm yên trong một chiếc quan tài chưa đầy nắp hay là tôi đang cựa quậy ngoài đời.

Tự do, độc lập, hạnh phúc hư hư... ta đây là một người đàn bà có chủ nghĩa – Thôi mà, ai chẳng biết vậy, nhưng ta muốn hỏi giữa nhà người với Sinh đã ra rít, khấn khít tới mức độ nào rồi? Hai khối đã nhập làm một chưa: Nhà người với Sinh đã yêu nhau ngang mô rồi... ta hỏi cho biết để ta ghen chơi – Trầm so vai bữu môi: anh làm ra cái bộ như anh không thương tôi, anh kịch lắm – Phiến cười nhể nhại. Trầm nói: mọi người đàn ông lướt qua tôi, tôi đi trên như đoàn quân ma... Anh. Phiến, đôi khi người ta yêu nhau không phải để cầu xin vinh dự được làm vợ làm chồng mà chỉ để cầu

xin nhục thể. Phiến lắc đầu cô chỉ đồ hư cho người ta. Trầm co rút, cơn đau bụng hàng tháng thốn đập nằng hay lời nói giả của người đàn ông đến với đầu óc nằng gây gây cơn sốt. Giữa nằng và Sinh vẫn có một chuỗi bong bóng rã rời chấp nối. Tình yêu được cử hành như một nghi lễ để che giấu sự thật xác thịt, và nói đến tình yêu là nói nghi thức tụng niệm. Tình cảm tâm hồn chỉ là cái tiếng, cái giả; chính xác thịt mới là cái miếng, cái thật. Nhưng trên nguyên tắc, Sinh vẫn là mối tình lớn hơn những mối tình nhỏ của Trầm vì sự kéo dài. Thời gian là cái thước đo.

Sinh là một hòn đảo rất nhỏ giữa lòng nằng là biển. Một biển mười cù lao mười mối tình. Chân chùn tình ái dẫm lên đường mòn cuộc đời tháo rút dề lên nhau rồi cũng tự bơi xóa vì thời gian

không là người chẵn kỹ niệm. Người lẫn qua đời tôi và tôi lẫn qua đời người. Đáng lẽ chúng ta nằm hai chiếu nhưng chúng ta lại nằm một chiếc. Sự chung đụng đó là tình yêu. Người yêu số một, người yêu số hai, ba, tư... Cuộc điểm danh có vẻ sống sượng khô cằn. Bước! đằng trước; bước! những người đàn ông đã cùng tôi lướt thướt bước qua những hành tinh ái nhung lụa. Tôi không yêu ai nữa hết và những người đàn ông đều đã thú nhận là không yêu tôi. Họ chỉ còn là những bóng ma lặng lẽ để thỉnh thoảng tôi cầu kinh nhớ lại. Quá khứ những chuyện tình đáng lẽ dài như cây tre trăm đốt lại co rúm thành những chuyện ngắn và đời tôi thì bao nhiêu truyện ngắn. Không có mối tình cuối cùng, chỉ có mối tình kể cuối. Không có người đàn ông cuối cùng, tôi sẽ hét to vào tai Sinh cho ba hồn bảy vía chàng rách toạt ra: bỏ tôi ra đừng ôm

tôi, buông tôi ra đừng khư khư như ông Từ giữ oản nữa... Tôi độc lập tôi tự do, nhưng tôi không thống nhất. Tôi là một thứ đàn bà tính nước lòng mây thay thay đổi đổi, cuộc đời tôi chia năm xẻ bảy... Trầm buộc miệng.

–Tôi bản lĩnh phải không Phiến, tôi đã lắm từ đầu đến cuối.

–Không không... Trầm vẫn còn một cái gì... Còn một cái gì mà người ta không thể định hình gọi tên được.

Còn một cái gì, còn một cái gì. Sinh, Phiến, Viễn và các người đều nói một sách, mách một chứng: Trầm vẫn còn một cái gì, Trầm vẫn còn một cái gì. Họ đồng thấy tôi qua một sự mất mát còn để lại, qua một sự hủy diệt còn để sót. Như một quê hương sau cuộc chiến. Như một khu phố qua cơn hỏa hoạn như một làng

mạc sau trận đối. Nàng mân mê đầu gối cúi rạp người ho lên một tiếng. Người đàn bà này vẫn còn một cái gì và không còn đến hai cái gì. Vẫn còn một cái gì... Âm thanh và trọng lượng những chữ gõ nhịp khua dòn trong ba hồn chín vía tôi tạo thành những tiếng động rì rỉ, những tiếng nói nhỏ giọt thân bí lẫn lút ẩn núp dưới hang hổ tiềm thức mà không một lời ru êm ái, không một tiếng dỗ dành ngọt ngào, không một chiếc hôn rạo rực nào có thể kêu gọi chúng nó trôi lên, nổi bông bênh trên bình diện tình cảm tôi được, chúng nó trốn mặt tôi, chúng nó trình diện trước người khác. Tôi không thể định hình, định tính bản chất nhân diện của tôi được nữa rồi một chiều sâu, một đơn vị không ai buồn khám phá ra và không ai khám phá nổi.

Đầu gối họ chạm nhau dưới gầm

bàn. Phiến nói: Trầm đôi khi nghĩ rằng chữ trình là một tấm màn phong kiến hết sức mỏng manh. Người đàn bà chợt nghĩ đến chất lòng trắng trứng gà, nghĩ đến những sợi tơ nhẹ nhõm lưng trời, đến tấm lưới nhện dăng dẹt trên cỏ ướt, đến cánh hoa tỉ gôn mỏng dính bên hàng đậu và cộng rêu mọc nơi hang hóc mốc ẩm. Nàng lơ mờ tưởng tượng có một phiên tòa xử tội đàn bà, nếu bắt buộc nàng phải lựa chọn hoặc làm quan tòa, hoặc làm bị cáo, nàng sẽ xin đứng co ro trước vành móng ngựa. Nghĩ đến đây, đôi môi Trầm nắn nót một nụ cười khá tươi tốt.

Mưa rơi như những ngón tay dài từ trời chấm xuống đất. Gió thổi lạnh những hạt mưa và lạnh đến từng mảnh tâm hồn nám sần. Mưa rơi to nhỏ như những lời thảng thốt trời nói với đất và va chạm đến tâm sự mình. Trầm liên tưởng đến

những giọt mưa hồng trong một bài hát mà tác giả là một anh bạn cũ: mưa phơn phớt hồng, gió tím tím, đó là hai màu sắc ngái ngủ trong tình yêu tuổi trẻ hôm nay đang mười phần mất mát. Trầm trầm nghĩ: không ngờ lớn lên nó lại đặt điều làm nhạc mưa hồng gió tím, còn mình thì kiếm chuyện viết văn. Mình với nó thật là cách trở vạn bội. Trầm đun cháy một liều thuốc. Phiến chột nhìn soi bói ra ngoài cửa: ủa, thằng Sum làm cái gì mà bê cả bộ đồ nghề lại đây vậy kìa ? Trầm trông theo ra: góm vác cả cái ma nhê tô lại đây, muốn kiếm chuyện với tôi chắc. Sum đặt chiếc hòm lớn ra đất lấy khăn vừa lau những giọt mưa trên mặt trên tay vừa nói: chị Trầm, Phan Di ra đây hát tâm ca, hát tuyên truyền, sẽ họp mặt tại chỗ này, cuộc vui vậy tại đây. Trầm luống cuống nghĩ: có một buổi chiều mưa mà mình không được lạnh một mình, mình

và gia sản của mình sắp bị các ngài đây trưng dụng. Gồm, giá mạng có 10 bài ca cũn cốn... Nàng cất tiếng hỏi to như quát: hộp mặt ở đây hả ? – Ủa ừa ... chị cho cái uống nhé. Trầm hất hàm ra đằng sau có chai Robin đó. Sum tròn người: ôi văn nghệ còm mà ! cho nó rách nát một tí đi ! Dân ca dân nhạc của người ta mà lì. Phiến dụng người thẳng dậy: thôi chị bố thí cho vài nậm xá xị con cộp đi! Sum cười: à lát nữa Phan Di sẽ đi với nữ đệ tử thích ý nhất lại đây. Phiến vùng lên: trời ơi nghe như một liều thuốc bổ thận. Sao mãi bây giờ mày mới són chuyện đó ra.

Mưa xứ Huế là mưa cuồng, mưa say, dòng nước rót miên man như từ một nguồn hứng bất tuyệt. Bên ngoài lạnh quá nên Trầm thấy ấm áp một cách dễ chịu, Trầm nghe như một nỗi sung sướng nào đó đã tan thành hơi nóng tiết ra từ

những kẻ hở tâm tư khiến mỗi nàng mân mê hát một điệu nhạc có nhiều lời ca tròn. Phiến nhìn tận mắt chiếc đồng hồ trên tay. Rồi Trầm bỏ vào trong đắp lên má một lượt phấn mượt, đổi chiếc quần Jeans, cặp tóc đuôi ngựa đi ra đã thấy Cỏ May và nhiều người ngồi túm tụm nói chuyện. Từ ngoài bầu trời nước ẩm đục. Lê Hùng tiến dần vào với Phan Di, với một người đàn ông lạ và một cô gái đầu treo hai búi tóc tòng teng. Trầm đứng lên đi ra cửa đón tiếp cười tươi. Trầm tháo vuông khăn lụa ở cổ mình ra đưa cho cô gái tóc đánh con rết: em quàng đỡ khăn này cho ấm cổ, Huế mùa đông lạnh, rùng mình lắm, sao em không xoa tóc thể ra cho ấm. Lê Hùng giới thiệu đây Trầm đây Phan Di đây Lưu Sơn đây Phong Lan, đây Cỏ May, đây Phiến đây Phượng Hoàng, đây Thu Thảo... Sum chen vô: Cô Phượng Hoàng, học trò đời

thứ nhất của anh Phan Di, đệ nhất ca sĩ dân ca dân nhạc. Trầm cười bao quát cả đám rồi day qua Lưu Sơn: tưởng anh còn trẻ... Lưu Sơn vội vã: xin để lại mười năm sau hãy nói với tôi lời kết án đó... tâm hồn tôi luôn luôn là một cô bé... phải không Phượng Hoàng? Phan Di nói với Phượng Hoàng: hãy ra sau bếp sửa soạn bữa ăn tối. Ai nấy vô tình cất tiếng cười, Phượng Hoàng đón lấy chiếc túi từ tay Lưu Sơn rồi qua Trầm: thầy và bác Lưu Sơn ghé chợ Đông Ba mua bánh lá chả. tôm đây chị ạ! Trầm xuýt xoa: chà bánh lá chả tôm ngon quá nhỉ. Lê Hùng nói: nhưng cô Hoàng mua hơi ít, bao nhiêu mạng người... Phiến nói; ta nấu thêm cơm ăn. Trầm áp dẫn mấy người ra đằng sau bếp. Phượng Hoàng lấy những thức trong túi ra đặt lên bàn rồi hỏi chị Trầm ơi dao đâu cho em mượn con dao, Sum la to: Giang sơn cô Trầm có mỗi con

dao... tui đang thái thịt bò đây. Sum tiến về phía Phượng Hoàng, cúi nhìn xuống gầm bàn: à còn một cây dao phai bị quá. Phượng Hoàng cười anh lấy cho em con dao phai này cũng được. Nhìn Phượng Hoàng cầm dao lớn cắt từng miếng chả tôm bé tí Trâm cười ngất trời ơ cái món chả tôm của người Huế phải cắt hình mặt võng và phải cắt bằng dao cau sắt ngót mà em tôi lại vác cả đại đao... những cái cười vui thú nhằm vào mặt Phượng Hoàng. Mỗi người một công việc trong nửa giờ đã xong bữa cơm. Phan Di đỡ đĩa thịt bò xào hành tây trên tay Trâm đặt lên bàn rồi day qua tiếp tục nói chuyện với Cỏ May. Huế có cái món thanh trà trộn với mực nướng xé nhỏ ăn hoài không biết chán. Những câu chuyện nở dòn trong bữa cơm ấm và ngắn. Buổi cơm tàn, sau thủ tục uống nước, rửa răng, mọi người bắt tay vào hát, mọi người kiểm

cho mình một chỗ ngồi hát những bài tâm ca, những bài ca tâm sự viết cho quê hương và đồng bào. Trầm nói cùng Phan Di, thôi chẳng cần hát, nhạc của anh chỉ đọc không cũng đủ thấy hay rồi Phan Di bế cây đàn lớn đi dùng dằng giữa vòng người ngồi áp dựa vào nhau dáng điệu thành kính mê say ôm quyền nhạc hát lên như ôm quyền kính tụng niệm. Đôi mắt những người hát mơ màng trong tiếng đàn lướt, họ hát không hay nhưng hát mê môi hát lịm lưỡi. Trầm lướt mắt qua phần lời, lắng nghe Phan Di đàn rồi tập ca trong cơn hòa ca tập thể mang hình ảnh mái tóc muối mẹ hiền, mang vóc dáng từng đốt tình đầu rời rã cùng tiếng khóc bất khuất hài nhi vào đời. Anh là tôi, tôi là anh, xin hòa giải giúp cho mỗi thù này đi và chỉ có miền nam quê hương tôi đang bị cuộc chiến nên yêu cầu tất cả phải lo cho cái vụ hòa bình này đi. Nhờ

nhau tí... Bao nhiêu tiếng hát ở đây đều kết thành một bó, Trầm đã gửi giọng vào cái bó đó hát mãi hát hoài. Trầm không thể rút giọng ra được. Mê thật. Mê thật tình. Mê như đó là những lời cuồng ca tuy nồng nàn nhưng mướt mịn. ủy mị ! Mê như đó là những câu ca kinh kệ thơm mùi thiền và dậy men cách. Những con người cộng sản mang một thời tim thép có chấp nhận những người nhõng nhẽo này không nhỉ? Có mềm ra vì cái lối làm nũng làm dáng này không nhỉ – Trầm hích tay Phiến nói nhỏ. Quả thực những bài hát này quyến rũ vì chúng là những bài hát kiếm hiệp. Mắt Trầm dạo đi trên những người ngồi ngay trên mặt nền nhà mà liên tưởng đến những tín đồ ma giáo tụng bài tâm kinh trước khi chết: Sống đã không sung sướng. Chết cũng chẳng lấy làm khổ cực ... thương cho người đời nhiều tai ương hoạn nạn. Hay thật! Hay

như thế thì thật hết chỗ để hay thêm ! Cuộc vui kéo dài đến 10 giờ đêm vẫn còn vui. Một người trẻ làm thơ đến mượn Trầm cây bút ký hoáy viết vào trang sách đầu tiên của tác phẩm mình: “Tất cả cho anh, người mang trên vai sự huy hoàng cũng như thương đau của quê hương nhỏ này”. Trời ơi ! Trầm trời ơi một tiếng ! Chuyện lớn như vậy được sao? Chuyện có thể lớn như vậy được sao ? Ngôn ngữ đâu mà sẵn thế ? Tất cả 20 năm chiến tranh tự vệ ở thế thủ, tất cả bom đạn tàu bay súng ống, cùng ba quân chiến sĩ cọng lại cũng chưa xấp xỉ một đời ca hát của một nhạc sĩ sao ? Sướng thế ! Danh gì mà nổi rền rĩ! Trầm nghe cổ họng trôi lên một chất chua. Mình có mang thai đâu mà cũng ở cũng nôn – Trầm nhủ thầm. Lúc mọi người đều có ý định về nhà, Phan Di bỏ đàn xuống nói: Cảm ơn các bạn đã cho tôi hát. Được hát sung

sướng quá ! Vì tôi nghiện hát, tôi nghiện hát trầm trọng lắm rồi ! Đừng ai trách tôi sao cứ lêu bêu hát hống hoai vậy. Nên thương giùm tôi vì tôi không biết nghiện rượu, không biết nghiện gái, nghiện cờ bạc, nghiện thuốc lá; thuốc phiện... thì cho tôi được nghiện hát vậy. Hãy chịu đựng tôi cho tôi nghiện hát vậy. Nếu không được hát, nếu không được hát có lẽ tôi chết sớm mất. Chiều đã về đến mà Trầm vẫn ngồi không. Trầm nghĩ đến cái nghiệp viết văn của mình: chữ thì xấu òm mà ngày nào cũng viết.

Chiều nay nhất định ngồi không – ngồi không trong buổi chiều - là một tư thế hết sức dễ chịu. Trầm liếc mắt nhìn trời thật lắng rồi đốt thuốc lá. Ở vạt nắng ngoài kia có một người đang bước vào nhà, Trầm hốt hoảng: Trương ! Trầm lật sệt chạy ra với ý nghĩ: thằng cha hiện về

đó ư, mấy lâu nay thằng cha tan thành bột ngọt...

Trương chào Trầm cười hư ảo hoang liêu nhưng khóc nhìn của chàng sau chiếc kính cận vẫn ngót như một mũi nhọn. Trầm nhủ thầm: thằng cha trông hư hư thật thật thế nào... Cái bản mặt đang ôm đít kê đau, đang đực ra như bất cứ thằng đực nào bị đá... Con người thằng cha trông sao sương khói tiêu điều quá.

Hắn bây giờ là một hư không trống trải. Hắn hình như muốn biến từ cái có đến cái không, hắn hình như muốn hiện ra từ cái không sang cái có. Trông hắn chẳng bảo đảm một niềm tin nào cả, một tí teo hy vọng nào cả... Những ý nghĩ khiến Trầm ngó Trương dữ dội. Trương ngẩng cổ lên cao một chút đầu tóc để khô rời ra, mắt sâu cho người đàn

bà thấy một nét duyên của thao thức suy tư.

–Anh biến mất một thời gian anh bỏ tất cả mà đi ai cũng lo...

–Cảm thấy nhiều tội quá... chạy trốn sau khi bị trục xuất mà trở về bây giờ cũng là trở về trộm.

Trầm chắc lưỡi. Bụng dạ nàng sục sôi trăm ý tưởng cồn cào, nàng tham vọng muốn rốc hết ra trong khoảnh khắc thời gian này. Nàng cười cầm chừng.

–Anh uống bia nhé.

Trầm trở ra với hai cốc thủy tinh màu nắng trắng rót đầy nước bia vàng ngàu sủi bọt. Trầm nhìn những phiến nước đá bông bênh trên miệng ly nghĩ bụng: thằng cha đang sủi bọt như cốc bia lạnh này đây... Thấy thương quá

mình nói chuyện với ai cũng khỏe sao với thằng cha này miệng mình như cánh cửa sắt khó mở khó đóng. Lâu nay mình viết bao nhiêu câu văn cũng xong mà ngồi vào viết một cái thư thì là cơ hồ như không xong... nàng thở phào ngồi dựa lưng hai tay cầm lỏng hai thành ghế. Trương nhả mặt cười, uống hai ngụm bia rồi đặt ly xuống đảm thắm nói không biết đây là bia đá hay bia miệng. Trầm nhếch mép không tròn nụ cười.

–Tôi đã thấy rõ con Cỏ May, thấy cả đầu đuôi của nó, thấy cả từ những việc làm giả để che cái đau thật, từ cái nghĩa đen đến cái nghĩa bóng của nó... Tôi cũng đã thấy anh...

Trầm giựt mình lên, ngó Trương cười:

– Chưa đi đã vội lăn bánh xe ầu... tôi thiệt là đại vô duyên rồi đa.

–Sao lại nói... coi tôi như khách lạ vậy...

Trầm nhún vai:

–Ý tôi không muốn nó có bấy nhiêu...

Trầm chợt nhận thấy cái nhìn của nàng thật trong veo sáng suốt: Nàng nhìn về phía Cỏ May: Trương vẫn còn yêu mi say và sốt như chưa bao giờ; nàng nhìn về phía Trương: Cỏ May vẫn còn yêu anh say và sốt như chưa bao giờ

(còn tiếp)

Nguyễn Xuân Hoàng

HANG ĐỘNG TUỔI THƠ

Tôi sẽ trở lại thành phố đó; nơi tôi đã sống qua những ngày thơ ấu buồn thảm, quê hương của những hàng cây muồng hoa vàng nghệ xấu xí, lùn thấp và rất ít bóng mát, bãi cát vàng chạy dài mùt mắt, rừng dương xanh rợp lá không hơi thở người; nơi tôi đã lớn lên trong một thứ hạnh phúc khổ não, dưới mái nhà mà đêm đêm tôi lén lút trở về đi nhón gót trên những ngón chân dò dẫm trong bóng tối quen thuộc một

cách xa lạ, tôi đã nằm lăn khênh ra trên tấm phản gỗ sần sùi cứng nhắc hay co rút ở một hốc cửa đầy những muỗi đen, lúc đó tôi biết chắc là chẳng một ai còn mong muốn thấy mặt mình; ở ngôi nhà đó, trong thành phố đó tôi đã thấy mình mòn, chết, mất tích, sủi tăm, tan biến như hạt muối chìm trong nước, đã học được bài học nhục nhã đầu tiên, đã hiểu thế nào là hắt hủi và lạnh nhạt, đã biết cười khi nước mắt dâng ứa hai bên khóe, đã biết cảm ơn khi tai nặng thù hằn, đã biết ngậm câm khi miệng sần đầy tiếng nói...

Tôi sẽ trở lại thành phố đó. Tại sao ?

Buổi trưa ở sở về người ta đưa cho tôi cái tin điện :

“Cha hấp hối. Stop. Về ngay”. Còn có lý do nào khác ?

Tôi biết mình sẽ phải làm gì: lấy vé máy bay và chờ đợi chuyến của mình.

Chờ đợi, hình như đó là thói quen của tôi, như sự tôi quen chịu sự đè nặng của chiếc kính cận trên sống mũi. Người thiếu nữ mặc áo màu xanh, tóc thả lộn, đứng sau quầy bán vé không buồn trả lời khi tôi hỏi. Nàng có những ngón tay thon dài trắng nõn, con mắt sâu đen, chiếc mũi xinh, nhưng cái miệng đã bị khóa. Viên chủ sở cầm cái tin điện của tôi trên tay nhìn phớt qua và vui vẻ chấp thuận lời xin của tôi. Vui vẻ ? Lạ không ? Vậy ông ta chẳng phải là người tốt bụng sao ? Khuôn mặt đầy đặn hai con mắt rộng lượng, mái tóc thưa, nụ cười hiền, những bước đi ngắn và chậm, cử chỉ khoan thai, tất cả không đủ làm nổi bật cái đặc tính đó sao ?

Nhưng tại sao nụ cười của ông khi nhìn tôi ?

Có lẽ trong con mắt nguội lạnh tôi, trên khuôn mặt phẳng lì tôi, trong giọng nói khô khan tôi, thiếu vắng cái vẻ bù ngùi cần thiết, nỗi lo âu thường trực đang chế ngự mà hình như bất kỳ một người con nào ở tình trạng đó cũng đều phải thủ thế.

Chẳng phải đâu.

Vẻ bù ngùi, nỗi lo âu vẫn quanh quẩn đâu đó nơi tôi, nhưng tôi biết bộ máy phát hiện tình cảm trong tôi đã hỏng. Tự bao giờ ?

Ai mà hiểu được.

Làm sao đây?

Bởi vì tôi đã rời bỏ thành phố đó quá lâu, chạy thoát ngôi nhà đó quá sớm, chia tay những người đó quá nặng, để bây giờ có thể nhìn thấy lại trong trí tưởng con đường, hàng cây, góc phố, cánh cổng, khuôn mặt.

Không. Thật chẳng dễ gì khi phải xoay trở, di chuyển, chấp nối những hình ảnh rời rã của cha tôi. Hãy tưởng tượng một người đàn ông say sưa thường trực, hai con mắt đỏ ngầu kinh khủng, và mùi rượu nồng nặc bay tràn theo những lời nguyên rửa từ chiếc miệng quỷ ám ấy. Hãy hình dung những giọt nước mắt lạnh băng của má tôi, nổi hãi hùng run rẩy của lũ em tôi, và tôi (tại sao không?). Tôi, thằng bé con đang trốn nhủi trong hốc cửa, chui rúc dưới gầm bàn, nép sau thành giếng với hai bàn chân trần lúc

nào cũng thấp thỏm chực lủi chạy như con cú đất.

Phải nghe thấy vào lúc đó tiếng hát lè nhè của những tên lính Lê Dương đang nghêu ngao trên đường phố, tiếng kêu thét rợn người của một chị bán hàng rong bị hãm hiếp tức nghẹn trong ngõ hẻm; phải nhìn rõ vào lúc đó mâm cơm còn nguyên vẹn nhưng đã nguội tanh trên bàn ăn, chẳng ai còn đủ can đảm kéo ghế ngồi xuống mặc dù ai cũng biết rõ là mình đang đói.

Chúng tôi đã sống nhớn nhơ giữa lòng căm thù và sự run sợ trong căn nhà đầy nước mắt cùng với những lời nguyện rửa nồng hơi rượu cay ấy.

Không. Thực ra chẳng còn gì để nhớ

đến thành phố đó, ngôi nhà kia, những người nọ; đứa bé bất hạnh ngày xưa là tôi không có hơi hướm trong chăn nệm, không có người thân để yêu mến, không có tổ ấm để trở về khi bóng tối và lạnh lẽo ngã xuống.

Cũng may là ở trong thành phố đó, nó còn được nhìn thấy biển xanh và cát, và rừng dương, và núi đá, và hang động...

Tại sao không phải là tôi, kẻ tiên phong trong việc khai phá những nơi trú ẩn kín đáo và tiện nghi nhất cho những kẻ yêu nhau, vị ân nhân số một của nhân loại vì đã ban phát hạnh phúc cho giống đực và giống cái khi chúng cùng nhau chia xẻ Thiên-Đường trong sự kề cận thân xác ?

Tôi bắt chước Thượng Đế và hình như năm mươi ba tuổi, tôi thấy mình chẳng khác Ngài bao nhiêu.

Tôi còn có đủ cha mẹ, một người anh và hai đứa em. Tôi còn đủ lòng thương yêu và niềm kính trọng, biết ngước mắt nhìn lên, biết nghiêng đầu cúi xuống, biết nín cười khi phải cười, biết giả cười khi phải khóc... Nhưng dường như tôi không có gia đình. Gia đình, danh từ xa lạ ấy. Có lẽ tôi đã hoài công tìm kiếm chất hồ tốt hơn để làm dính liền tôi vào những người thân thuộc.

Không. Chẳng phải đâu. Tôi chỉ còn nhớ loáng thoáng những con đường lá me mưa, bãi cát không dấu chân người

buổi sáng sớm, khu rừng dương nóng bỏng lửa mặt trời, và những hang động bằng đá lạnh buốt coir trên Vịnh biển, nơi mà tôi đã chạy và đến đó, ẩn náu, lăn vùi, la hét, cười nói, chửi thề nguyên rủa những đối tượng không tên.

Vậy mà cha tôi đang hấp hối trong thành phố đó. Có lẽ tôi sẽ phải trở lại quê nhà để có thể nhìn thấy cùng một lúc khuôn mặt người (với những đường gân máu đỏ rợn trong đôi mắt chắc đã thất thần, sự khô héo cần cỗi của một thể xác đã được tàn phá và đốt cháy bằng những xi rượu để chắc đang tan rã đến những tế bào sau cùng của sự sống...) và khuôn mặt buồn rầu của anh em tôi cùng nỗi bất hạnh xa lạ thừa thừa của chính tôi.

Quê nhà, đó là cuốn vở nháp bỏ quên của trí nhớ với những trang viết tập đầu tiên bằng thước kẻ đập sừng và mu hai bàn tay và bằng những giọt nước mắt nóng hổi làm ướt đầm đôi gò má nhô xương.

Tôi sẽ trở lại đó chứ ?

Tại sao không ?

MƯA TRÊN CĂN GÁC GỖ

Có lẽ không còn trận mưa nào lớn hơn trận mưa đêm qua. Cho đến sáng nay bầu trời vẫn còn lầy lất

hơi nước ướt mềm và ẩm đục. Tôi ngủ ít nhưng vẫn tỉnh táo. Qua chấn song cửa sổ, dưới những chùm bông giấy đỏ, tôi nhìn thấy người đàn ông chủ nhà đang ngồi trên ghế mây hút thuốc, đu đưa hai chân. Màu trắng của áo quần giấy nón và mái tóc ông hiện lên trong một buổi sáng mù đục làm nhợt nhạt thêm màu da vốn đã tái xanh của ông. Tôi cắm lò điện đun nước tự pha cà phê cho mình. Cơn mưa đã dứt hồi nửa đêm nhưng nước không lối thoát đã tràn ngập suốt con hẻm vào nhà tôi. Nó sẽ giam giữ tôi ít nhất là hết buổi sáng hôm nay. Hết buổi sáng hôm nay tôi sẽ ngồi uống cà phê một mình trên căn gác gỗ buồn thiu giữa đồng chiếu chần xô lệch này sao? Hình như tôi sẽ nhớ một chỗ ngồi quen ở quán nước, những bạn bè, những mẩu chuyện gẫu long bong lêu bêu, những điệu thuốc.... Nghĩ tưởng đến một chỗ ngồi bỏ trống

ở đó, một người bạn không đến, một ly cà phê và chiếc bánh không được mang ra. Nó làm sao vậy ? Nó đi đâu sáng nay ? Rồi nó sẽ đến chớ? Chờ thêm một chút nữa chẳng ? Một ly trà nóng nhé ? Nản quá ! Đi đây. Đi đâu vậy ? Câu chuyện ấy bây giờ ra sao ? Đã tới đâu rồi ? Chuyện gì ? Thôi.

Tôi đặt chiếc ly trên sàn gỗ, để cái phin cà phê lên, nằm sấp xuống, ngực kê trên gối, nhìn những giọt nước đen quánh đặc sệt nhỏ giọt. Từng giọt, từng giọt. Tôi không mắc chứng khó ngủ, nhưng đêm qua tôi đã loay hoay đến gần sáng. Tôi đã làm gì suốt đêm qua vậy ? Hình như tôi đã tìm cách biên cho Kim một lá thư. Không. Những lá thư viết khó đã bị bỏ dở chừng, tôi đã xé, đã vò nhàu, đã vất. Kim, Kim ở xa. Em đã nhận được thư của anh chưa. Em đừng quan

tâm đến những điều anh đã biên trong đó nghe. Những điều ấy không có thật vì anh đã tưởng tượng ? Em đâu có giận anh, phải không.... Làm sao mà tôi có thể ngủ được trong tiếng mưa ào ạt và giữa sự ướt át của những hồi tưởng dồn dập không ngừng trong một đêm như đêm nay ?

Phải rồi, trên những tờ giấy trắng mỏng với ngày tháng và năm, tôi đã không viết cho Kim được một dòng chữ nào, chỉ là những nét phác họa một vài bộ mặt bất kỳ nào mà tôi đã có lần gặp gỡ ở đâu đó, những bộ mặt chợt đến chợt đi, chợt hiện chợt biến, nhưng không bao giờ mất tăm, chúng chôn vùi ở một chỗ nào đó trong tận cùng ý nghĩ tôi và thật là thảm hại xiết bao khi tôi đang biết rõ là mình phải mang giữ nó như người ta mang cục bầu trên lưng.

Đây là Thế, tóc ngắn lờm chờm hàm răng nhô ra bày cả hàng lợi đỏ ngay cả lúc hăn không nói, vẻ đứng đắn nghiêm nghị của hăn trong lối tiếp chuyện cùng với những cử động láu táu ở hai bàn tay, cái nheo mắt nhúu trán làm bộ như đang suy nghĩ một điều gì lung lăm, chiếc cà vạt màu xanh thắm với những đường kẻ màu đỏ chói trên chiếc cổ áo trắng hồ cứng đầu cúi xuống trịnh trọng khi hỏi mượn chiếc ghế ở bàn bên cạnh, chiếc cặp bằng da dày cộm trên tay như một người chạy áp-phe, đầu gật gù khi đồng ý một câu nói, đã bày ra một cách lộ liễu những mặc cảm nơi người hăn.

– Thời đại chúng ta đang sống là thời đại của sự nguyên rửa !

Thế đặt ly Coca xuống bàn, ngã người ra thành ghế nói một cách nghiêm trang đến thực thà. Lúc đó Hà đang ngồi giữa

hai chúng tôi. Tôi thấy mắt nàng cười cợt dưới lớp kính màu, Thế nhìn thẳng vào mắt tôi :

– Anh không nhận ra được điều ấy sao ?

Tôi hỏi :

– Anh muốn nói cái gì vậy, tôi không hiểu gì cả ?

Hắn uống thêm một ngụm Coca.

– Thực tình anh không hiểu gì chứ ?

– Thật mà, anh không tin tôi sao ?

Hắn khoa tay một vòng,

– Cái này dài dòng lắm, nhưng mà này, anh có hay đọc sách báo gì không nhỉ ?

Tôi nói, có chứ, tôi vẫn đọc báo hàng

ngày. Anh muốn nói những tin tức thời sự sao đường Ph. D. bị pháo kích tòa báo Ch. L. bị ném chất nổ, hay sự diễn tiến chậm chạp của hội đàm Balê ?

– Không phải, thực tình là anh đã không hiểu gì hết. Tôi muốn nói đến những tạp chí Văn nghệ, những bài phê bình và nghiên cứu văn học, tình trạng sinh hoạt của văn hóa miền Nam ta kia.

– À, cái này thì tôi không đọc, không biết bao giờ. Họ đã viết cái gì trong đó vậy.

Hắn nhìn tôi, dưới lớp kính trắng dày, con mắt biểu lộ sự thương hại thấy rõ. Ông thực là một người vô tích sự, ông không hiểu gì cả. Ít ra hắn cũng đã nghĩ về tôi như thế.

Lúc đó hình như Hà tháo kính ở mắt xuống lau đi lau lại trên chéo áo :

– Quên đi mất, anh Thế là một nhà văn, sách anh ấy được người ta chú ý lắm, một souffle [hơi thở] mới trong văn học miền Nam ta từ mười lăm năm trở lại đây đó.

– Xin lỗi anh, điều này thật tình tôi không biết.

Tôi quay sang Hà, tại sao cô không nói với tôi sớm hơn một chút, tôi sẽ tìm đọc tác phẩm của anh ấy. Và tôi nói với hẳn, thưa anh, tôi muốn xin một quyển sách của anh, nếu có chữ ký và lời đề tặng của anh nữa thì lại càng quý hóa biết bao nhiêu, tuy nhiên hình như cho đến bây giờ tôi vẫn không thể hiểu được mối liên hệ nào giữa “thời đại của sự nguyên rửa” và những tạp chí văn nghệ hay phê bình

văn học mà anh vừa hỏi tôi.

– Có chứ, Dài dòng chính là ở chỗ ấy đấy. Anh có biết không, sau quyển sách đầu tiên của tôi (?) tôi cũng chẳng còn thiết gì đến việc sáng tác nữa trước tình trạng văn hóa trì trệ hiện nay. Anh nghĩ xem, còn có nghĩa gì một quyển tiểu thuyết trước những người đã chết trong một thiên tai hay chiến nạn như trận lụt miền Trung hay biến cố Mậu Thân năm nay.

Văn chương chẳng làm được gì hết khi nó không phải là thứ văn chương cách mạng làm đứng dậy những người nghèo đói.

Tôi ngồi im lặng nghe hắn nói, vẻ tự đắc tự mãn nhẩy múa trên những kẻ rằng hờ. Tôi nhìn Hà đùa nghịch những hạt đường cát trắng bằng cách nhúm hai

ngón tay bốc từng nhúm nhỏ thả trong ly cà phê đá của tôi, những hạt đường trắng sáng lấp lánh đang từ từ chìm xuống trong cái màu nâu sánh loãng như sự khoái cảm đang lắng xuống sau trận ái tình no nê. Tôi muốn nói với Hà, cô là một nhà văn có lẽ cô hiểu được anh ấy, tôi, tôi không hiểu gì hết. Và tôi nhồm dậy, xô ghế bỏ đi. Tôi biết nếu tôi phải ngồi nán lại thêm một chút nữa, uống thêm một hớp cà phê nữa, nói thêm một câu nữa, có lẽ tôi sẽ không giữ được sự bình tĩnh. Mất bình tĩnh với một người quen lần đầu, điều này xấu và kỳ lắm.

Hà không giữ tôi lại nhưng hấn mở lớn mắt nhìn tôi, có lẽ hấn ngạc nhiên vì tôi đã đi trước khi hấn còn có thể làm cho tôi hiểu rõ hơn về những điều hấn đã nói.

Dường như, ít lâu sau Hà có cho tôi biết rằng hần là một nhà văn dấn thân, văn chương của hần dính liền với thực tại đau xót khốn khổ này, hần đứng về phía những người nghèo, hần làm văn chương để cho người nghèo đọc, hần tin những trẻ em chết đói, bệnh tật và đốt nát rồi ra sẽ hồi sinh trong dòng văn chương của hần.

Tội nghiệp cho những đứa trẻ bệnh tật, đói khát, và đốt nát ! Tội nghiệp cho những người đã, đang và sẽ chết trong một thiên tai hay một chiến nạn ! Chữ nghĩa nó cao quý và thần hiệu như thế đấy. Và cũng thật chẳng còn lạ lòng gì khi tôi nghe thấy hần có cái giọng điệu giống hệt giọng điệu của một nhà văn ngoại quốc nào.

Nhưng vừa thôi chứ. Tôi đã bôi nhiều mực quá trên một khuôn mặt không được vạm vỡ bao nhiêu.

Hình như tôi cũng vẽ được trên một tờ giấy khác khuôn mặt của bà K nữa, Bà K là một người đàn bà không được đẹp lắm nhưng cũng không đến nỗi xấu tệ như những nét vẽ của tôi.

Có lẽ tôi đã dài dòng quá, phải không ? Để một lần khác nhé. Tôi không uống nổi thứ cà phê nguội như nước lạnh được đâu.

NGUYỄN XUÂN HOÀNG

Đã phát hành:
MƯA MẮT TÌNH
thơ
ĐẶNG TẤN TỚI
VẬN ĐỘNG XUẤT BẢN

ẤN PHẨM THỨ NHẤT CỦA
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

Thú Hoang

Truyện dài của

NGUYỄN THỊ THỤY VŨ

MỖI NHÂN VẬT LÀ MỘT CON
THÚ HOANG QUYẾT LIỆT SĂN
ĐUỔI TÌNH YÊU TRONG VÒNG
VÂY DƯ LUẬN TÌNH LẺ
VÀ TỘI LỖI.

TÁC PHẨM TÁO BẠO NHẤT
CỦA

CÂY BÚT PHỤ NỮ
TÁO BẠO NHẤT.

